ĐINH KHANG HOẠT
Tự Duy Khang
Sinh quán: Ninh Bình, VN.

** Nguyên giảng-viên:*
- Chính Trị tại Trung Tâm Biệt Chính/XDNT (1964-1967, Vũng Tàu)
- Ban Cao Đẳng Sư Phạm Nông - Lâm - Súc (1971-1973)
- Thanh Tra Nha Học Vụ Nông Lâm Súc, Sàigon, (1971-1973).
- Chương trình GED thuộc Đại Học Cộng Đồng Portland (PCC - 1994)

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Việt Sử Trường Ca (1994).
- Vấn Đề Văn Hóa Việt (Viết chung với Hoài Nguyên, 1994).
- Tiếng Việt , (1997).
- Tinh Hoa Sử Việt, (1999).
- Điểm Sách "Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam, 2002.
- Con Đường Cách Mạng Việt - I, (2003).
- Bàn về Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo, (2004).
- Con Đường Cách Mạng Việt - II, 2006 (Viết chung trong Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt).
- Những Tính Tốt & Xấu của Người Việt (viết với Ts. VõQuí Hân, (2005).
- Hiểm Họa Xâm Lăng & Đồng Hóa của Trung Quốc, (2008)
- Hai Dòng Văn Chương Việt: Bác Học & Bình Dân, (viết chung với Ts. VõQuí Hân, (2009)
- Tết (viết chung với Đinh K. Thanh Hà, (2009).
- Bản Sắc Việt Nam, (2010)
- Thời Cuộc VIệtNam & Thế Giới (Viết chung trong Nhóm Nghiên-Cứu Văn Hóa Việt), 2010.
- Đạo Sống Việt (Minh Triết Việt , (2011)
-Vấn Đề Văn-Học Dân Gian (Viết chung với Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt), 2011.
- Vấn Đề Việt Ngữ, viết chung trong nhóm Quan Tâm Việt Ngữ, (2013).
- Nền Triết Học VIệtNam, 2013).
- Tương Quan Chủng Tộc với Ngôn Ngữ (Viết chung với nhóm quan tâm Việt Ngữ, (1916).
- Ngọn Cờ Vạn Thắng (Tư Tưởng Lý Đông A tuyển tập), 2018.
-Sắc Thái Văn Hóa Việt, 2018.
- Những khúc mắc về lịch sử & văn hóa Việt. 2020.
-Qua Luận Ngữ, đi tìm một nền giáo-dục tương-lai, 2021.
-Bất Chiến tự nhiên thành, 2022.
-Sự Thành Tựu Tuyệt vời trong Văn-hóa Việt (2022)
-Thi văn hoài niệm, 2022.
-Đạo Đức Kinh của Lão Tử với nền Triết Học Lý Đông A, 2023.

BÁO CHÍ:

* *Chủ Nhiệm:*
- Nguyệt San CHÍNH KHÍ (1984)

* *Chủ Bút:* Nguyệt San DÂN Ý (1995)

Lão Tử với nền triết-học Lý Đông-A

Đạo Đức Kinh với Triết Học Lý Đông A. *Đinh Khang Hoạt*

Đạo Đức Kinh

của

Lão Tử

với nền

Triết Học

Lý Đông A

Đinh Khang Hoạt

2023

Đinh Khang-Hoạt

Đạo Đức Kinh

của

Lão Tử

với nền Triết Học

Lý Đông A

Đinh Khang-Hoạt

Mục lục

Mục lục I
Thay lời tựa. III
Chương I : Bối-cảnh phát-sinh 1
Chân-dung Lão Tử 9
Chương II 13
Nội-dung Đạo ĐứcKinh. 15
- Kinh 15
- Đạo & Danh. 15
- Đức 25
-Lý tắc vận-động của Đạo 37
-Đức theo Lão Tử 47
-Đạo với nhân-sinh hành vi 51
-Biết tri túc (Biết đủ là đủ). 52
- Không cạnh-tranh 53
-Công thành thân thoái 54
-Dĩ đức báo oán 58
*Tương quan tư-tưởng của Lão Tử với các nguồn tư-tưởng trong van hóa Việt. 60
* Tóm kết 90
* Hai nền văn hóa khác-biệt: Du mục và nông nghiệp 95
* Bảng đối-chiếu giữa nông nghiệp và du-mục 115
Chương III 118
- Triết-học Lý Đông A 119
- Đôi dòng sử về Lý Đông A 123
- Vai-trò tư-tưởng 129
- Bản-thể, uyên-nguyên của vũ-trụ . .137
- Vũ-trụ quan
-Biện chứng Duy nhiên 149
-Nhân sinh quan (Biện-chứng duy nhân) 151
- Biện-chứng duy dân 154
* Bản-vị học-thuyết 159
* Hiệu-quả của triết-học Lý Đông-A 163
- Đấu-tranh tu-dưỡng tự thắng. 165
-Gia-đình 168
- Quốc-gia 169
- Thế-giới 171
- Bảng tổng lược vũ-trụ-quan-nhân sinh quan - xã hội quan của triết học Lý Đông A . . 173
- Bảng tương đồng giữa Đạo Dức kinh với nếp sống nông-nghiệp trồng lúa nước . 177
-Lá cờ của Đại Việt Duy Dân. . .178
-Ngôi nhà biện-chứng Duy Dân 181
- Lý Đông A học-thuật 182
- Hiệu dụng của tư-tưởng Lý Đông A. 185
- Thư mục Lý Đông A 189
- Phu Lục 192

Thay lời tựa

Đạo trường ngâm

Một vòng không đáy, đáy sinh người
Ngảnh lại trông đi mấyViệt khơi
Thường vậy, vô danh văng-vẳng
Mà nay hữu thực bời-bời.

Tiết gìn thiên cổ tình khôn dãi,
Óc tính trăm năm gan dễ phơi.
Khép mở hồng hoang vần chuyển mãi
Duy nhiên khuấy động ba nghìn trời.

Ba nghìn trời, một khoày thấy đâu
Đám bụi btrần ai luống đục ngầu.
Sách hoá trắng tinh không một chữ
Gậy thần đốt trúc có hai đầu,

Sông Thao nước cuốn bên bồi lở
Núi Tản, mây vần độ bể dâu.
Đông Tây một nhẽ xuyên kim cổ,
Vũ rrụ huyền hoàng mối Lạc Âu.

Mối Lạc Âu gỡ trải bao giờ
Bờn cát, ngàn tre, gió phất-phơ
Trúc lụa đã dày phen trị loạn
Son xanh còn chiếu dạ hơn thua.

Cương thường chắp nối hai kiếp lại
Văn vũ trì trương một nguyện xưa.
Hỗn độn đã nhiều công mang mỡ
Chỡn mây cho mưa nắng hững-hờ!

Nắng mưa tâm sự ở trần đời,
Tạo hóa như không, lọ có trời
Đồng Trung Hoa đến mang làm cột
Máy Pháp Lan sang để chém người.

Đạo nghĩa gớm cho quân lợm khẩu
Nhân quyền khiếp cả lũ xanh ngươi
Ngẫm xem muôn vật đều đắc ý
Rẽ-rạch Hồng Bàng tính cổ thời

Tính cổ thời ngày một đi đi
Trách ai cát cứ gọi Hoa Di
Cỏ xanh kia, lấy bạo thay bạo
Gạch tía này, sướng chi khổ chi?

Sự tích thôi dầu hươu quạ
Sinh linh thế ấy phân ly
Xuân Thu ướm hỏi bởi vi vị
Hay bởi Xuân Thu bởi vị vì.

Bởi chút vị vì tính lẽ đời
Ba sinh còn hồn mộng đôi nơi
Giang sơn dựng thuở, ai tát bể
Quan lũ tgây từ kẻ trụ trời.

Yác giả vô danh là gốc đạo
Noãn bào trăm họ, ấy giềng người
Đây dòng nước băng-băng chảy mãi
Chớp bể, mưa nguồn nào có nguôi.

Chớp bể mưa nguồn kéo khắp miền
Xá chi tắm gội, xá truân chuyên
Bút nghiên đèn sách đều sai lạc
Kim cổ Đông Tây cũng hão huyền.

Ví biết lửs hương tìm chắp nối
Là hay vàng đá đã trao truyền
Văn minh nghĩ kỹ còn nhiều việc
Đem cả muôn loài lên Duy Nhiêm.

X.Y. Thái Dịch Lý Đông A

GIẢI NGHĨA NHỮNG CHỮ KHÓ:

***Đạo**: đường đi, lối bước. Đạo-lý là một cái lẽ nhất-định ai cũng phải noi đấy mà theo như: nhân-đạo là đạo làm người; Vương đạo là đạo-lý của bậc vương giả; Bá đạo là đạo-lý của bá giả (nhân nghĩa giả). Các nhà truyền giáo đem cái lẽ hay trong giáo mình nói cho người biết mà gọi là truyền đạo. Đạo còn là một tên riêng để chia khu-vực trong nước. Thời nhà Đinh, nước ta chia làm 10 đạo do Lê Hoàn làm Thập Đạo Tướng Quân. Chữ Đạo ở đây có nghĩa là đạo làm người.*
***Đạo tràng**: Nơi tu đạo, nơi làm lễ cầu cúng.*
***Đạo giáo**: Tông-giáo thờ ông Lão Tử làm tiên-sư,*
***Trường Ngâm**: Trường là dài; Ngâm là một thể cách trình diễn bài thơ bằng âm thanh giống như ca hát vậy. Nói chung Đạo Trường Ngâm là một khúc trường ngâm nói về đạo.*
***Một vòng không đáy**: Là một cái vòng tròn tưởng-tượng để hình-dung ra ý-nghĩa mà giải-thích danh-từ "vũ trụ". Vì trên bản-thể của cái vòng tròn là đường không có đầu mối. Không biết chỗ nào là nơi khởi-đầu, cũng như không có chỗ nào là chỗ tận cùng. Đúng với quan-niệm nhà Phật trong câu "Vô cùng duyên khởi" – Vô hạn cứu cánh" để nói cái đặc-tính của thời-gian + không-gian tức là vũ-trụ vậy.*
***Cái vòng lại không đáy**: Đến bể rộng mênh-mông không bờ không bến mà còn có đáy. Ở đây cái vòng không trước không sau, lại không cả đáy nữa, thế là chẳng dính-líu, vướng-vít vào đâu cả, ấy là nói cái nghĩa của chữ "vô nguyên" tức là **vũ-trụ vô nguyên**.*
***Sao đã nói không đáy**, lại nói đáy sinh người? Không mà trở nên có, đó là cái lý "chân không diệu hữu của nhà Phật", nghĩa là từ cái vũ-trụ vô nguyên sinh ra **con người nhất nguyên**".*

Con người sống trong cộng-đồng nhân-loại là một. Song trong đại đồng có tiểu dị; Từng dân-tộc, từng địa-phương, từng nếp sống trong xã-hội phức-tạp nên loài người trở thành ***xã-hội đa nguyên****.*

Vô nguyên -Nhất nguyên Đa nguyên

= là những nguyên lý của:

Đạo Trời Đạo người *và* **Đạo Đất**

Nói chung là Tam Tài **.**

Ngảnh lại *: Nhìn về quá-khứ, tức là dĩ-vãng.*

Trông đi *: Là nhìn về tương-lai: Dĩ-vãng + tương lai = nghĩa là xưa và nay, tức là: Cổ và kim chỉ thời-gian = Định-nghĩa của chữ trụ (Vãng cổ lai kim vị chi trụ).*

Chữ việt*: là vượt lên, vượt ra ngoài không-gian (bốn phương) – Chữ "khơi" nghĩa là cao sâu (thượng hạ). Định-nghĩa chữ "vũ" (tứ phương thượng hạ chi vũ) theo Hoài Nam Tử. Cả câu "Ngoảnh lại trông đi mấy việt khơi" là định-nghĩa cái bản-thể của vũ-trụ = thời-gian + không-gian.*

Thường vậy*: thường hằng, không thay đổi, không biến-chuyển suy-suyển, v. . .*

Vô danh*: Không tiếng nói, không tên gọi, có nghĩa như lời Lão Tử "Đạo mà có thể nói, có thể gọi bằng tên này tên nọ thì không phải là đạo thường hằng (Đạo khả đạo phi thường đạo và danh khả danh phi thường danh).*

Hữu thực: Có thực

Bời-bời*: Dáng tốt-tươi như "lúa tốt bời-bời"*

Nói vô danh mà còn nghe văng-vẳng, nghĩa là trong cái không có cái có, có một cách tốt-tươi là khác. Đó là định-nghĩa cái thực-chất của vũ-trụ.

Tiết*: nghĩa đen là cái đốt tre, nghĩa rộng là những hiện-tượng hiển-nhiên ta có thể thấy được như (Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình). Ở trên trời gọi là tượng như mặt trời, trăng sao, v.v. . . Ở dưới đất gọi là hình như sông, núi, cỏ cây, vạn vật. Nói "Tiết gìn thiên cổ" là nói cái hình tượng trong trời đất từ muôn xưa vẫn gìn-giữ thường hằng.*

Tình*: Là những cái tiềm ẩn ở trong, không thể thấy, bằng con mắt thường, mà phải tìm biết bằng khối óc suy-tư của con người. Tuy nhiên, con người dù cuộc sống có hạn trong khoảng trăm năm, có thể có bộ óc thông-minh mà tính-toán tìm ra những nguyên-lý này, những quy-luật kia. Lấy gan can-đảm khám-phá vũ-trụ, phơi-bày ra những điều bí-mật của tự-nhiên, cho nên mới nói: "Óc tính trăm năm gan dễ phơi".*

Khép *: Đóng cửa, nghĩa của chữ "hạp". Mở = mở cửa, nghĩa của chữ "tịch". Kinh Dịch: "nhất hạp nhất tịch vị chi đạo" (một đóng một mở gọi là đạo).*

Hồng-hoang*: Trạng-thái hoang-vu, bao-la rộng lớn đó là thuở chưa phân âm dương, chưa gọi là trời đất.*

Duy nhiên*: danh-từ triết-học nói về tự-nhiên vũ trụ.*

Khoáy động*: Sức chuyển động tự-nhiên xoay quanh một đường xoáy quỹ-đạo như một cái khoáy mà đầu mối là duy-nhiên.*

Ba ngàn trời*: Theo đạo Phật thì vũ-trụ gồm có ba ngàn đại thiên thế-giới (tam thiên, đại thiên thế giới).*

Trần ai*: Cũng như danh-từ thế-gian, thế-giới nơi loài người ở.*

Sách hóa, Gậy thần*: Hai thần vật của Tản Viên Sơn thánh.*

Sông Thao*: Lưu-vực sông Hồng Hà thuộc địa-giới phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.*

Bể dâu*: Bể xanh biến làm ruộng dâu (thương hải biến vi tang điền) nói về sự đổi thay, biến-dịch.*

Huyền hoàng*: Trạng-thái mịt-mù mà trời đất thuở hỗn-mang.*

Lạc Âu*: Tên gọi của dân tộc Việt. Lạc – Việt, Âu*

Việt, Âu Lạc, v.v. . .

***Bơn cát**: Bãi cát nổi lên ngoài bể.*

***Trúc lụa**: Hay trúc bạch = Tre và lụa khi xưa . Đoàn quân chiến-thắng ca khúc khải-hoàn, người ta ghi những chiến công lên giải lụa buộc trên cầu tre dài để nêu cao chiến công hiển-hách. Làm vẻ-vang cuộc chiến-đấu và vinh-dự cho người lập công. Nói đã dày phen trị loạn là nói trong quá-trình đất nước, bình-trị để yên dân và xây-dựng hòa-bình.*

***Son xanh**: Son: một thứ đá màu đỏ mài ra mà viết chữ đỏ tươi đẹp . Nét son có giá-trị cao-quý ngang nét vàng để ghi công đầu việc tốt trong sử sách.*

***Xanh** : tre xanh, người xưa chưa có giấy, chẻ tre làm thẻ khắc chữ trên vỏ xanh của tre để chép sử ký, người ta thường gọi là sử xanh.*

***Cương-thường**: Cương là giềng-mối, là trật-tự xã hội. Thường: Năm đạo thường là :nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là đạo của con người đối-đãi với nhau trong gia-đình xã-hội.*

***Hai kiếp**: Người ở kiếp hiện tại, ngoảnh nhìn về kiếp quá-khứ. Trông về kiếp tương-lai là hai kiếp ở trước và sau của mình. Nối hai kiếp trước sau với hiện tại của mình là ba kiếp thành một vòng tiến hóa phát-triển nên lịch-sử.*

***Văn vũ**: Văn : như phong-tục tập-quán, tư-tưởng, văn-chương, nghệ-thuật, chính-trị, kinh-tế, v.v. . . Vũ : như quân-sự, lược-thao quốc-phòng.*

***Tri trương**: Gìn-giữ và phát-huy ra.*

***Hỗn-độn**: Trạng-thái lúc chưa phân ra trời đất, âm dương.*

***Chỡn**: Thái-độ thờ-ơ, mặc-kệ; chỡn thây ý nói chẳng ra gì.*

***Tạo-hóa**: Như những tiếng: Hóa công, trẻ tạo, con tạo, nói về quyền-năng thượng-đế.*

***Lọ**: Tiếng lóng, nghĩa như chữ sai, không đúng, lố bịch, gần đây như chữ quê.*

***China**: Tên khác của nước Tàu. Đồng China (Trung Hoa) : cột đồng do Mã Viện trồng ở biên-giới Hoa Việt.*

***Máy Pháp Lan**: Máy chém của Pháp.*

***Nhân quyền**: Quyền làm người, cuộc cách-mạng Pháp 1789 mệnh danh là cuộc cách-mạng nhân quyền.*

***Xanh ngươi**: Người Pháp có con mắt xanh.*

***Hồng Bàng**: Danh hiệu đầu-tiên của dân-tộc Việt ghi trong trang đầu sử.*

***Hoa Di**: Người Tàu cát cứ, chiếm-lĩnh phần lớn, tự nhận mình là Hoa, coi các dân nhược-tiểu là Di.*

***Cỏ xanh**: Ví như kẻ yếu (dân nhược-tiểu).*

***Gạch tía**: do chữ lầu son gác tía. Gạch tía tượng trưng quyền-hành vua chúa.*

***Tử khuyết**: Cửa tía, cung vua.*

***Sinh linh**: Nói về quần-chúng.*

***Xuân Thu**: Tên hai mùa của một năm, một năm có 4 mùa. Theo thời-tiết trong năm thì mùa Đông ngày ngắn đêm dài, mùa Hạ ngày dài đêm ngắn, chỉ có mùa Xuân, Thu có nghĩa như hòa-bình, công-bằng. Khổng Tử làm kinh Xuân Thu lấy tư-cách công-bằng mà khen chê, phân-biệt thiện, ác của các vua chúa, bênh-vực quyền dân.*

***Vị vì**: Chữ "Vi", bình thanh đọc là vì , khứ thanh đọc là vị = Vị là vị tha. Vì là vì người khác mà hành-động.*

Vị : Vị là ngôi, ngôi vua, địa-vị của mỗi người, cũng như cương-vị, ...

***Tát bể**: (Huyền-thoại nói về thần tát bể) Thuở chưa có trời đất thì tất-cả là một bể nước. Lúc đó có ông vô danh ra tay tát vơi nước biển cho trật ra những sông, những núi, đất đai, biên-cương, lãnh thổ để xây-dựng nên quốc-gia. Truyện "thần trụ trời" cũng*

thế. Thuở còn là một khối lớn hỗn-mang, chưa phân-biệt âm dương, trời đất, lúc đó có ông (vô danh) lấy đá làm cột chống đẩy khí dương lên cao khỏi mặt đất để cho trời mãi-mãi ở trên cao, giành khoảng giữa mà đội trời đạp đất ở đời.

***Noãn-bào**: Bọc trứng. Từ bọc trứng bà Âu Cơ sinh ra trăm con . Trăm con trở thành trăm họ (Bách tính). Tóm lại trong ý-nghĩa "Cái vòng không đáy (vô nguyên) sinh ra con người (nhất nguyên) . Bọc trứng (nhất nguyên) sinh ra trăm con = trăm họ (đa nguyên). Đó là nguyên-lý của Đạo. "Đấy dòng nước băng-băng chảy mãi", nay là định-lý biến dịch của vũ-trụ. Khổng Tử đứng nhìn dòng nước chảy đã than rằng: Chảy mãi như thế kia ư ? Không ngớt ngày đêm (Thệ giả như tư phù? Bất xả trú dạ).*

***Chớp bể mưa nguồn**: Hiện tượng của tự nhiên vận động. Chớp là ánh lửa; bể ở về phía Đông Nam. Lửa sinh ra từ phương Nam. Tượng của lửa là quẻ Ly thuộc dương là (Đạo Trời) hướng Nam cung ngọ. Đối lại "mưa nguồn" : Mưa là nước, nước sinh ra từ phương Bắc, tượng của nước là quẻ "khảm", thuộc "âm" (Đạo Đất) phương Bắc cung Tý. Những yếu tố trên đây là những thành-phần cốt yếu trong guồng-máy hóa (hóa cơ) của vũ-trụ, vận-động xoay vần không ngừng, " Nam Bắc không ngừng xoay Tý – Ngọ".*

***Lửa Hương**: Lửa có đặc-tính : Nhiệt = nhiệt thành : phát minh, sáng tạo, bùng lên mãnh liệt. Khi loài người phát minh ra lửa là lúc loài người tự sáng tạo cho mình một nền văn minh tiên khởi, đó là nền văn minh "nhân tính" khác với "thú tính". Để đoạn tuyệt với thú tính, trước hết là con người có vợ có chồng, tức là gia đình có tổ chức, do đó mà kinh tế, xã hội có tổ chức, đó là điểm xuất phát tối sơ của xã hội người.*

***Hương** : "Ba sinh hương lửa" = Lửa đốt hương cháy, hiện lên hình ảnh sinh hoạt diễn tiến vòng ba kiếp của con người. Trên đầu nén hương, một phần tàn hương đã cháy gọi là phần quá khứ hay "vãng sinh".*

Tiếp đến phần hiện-tại tức là "hiện sinh". Phần này có một đốm lửa hồng đương cháy, đương nóng, đương khói, đương thơm và đương di-chuyển xuống phần chưa cháy về phía tương-lai nên gọi là phần "lai sinh". Đó là sự diễn-tiến 3 kiếp trên thân hình một cây (nén) hương. Tàn hương chỉ dĩ-vãng rụng xuống chân hương, đẩy phần tương-lai tiến lên thế chỗ cho phần hiện-tai để phần này trở thành "vãng sinh". Cái vòng 3 kiếp này là một khâu trong chuỗi vòng tiến-hóa vô cùng của lịch-sử phát-triển. Phần hiện-tại đương là phần sống động, đảm-đương trách-nhiệm lịch-sử và nghĩa-vụ thời-đại.

Nội-dung khúc Trường Ngâm nói về Đạo, tức Đạo làm người ở giữa đạo Trời và đạo Đất. "Hữu thiên đạo yên, hữu nhân đạo yên, hữu địa đạo yên. Kiêm Tam Tài nhi lưỡng chi cố lục, lục gia phi tha, Tam Tài chi đạo dã" (Dịch Hệ Hạ) "Có Đạo Trời có đạo Người, có đạo Đất, gồm Tam Tài mà gấp đôi lên thành sáu (sáu gạch, quẻ kép trong Dịch lý). Sáu đó chẳng phải cái gì khác mà là Đạo Tam Tài vậy".

"Con người phải ăn ở sao cho có trước có sau" , lời tiền nhân dạy thế. Trong nội-dung ý-nghĩa bài này cũng không ngoài lời nói vàng ngọc của người xưa. Cho nên con người trước nhất phải tìm ra cho mình một vũ-trụ quan, nghĩa là tìm ra căn để của vũ-trụ. Sau nữa phải tìm biết cái nguồn-gốc của chính mình để mà biết trách-nhiệm của mình ở đời phải nên như thế nào? Đó là đại-ý của bảy đoạn thơ trong ngâm khúc này.

*

Chương I

Bối-cảnh lịch-sử.

Xuân Thu thời-đại.

(772 TCN - 221 TCN)

Trong lịch-sử Tầu, giai-đoạn bắt-đầu từ Xuân Thu (772 TCN - 481 TCN) là thời-kỳ giai-cáp qúy-tộc phong-kiến thống-trị , truyền tập chính-quyền, cha truyền con nối đời-đời, trong khi ấy nhân-dân không được tham-dự. Xã hội chia làm 10 cấp. Bởi vây, vua trung-ương có thần tử là vua chư-hầu. Chư-hầu có thần tử là công, khanh. Công Khanh có thần tử là quan chức của mình. Qian chức có thần tử là ty chức. Ty chức có thần tử là vô số các quan lại nhỏ, quan lại nhỏ có thần tử là phò-tá, phò tá có thần tử nhân-viên của mình, nhân-viên có thần tử là bộc-lệ. Bộc-lệ hay nô-lệ có kẻ phục-dịch, ngựa có kẻ chăn ngựa, trâu bò có kẻ chăn giắt. Và như thế, môi vật đều có dự định cả....

Kịp đến thời Chiến quốc (403 - 221 TCN) là thời-kỳ suy-đồi, chế-độ phong kiến tan rã.. Hiện-tượng có nhiều hạng người xuất thân ti-tiểu, lại chiếm địa-vị trọng-yếu trong trường chính=trị.

Thí-dụ truyện Ninh Thích, một anh đánh xe bò được Tề Hoàn-Công cất lên có địa-vị, Bách Lý-Hề đương làm tù binh được Tần Mục Công chuộc với giá 5 bộ da dê, rồi trở nên tướng quốc.... Trong khi ấy thì càng có sự suy-đồi của địa-vị qúy tộc....

Tóm lại, dưới chế-độ phong-kiến cổ đại, thiên-tử, vương hầu, công khanh, đại phu, tất-cả đều là chúa tể của dân-chúng.~

Sự suy-đồi của chế-độ phong-kiến diễn ra liên-tiếp trong phong-trào bành-trướng thế lực kinh-tế của nông nô với giới thương-mại mà kết quả là đế chế biến mất. Tình-trạng lái buôn như Lã Bất-Vi từ địa-vị thường trở nên khanh tướng cho nước Tần, chứng-tỏ sự giải phóng của thường dân và sự tích-tụ những gia tài lớn của tư nhân, biểu-thị cho sự thay đổi trong cơ-cấu kinh-tế của thồi-đại Xuân Thu....

Sư hỗn-loạn trong tinh-thần của thời đại đã được Mạnh Tử diễn-tả:

" ***Thánh vương bất tác, chư hầu phóng từ, tử sĩ hoành nghị, Dương Chu, Mặc Địch chi ngôn doanh thiên hạ. Thiên hạ chi ngôn bất quy Dương tức quy Mặc*** "= *Đấng thánh vương chẳng xuất-hiện, nước chư-hầu dông càn, kẻ xử sĩ nói bậy học thuyết Dương Chu, Mặc Địch đầy khắp thiên hạ. Thiên hạ bàn học thuật, chẳng theo họ Dương thì theo họ Mặc.*

Triết-học của thời-đại nhà Chu nảy-nở trong không-khí tự-do tư-tưởng và ngôn ngữ của thời-đại. Hoàn-cảsnh tự-do ấy cũng lại gây ra bởi nguyên-nhân thời-đại giao-thời và của sự giải-phóng khỏi những chế-độ cũ.

Có nhiều tư-tưởng mới xuất-hiện:

Dương Chu và Mặc Địch, hai cự-phách mà tư tưởng ảnh-hưởng rất mạnh vào thời-đại tiếp sau Khổng Tử. Dương Chu chủ-trương **vì mình** "***Bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ bát vi dã*** "= *Nhổ một sợi lông mà lợi thiên-hạ cũng không làm vậy (Thiên Đằng Văn công hạ).*

Ngược lại, Mặc Tử chủ trương **Kiêm á**i. Khổng học, Mặc học và Dương Chu, họ đã trở nên ba chân vạc của tư-tưởng giới.

Trang Tử và Huệ Thi, được coi như một là hiền sĩ, và một là biện sĩ.

Tận ư vạn vật nhi bất yếm, tốt dĩ thiện biện vi danh tích hồ ! Huệ Thi chi tài , đãi đằng nhi bất đức*. = Đem bàn tung ra cả vạn vật mà không chán. Rút lại được tiếng là tay biện bác giỏi. Tiếc thay tài của Huệ Thi lồng-lộng mà không có đức. (Thiên Hạ)*

Tiếp "***Thông biến luận*** " *của Công Tôn Long:*

"***Ngưu dương hữu mao, kê hữu vũ, vị kê. tức nhất, số tức nhị, nhị nhi nhất cố tam, vị ngưu dương tức nhất, số tức tứ. tứ nhi nhất cố ngũ. ngưu dương tức ngũ, kê tức tam, cố viết: ngưu hợp dương phi kê, phi hữu dĩ phi kê dã. Dữ mả dĩ kê ninh mã, tài bất tài, kỳ vô dĩ loại. thẩm hỹ. Cử thị vi loạn danh, thị cuồng từ.***"

Một con bò và một con dê đều có chân. con gà có vũ. Nói về chân gà thì gọi là một, số chân thì hai. Hai với một là ba. Nói về chân của bò va dê thì là một. Số chân của chúng thì có bốn. Bốn với một là năm. Như thế thì dê và bò, một con có năm chân, gà có ba. Như vậy khi rằng một con bò và một con dê không phải một con gà thì không có lý do nào khác thế. Nếu chọn để so sánh một con ngựa hay con gà thì con ngựa có hơn. Cái gì có một phẩm tính và cái gì không có thì không để vào một loại được. Mệnh danh như thế thì gọi là loạn danh và mệnh cử như thế là cưỡng từ.

(Thông Thiên luận)

Trang Tử phê-bình chủ-trương "***ly kiên bạch***" *và* "***đồng nhất dị*** " *của Công Tôn Long như sau:*

"***Tự kỳ dị dã thị chi, can đởm dã. Tự kỷ đống giả thị chi, vạn vật giai nhất dã***. "=

Từ chỗ khác nhau của sự vật mà nhìn thì chúng xa cách nhau như gan với mật. Từ chỗ

giống nhau, mọi sự vật đều là một vậy.

(Đức Xung Phù)

*Tiếp đến tư tưởng của Lão Trang, một tư-tưởng đồ-sộ . Chủ trương "**Vô vi** " của Lão Tử có thể nói không hợp với tư tưởng "**tôn quân**" và "**chính danh** " của Khổng học.*

Chân dung Lão Tử:

Lão Tử: Lão = họ Lão, tử = thày, thày họ Lảo. Như Khổng tử (thày họ Khổng), Mạnh tử - thày Mạnh,v.v, là người thôn Khúc Nhân

Theo Wikipedia tiếng Việt, Lao Tử còn được chuyển từ thành Laotzu. Lao Tze, Laotsu trong các văn bản Tây phương. Lão Tử còn được gọi là Thái Thượng Lão Quạn, họ Lý tên Nhĩ tự Bá Dương hiệu Lão Đam, năm sinh 571 trc. CN và mất vào 471 trc CN.người nước Sở.

Sự thật, Lão Tử được coi như một ẩn sĩ nên chân dung của ngài đến nay vẫn còn nhiều bàn luận.

Điều duy nhất được biết Lão Tử là một nhà tư-tưởng vĩ đại, có tầm ảnh-hưởng lớn trong triết-học phương Đông.

Theo sử ký Tư Mã Thiên, Lão Tử, người làng Khúc Nhân , hươbg Lệ, huyện Hò nươc Sở (thuộc tỉnh Hồ Nam hiện nay, họ Lý tện Nhĩ, tên tự là Bá Dương tên húy là Đam làm quan sứ, giữ kho chứa sách của nhà Chu.

Sau lui về ở ẩn, .không biết mất năm nào, tương truyền về già ông cưỡi trâu xanh đi về phía Tây, vào núi rồi biến mất. Tư-tưởng của Lão Tử được trình-bày trong cuốn Đạo Đức kinh. Sách gồm 81 chương, chia làm hai thiên thượng và hạ, bàn về đạo kinh, và đức kinh.

Tự vẻ chân dung để phân-biệt với thời nhân, Đạo Đức kinh, chương 20 - Lão Tử viết:

"*Chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như xuân đăng đài. Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu. Như anh nhi chi vị hài, luy luy hề, nhược vô sở qui. Chúng nhân giai hữu dư. Nhi ngã độc nhược di. Nga ngu nhân chi tâm dã tai? Độn độn hề. Tục nhân chiêu chiêu. Ngã độc hồn hồn, Tục nhân sát sát Ngã độc muôn muộn. Đãm hề kỳ nhược hải, liêu hề nhược vô chỉ. Chúng nhận giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngan tự bỉ. Ngã độc dị ư nhân. Nhi qui thực mẫu.*"

(Đại chúng hớn-hở như được hưởng tế thịt bò, hay là như ngày xuân bước lên đài. Một mình ta riêng đậu ở bến chim có hình tướng, như đứa hài nhi chưa cười, loanh-quanh thay như không biết về đâu. Dại chúng đều có thừa mà một mình ta thì như bỏ không ham nữa. Ta là kẻ ngu sao? Ngu độn thay ! Đại chúng có vẻ sáng tỏ, soi-mói. Riêng ta như hôn mê. Đại chúng xét nét, riêng ta tối-tăm. Phẳng lặng thay như một bé, phất-phới thay như không ngừng. Đãi chúng đều có ý vào việc nọ việc kia, riêng ta chỉ ương mà khinh bỉ, riêng khác với mọi người mà chỉ qui trở về sống nơi lòng mẹ.")

Theo Wikipedia tiếng Việt: Năm sinh của Lao Tử: 571 trc. C,N,- 471, quê quán nước Sở.

LaoTzu , Thai Thượng Lão Quân , họ Lý tên Nhĩ , tự Bá Dương, húy Lão Đam.

Toàn bộ tư-tưởng của Lão Tử được trình bày rõ rệt trong tác phẩm Đạo Dức Kinh. Lần đầu tiên, Lão Tử dùng suy-luận sáng-lập hệ thống lý-luận tư-tưởng chính-trị, triết-học rất hoàn-chỉnh, trở thành vị thủy-tổ của phái Đạo gia.

Đạo gia là do Lão Tử khai sáng, Học thuyết **Vô vi** là hạt nhận của hệ tư-tưởng Lão Tử, trong đó bao-hàm hai quan-điểm: ***Thiên đạo***, *và* ***nhân đạo vô vi quan***.

Theo Lão Tử: Đạo là Mẹ của vạn vật, và là khởi-thủy của vũ-trụ,

Dạo đức kinh gồm có 81 chương, với khoảng 5000 chữ, được chia làm 2 phần: Thượng Kinh và Hạ kinh.

* Thượng kinh có 37 chương, luận về chữ Đạo, nên được gọi là **Đạo kinh**.

* Hạ kinh có 44 chương, luận về chữ Đức nên còn gọi là **Đức kinh**.

*

Chương II

Chữ Đạo

Nội-dung Đạo Đức Kinh

- **Chữ Kinh** = Kinh sách, như Kinh Thi, kinh thư, kinh Xuân Thu, Đạo Đức kinh

(Thiều Chửu, Hán Việt Tự Điển, tai-bản lần II, trang 487).

- **Đạo va Danh**

Chương đầu Đạo Đức kinh đề-cập đến Đạo trường-tồn *(không có thể lý-thuyết được)*, và cái danh không hề biến-đổi.)

"***Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh.***...".

(Chương I/Đạo Đức kinh)

Đạo của Lão Tử là môn khái-niệm triết học trừu-tượng (*mắt thấy không được, tai lắng không nghe, tay bắt không được*).

"***Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh tịch hề, liêu hề,độc lập bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết đại.Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản. Cố đạo đại, thiên đại, địa đại, vương diệc đại. Vực trung hữu tứ đại nhi vương cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đào pháp tự nhiên.***"

(Đã có một vật không định được, sinh ra trước Ytời đất. Cái đó yên lặng và trống không. Nó độc lập và không đổi Nó đi khắp nơi và không bao giờ mỏi mệt.Nó được coi là ***mẹ của thiên hạ****.*

Ta không biết tên nó là gì, phai đặt ten cho nó là ***Đạo****, và gượng gọi nó là* ***lớn*** *..*

(*chương 25, Đạo Đức kinh*).

"***Phản giả đạo chi động Nhược giả đạo chi dụng. Thiên-hạ vạn vật sinh ư hữu. Hữu sinh ư vô.***"

(Phản hồi trở về ấy là hoạt-động của Dạo Mềm yếu, nhu-nhược ấy là chỗ áp-dụng của đạo. Vạn vật trong thế-gian sinh ra tự cái có. mà cái có thật lại tự cái không có mà sinh ra.)

Chương 40/Đạo Đức kinh.)

"***Đạo sinh nhất - Nhất sinh nhĩ, Nhị sinh tam, Tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ âm nhi bảo dương. Xung khí dĩ vi hòa.***"

(Đạo bản thể đề ra cái một. Một đề ra lưỡng nguyên. Lưỡng nguyên đề ra thánh số 3. Số 3 đề ra vạn vật. Vạn vật mỗi cái có hình âm ở ngoài, ôm khí dương ở bên trong. Hai khí hòa-hợp để làm cái thế quân-bình hòa điệu.)

Ở dây, chúng ta lại thấy cái quan-niệm âm - dung ở Kinh Dịch xuất-hiện, Nhưng có khác là ở kinh Dịch thì tư-tưởng còn lưỡng-lự giữa nhị nguyên và nhất nguyên.

"*Từ Đạo gia đến Đạo, imột triết thuyết và một tôn-giáo của người nông-nghiệp. ;*

"Đạo giáo được hình-thành trong phong trào nông dân khởi-nghia vùng Nam Trung Hoa vào thấ kỷ thứ II sau công nguyên. Cơ-sở lý-luận của nó là ĐẠO GIA - Triết-thuyết do Lão Tử đề xướng và Trang Tử hoàn thiện học-thuyết Lão-Trang).

Lão Tử quan niệm 0ạo không phải là đường lối, giềng mối luân thường đạo lý do tục-lệ nhân quần xã-

hội tạo ra, mà như trên đây thì Đạo bắt đầu là một thực-thể đứng ở ngoài thời-gian và không-gian, siêu lên trên hiện tượng tuyệt-đối và biệt-lập với hiện-tượng ví như ở Hệ từ, quan niệm về Đạo :

"***Hình nhi thượng giả, vị chi Đạo***
Hình nhi hạ vị chi khí."

Từ hình-tướng đi lên gọi là Đạo. Ở trong hình tướng gọi là khí. Tuy nhiên ở Lão Tử danh từ Đạo không phải là một khái-niệm trừu-tượng duy lý mà là một thực-thể tâm linh, nguồn-gốc sinh thành của vạn vật, ví như Mẹ của vũ-trụ. Hình ảnh mẫu theo Lão Tử tức là nguồn-gốc của tất cả, có tính-cách thụ động của giống mái, tượng-trưng tình yêu của tạo-hóa bao-bọc các con tạo vật trong lòng cảm thông với tạo vật như Mẹ hiền cảm thông với đứa con của mình vậy.. Cho nên muốn "trí tri cách vật " ở đây là phải trở về đồng nhất với nguồn gốc, với đạo bản thể là đầu mối của tất cả vũ-trụ.

"***Thiên hạ hữu thủy kỳ vị thiên hạ mẫu, kỳ đắc kỳ mẫu, trt tri kỳ tử, Ký tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu***" *(Chương 52/Đạo Đức kinh)*

Thế gian có cái bắt đầu lấy làm Mẹ của chúng sinh. Đã tới được nơi mẹ để biết đến vạn vật chúng sinh, đã biét được vạn vật chúng sinh lại trở về giữ-gìn ở nơi Mẹ.

1-(Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam của Trần Ngọc Thêm, nhà xb. t/p HCM 2000 - tr.505-529).

Mẹ đây cũng như câu thứ hai đã tuyên-bố ở Đạo Đức kinh : "***Hữu danh thiên địa chi thủy***" *(Có danh hiệu là cái bắt đầu của trời đất).*

Và cái biết ở đây là cái đồng nhất với cái nguyên thủy. Va vì cũng như nói ở Hệ từ, cái kết-quả cũng nằm trong cái nguyên-nhân, cái chung-cục nằm trong cái nguyên-thủy, ***Nguyên thủy phản chung****. Cho nên đi ra thì vạn biệt, thiên biến vạn hóa rồi lại phục hồi. Vì có phục hồi mới thấy chân tướng của Trời Đất. Quẻ phục ở kinh Dịch đã nói: "****Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ*** *". Phản hồi lại thấy được cái tâm cơ sinh ra trời đất vạn-vật chăng?*

Vậy Mẹ đây là cái đức sinh, cái đức lớn nhất trong Trời Đất là nguồn sáng ***Thiên địa chi đại đức viết sinh*** *. Chữ Mẫu là Nẹ của Lão tử khác nào như chữ "Prakrti=Tự tính " trong triết học là biết cảm-thông ví như người Mẹ thấy đứa con đỏ của mình khóc mà biết nó đói vậy. Biết ở nơi Mẹ là đồng thể với Mẹ bằng tình yêu, không phải biết rằng tri-thức suy-luận đối-đãi so-sánh . Ở đây biết tức là sống . Vậy trở về lòng Mẹ là định-mệnh chân thật của nhân-loại, hợp thể với Đạo là cứu cánh chân-chính của người ta. Rời Đạo thể, lạc Mẹ số -phận của con người đi đến tiêu diệt, vì như thế là Vì tình-yêu là cái lục hấp-dẫn và cái lý hòa-điệu trong tình-yêu là chúng ta xa lìa với với nguồn sống chân thật của ta.*

Nguồn sống trong vũ-trụ này là tình yêu. Vì tình yêu là cái lực hấp-dẫn và là cái lý hòa-điệu trong sữ vận-hành không ngừng của vạn vật. Cho nên thiên 25, Dạo Đức kinh nói:

"***Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh Tịch hề liêu hề, độc lập mbất cải . Chu hành nhi bất đãi Khả dĩ vi thiên hạ mẫu***."

(Có một vật hỗn-hợp thành. Sinh ra trước khi có Trời Đất yên lặng, quạnh hiu, một mình đứng độc lập không thay đổi, tràn ngập , lưu hành mà không ngừng , có thể lấy làm Mẹ của thiên-hạ vạn vật.)

Phàm sự vật trong nhân-quần xã-hội đều dược gán cho một cái tên gọi, mà Mẹ là nguồn sống ấy lại có trước cả trời đất, trước khi có ngôn ngữ, cho nên không biết đặt tên là gì thì tạm gọi là Đạo, gượng mà bảo là lớn vì mờ-mịt vô cùng, không biết giới-hạn ở đâu, lớn thì đi hoài không cùng cho nên bảo là xa. Xa mãi không ngừng tức là phản hồi trở về, nếu không thì có cải , cố đại. Phản tức là biến va hóa, vì trước sau vẫn là một thể thuần nhất.

Vì tính cách thuần nhất ấy mà phổ-biến đại đồng, chu hành độc-lập của đức. Mẹ là nguồn sống cho nên chúng ta muốn sống một cách phong phú thì phải bỏ đời sống có giới-hạn riêng tư mà nhập vào đời sống của Đạo bằng tình yêu của Mẹ.

(Chương 33, Dao Duc kinh)

"***Tử nhi bất vong, giả thọ***."

Bởi vì trong trời đất, chỉ có cái vô hình mới tràn khắp, chỉ có cái gì không phân chia ra được nữa thì mới không tan rã. Cái ấy là thanh hư, thuần nhất tính làm căn-bản bền vững cho tất cả vạn-vật. Trở về cái ấy là trở về nơi gốc, còn nơi ngọn là sai-biệt khác nhau. Cho nên bảo rằng:

"***Chỉ hư cực, thủ tính dốc, vạn vật tịnh tắc, ngô dĩ quan phục . Phù vật vân vân, các phục qui kỳ cân, qui cân viết tĩnh , thị vi phục mệnh, phục mệnh viết thường.....tri thường dung dung nãi công, nãi thiên, nãi đạo,nãi cửu. một thân bất đãi.***"

(Đến chỗ hư không là cực độ, giữ được thanh tĩnh là thuần nhất, vạnvật đều cùng động tác, ta lấy quan thiên trở về làm chân chính.

Ôi! vạn vật biến hóa vô cùng . Mỗi cái lại trở về nơi gốc gôi là tĩnh, ấy là trở về nơi sinh mệnh là thường còn. Biết cái còn lại mãi là rộng,

(Chương 16/ Đạo Đức kinh)

Chương 32 cũng nói:

*"**Thi đạo chi tại thiên hạ, do xuyên cốc chí ư giang hải.***"

(Đạo ở trong trời đất cũng như sông biển so với ngòi lạch).

Cái thế lực tiềm tại của Đạo ở thế giới, Lão Tử mệnh danh là đứ, nghĩa đen cổ xưa là

gieo hạt xuống đất, do đấy mà có ý nghĩa siêu hình của Virtus ở La Tinh chứ không phải nghĩa luân-lý.. [1]

Nay thử xét xem cách phản hồi của Đạo từ hiện hữu đa nguyên về cái nhất thể như thế nào?

*Ở Kinh Dịch: Quẻ Thái đã nói: "**Vô vãng bất phục** "= Không có đi mà không trở về . Quẻ Phục cũng nói: Phản phục kỳ đạo tức cùng như quan niệm ở Hệ từ "**Vãng lai bất cùng chi vị thông** " = Đi lại không cùng gọi là thông đồng. Nguyên thủy phản chung= Bắt đầu từ nguồn và trở về cuối.*

Tư-tưởng ấy cũng là tư tưởng của Lão Tử. Đối với ông thì cái khí Dương hoạt động phải điều-hòa quân-bình động với cái khí âm tịnh. Một đàng dương đi ra bề rộng xa mất khí am. Một đàng khí âm thu vào.

"***Thi đạo chi tại thiên hạ, do xuyên cốc chí ư giang hải***."

(Đạo ở trong trời đất cũng như sông biển so với ngòi lạch.)

Cái thế lực tiềm tại của Đạo ở thế-giới, Lão Tử mệnh danh là đứ, nghĩa đen cổ xưa là gieo hạt xuống đất, do đấy mà có ý nghĩa siêu hình của Virtus ở La Tinh chứ không phải nghĩa luân lý.. (Đạp Đức kinh, Chương 32)

1- Nguyễn Đăng Thục, *Lịch sử tư-tưởng triết học Phương Đông, nhà xb, t/p HCM, in làn 3, năm 1986.*

Yên lặng mênh mông, một mình độc lập không thay đổi.Tản mác khắp cả, không ngừng vào đâu. Có thể lấy làm Mẹ sinh của thế gian.Ta không biết tên nó, tạm đặt raclà Đạo, miển cưỡng mà đánh dấu hiệu là Lớn.Lớn là bành trướng là đi xa, đi xa là trở về.

*Như vậy, theo triết lý của Lão Tử, tất cả sự vật trong thế-giới hiện -ượng đều do hai thế lực đối kháng chi phối điều động, nhưng đối kháng mà bổ túc chứ **không phải đối kháng là để tiêu trừ lẫn nhau. Động tĩnh , hỗ-tương**, chứ không phải hai cái trái nghịch tuyệt đối của danh từ trừu tượng như (+) và (-) bằng 0.*

Ở đây Lão Tử chủ trương sự mâu-thuẫn âm dương của sự vật ví như con gà với trứng gà. Nếu mà không có trứng gà thì cũng không có con gà. Các thiên sai vạn thù thiên hình vạn tượng của thực hữu đều phải trở về cái thực thể đồng nhất vĩnh cửu và Vô của bản thể không giới-hạn.

Như thế. Lão Tử cũng như Hegel quan niệm thực-tại thuần-túy. Vô Định thì đồng nhất với cái Vô Tại và sự sinh thành của hiện hữu cốt ở chỗ đi từ đa nguyên về nhất nguyên , từ nhất nguyên sang đa nguyên cũng như Hegel . Lão Tử nhìn ở đây một trừu-tượng có thật trong sự hiểu biết của nhân loại coi như một Tuyệt Đối. Nhưng Hegel đặt cái lý trí trừu-tượng (Raison abstraite siêu xuất lên trên sự hiểu biết

*phân-tích để bao-trùm lấy cái đại-đồng-tính cụ thể của cái Tuyệt-đối, còn Lão Tử muốn trở về với Tuyệt-Đối nguyân-thủy bằng cách: "**Ngã qui thực mẫu** " = Trở về sống ở lòng Mẹ, nghĩa là trở về tinh-thần Tiền La Tập, Tiền Duy Lý (Prediscursive Prelogique) như tinh-thần Tham thông (Esprit Participation) mà Levy Bruhl đã chứng-minh ở nhân-loại sơ thủy.*

Ở chương 15 trong Đạo Đức kinh , Lão Tử cho rằng:

"***Thị chi bất biến, danh viết Di. Thính nhi bất văn. danh viết Hy Doãn nhi bất đắc, danh viết Vi. Thủ tam giả kất khả chi cật. Cố hỗn khí vi nhất . Kỳ thượng bất kiểu. Kỳ hạ bất muội Thằng thằng bát khả Danh Phục qui ư vơ vật Thị vị vô trạng chi trạng. Vô vật chi thượng Thị vi hốt hoảng, nghênh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu***."

(Nhìn nó không thấy, gọi tên là phẳng, nghe mà không thấy gọi tên là thinh , bắt nắm không được, gọi tên là nhỏ, Phỉnh, thinh , nhỏ cả ba đều không hồ xiết Cho nên hợp cả kại làm một. Ở trên thì không sáng tỏ, , ở dưới thì không tối mò, thế thôi, không có thể gọi tên , tở về chốn không có vật, nhu thấy gọi là cái trạng thái cái hình tượng cũa không có vật. Như thấy gọi là hốt hoảng, đi đến lấy thì không thấy đấu ở đâu, thoắt theo thì kkhông thấy có đàng sau.?)

Đấy không nphải là Lão Tử tả cái trạng thái giữa thức giữa ngủ như Nguyễn Du tả Dạm Tiên trong giấc mộng của Thúy Kiều:

Sương in mặt tuyết pha thân
Sen vàng lãng-đãng như gần như xa.

Ở đây, Lão Tử chắc-chắn cái thực thể của Dạo lắm, cho nên mới nói thêm rằng:

"***Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt. Hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng. Hoảng hề, hốt hề, kỳ trung hữu vật. Yêu hề minh hề, kỳ trung hữu tình , kỳ tình thậm chân. Kỳ trung hữu tín*** ".

(Đạo làm ra vật thì chỉ là hoảng, chỉ là hốt. Phảng phất thay mà ở trong có hình tượng. Phảng phất thay mà ở trong ấy có vật. Ẽo huyền thay mà ở trong có tình, tình ấy rất là thực, trong đó có sự tin chắc-chắn.)

Hợp thể với Đạo như thế được lợi gì?

Lão Tử đáp: Xuất sinh nhập tử, Sinh là đi ra, chết là đi về đó thôi.

*Vậy thì về ngay lúc sống tức là **hợp thể** .*

- Đức:

Sự sinh hóa từ **Đạo** ra **Đức**, từ Đức trở về Đạo ở Lão Tử ***thấm=nhuần sâu-sắc tinh-thần biện-chứng của triết-lý nông-nghiệp phương Nam***.[1]" *Đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba. Ba sinh ra nhiều vật*"- Di liền câu này, Lão Tử nói luôn: ***Muôn vật đều cõng âm mà bồng dương***, nhân chỗ xung nhau mà hòa với nhau. Được chi phối bởi luật quân-bình âm dương, vạn vật tồn tại theo lẽ tự-nhiên một cách rất hợp lý, công bằng chu đáo, và do vậy mà mầu nhiệm, hợp lý vì theo Lão Tử, Lẽ tự nhiên giống như việc giương cung , cao thì ghìm xuống, thấp thì nâng lên. Công bằng, vì nó luôn bớt chỗ thừa mà bù vào chỗ thiếu Chu đáo vì nó như cái lưới trời lông lộng, tuy thưa mà khó lọt. Bởi vậy mà nó mầu nhiệm tới mức không cần tranh mà chiến thắng, không cần nói mà ứng nghiệm, không cần mời mà muôn vật theo về. Mọi sự bất cập hay thái quá đều trái với lẽ tự nhiên, và do vậy sẽ phải tữ điều chỉnh theo nguyên-tắc ***phản phục*** (trở về), tức là theo luật âm sinh dương, dương sinh âm. Vật hễ bớt thì nó thêm, thêm thì nó bớt, khuyết tất sẽ tròn, cong thì sẽ ngay, trũng lại đầy, cũ thì lại mới, ít thì được, nhiều lại mất.

Từ đây, Lão Tử suy ra triết lý sống tối ưu là muốn làm việc gì phải đi từ điểm đối-lập, phải vô vi (không làm), Vô vi không có nghĩa là hoàn

1- Trần Ngọc Thêm, *Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*" *nhà xb. t/p HCM 2000 - tr.505-529.*

toàn không làm gì, mà làn hòa nhập với tự nhiên đừng làm gì thái quá. ***Khử thậm, Khử xa, khử thái***. Vì làm thái quá thì theo luật âm dương tât phản phục (***vật cùng tắc biến***), kết quả thu được còn tệ hại hơn là không làm gì.

`Triết lý ***vô vi*** áp-dụng vào đời sống cá nhâh là tỏ lòng giản-dị, giữ tính tự nhiên, ít riêng tư, ít tham dũc.

Lão Tử nóL Ta có ba vật báu: Một là **TỪ**, hai là **KIEM**, ba **BAT TRANH** là không dám đứng trước thiên hạ. (Chương 67) .

Từ là nhân từ, lấy đức báo oán. Kiệm là không xa-xỉ. Không đứng trước thiên hạ là không tranh-đua. Đó là triết lý ***nhu thắng cương***, , lấy ***nhược thắng cường***, . Chỉ vì không tranh nên thiên hạ không ai tranh nởi với mình (chương 22).

Bởi thế thánh nhân để thân mình ra sau mà thành thân mình ở trước, bỏ thân mình ra ngoài mà thành thân mình còn mãi.

Áp dụng vaò đời sống xã-hội, Lão Tử không tán thành lối cai trị cưỡng-chế, áp-đặt đương thời. Muốn dân yên-ổn thì cách cai-trị một nước theo Lão Tử phải giống như kho một nồi cá nhỏ: cá nhỏ bên để yên, không cạo vẩy, không cấy bỏ ruột, khi kho cá không khuấy đảo, khuấy đảo chỉ cho cá nát.

Công lao của Lão Tử là ***đãn học thuyết hóa những tư-tưởng triết-lý của truyền-thống văn-hóa nông nghiệp phương Nam.*** Đạo chẳng phải là cái gì khác ngoài sự phạm-trù hóa triết- lý

tôn -trọng ***tự-nhiên.*** *Còn* ***Đức chính là phạm-rrù hóa tự-nhiên tồn-tại theo luật âm dương biến đổi****.*

Theo Chương I/ Đạo Đức kinh: *Tất cả sự tiến bộ của trí thức nhân loại chỉ là chồng-chất những danh-từ vì cái danh đích-thực của vật nếu có thể lấy danh hiệu mà gọi được thì không còn là cái danh bất biến, không thay đổi. (****Danh khả danh phi thường danh****...")*

Tương tự**, Chương 32**:

"***Thủy chế hữu danh. Danh diệc kỳ hữu. Phù diệc tương tri chỉ.. Tri chỉ khả dĩ bất đãi****.,,*"

(Bắt đầu chế tác có danh phận. Danh phận cũng đã có. Ôi! Cũng nên biết ngừng lại thì có thể đỡ nguy hại....)

"***Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tri ố dĩ, giai tri thiện chi vi thiện, tri bất thiện dĩ. Cố hữu vô tương sinh nan dị tương thành, trường đoản tương hiện, cao hạ tương khuynh****."* *(Chương 2/ Đạ0 Đức kinh)*

(Khi nào người ta cho cái đẹp là đẹp thì lại còn cái xấu . Khi nào người ta cho cái tốt là tốt thì lại còn cái không tốt hơn. Cho nên có và không sinh ra nhau, khó và dễ bổ-túc mà tạo thành, dài ngắn so sánh lẫn nhau, cao thấp đánh đổ nhau.)

Nhần mạnh ở ***Chương 20****:*

"***Tuyệt học vô ưu, duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà/ Thiện chi dữ ác, tương khừ nhược hà?*** "

(Bỏ cái học đi không có gì là sợ. Hầm với hừ khac nhau là bao? Thiện với ác xa nhau mấy? Tất cả chỉ là một trường đối đai danh hiệu, chẳng qua chỉ là tuyệt đối. Sự đối đãi tính cách mâu-thuẫn ấy có thực một cách tuyệt đối không? Không làm gì có tuyệt đối thiện ác, tốt xấu, âm dương cả. Chúng có vẻ tuyệt đối , đối với tri thức, vì tri thức hoạt-động trong sự so-sánh, đối-đãi, tỷ giảo, đối tượng hoá chủ khách, còn sự thực ở chỗ toàn thể tuyệt-đối viên mãn thì chỉ có sự đồng nhất huyền-bí mà thôi.)

Cho nên, "***Trí giả bất ngôn, ngôn giả bất tri. Tắc kỳ đoái , bế kỳ môn, tỏa kỳ duệ, giải kỳ phận, hóa kỳ hoàng, đồng lỳ trần. Thị vi huyền đồng.***" *(Chương 56 / Đạo 9ức kinh)*

(Biết thì không hay nói. Hay nói thì không biết. Hãy lấy cái thông suốt đi, đóng các cửa ngõ lại. Hãy nhụt bớt các sắc cạnh đi. Hãy cởi nút mới lớn. Hãu hòa tát cả ánh sáng và trộn lẫn cát bụi với nhau. Đây gọi là huyền đồng, tức là đồng-nhất thể huyền bí.)

Cái thái-độ phản đối trí thức là do cái tư tưởng tâm-linh nhận-thức đẻ ra. Tri thức không thể tới được tuyệt-đối vì bản tính của tri thức là so sánh, cho nên tưởng rằng tri thức có thể bắt được chân-lý tuyệt-đối là một sai lầm lớn. Người hiền chỉ có thể tìm tới chân lý tuyệt đối bằng cách nảy ý thức cái bệnh của tri thức.

"***Tri bất tri thượng. Bất tri tri bệnh. Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh. Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh. Thị bdĩ bất bệnh***."

(Chương 71/ Đạo Đức kinh)

Biết cái không biết là hơn hết. Không biết cho là biết, ấy là hỏng (lỗi). Ôi! Biết mình có bệnh thì mới khỏi. Thánh nhân không mắc bệnh vì biết mình có bệnh. Như thế nên không có bệnh. Bởi vậy mà Lão Tử cho cái biết tối cao hiện ra cho nhân loại như là cái ngu vậy.

"***Đại thánh nhược khuyết, kỳ dụng bất tệ. Đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng. Đại trực nhược khuyết. Đại xảo nhược chuyết. Đại biện nhược một***."

Chương 45:/Đạo Đức kinh)

Sư thành công lớn như là không hoàn toàn. Cái dùng của nó không hỏng. Sự đầy đủ tuyệt đối giống như rỗng, cái dùng của nó khôn cùng.

Cái ngay thẳng tối cao giống như quanh co Cái khéo-léo tối cao giống như vụng-về. Sự hùng-biện tối cao như ngọng-nghịu.

Vì thế mà Lão tử luôn-luôn dùng đến lối nói nghịch thuyết mỗi khi đề cập đến cái thực tại tuyệt-đối bằng khí-cụ của thế-gian tương đối, của thế-giới hiện-tượng ảo-ảnh.

"***Bất xuất hộ, tri thiên hạ. Bất khuy dã, kiến thiên đạo. Kỳ xuất dĩ viện, kỳ tri dĩ thiểu.***

Thị dĩ nthánh nhân bất hành nhi tri.

bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành.."

Không ra khỏi ngõ mà thấy thế-giới, Không nhòm qua cửa sổ mà thấy đạo trời. Hể đi ra càng xa, thì biết càng ít. Thế cho nên thánh nhân không hành-động mà biết, không thấy mà đặt tên, không làm mà thành.

(Chương 47/ Đạo Đức kinh)

Theo danh-từ ngôn-ngữ, phạm-trù của thế-gian, Lão Tử gọi cái thực-tại là vô. Nhưng Vô không phải là vô hữu, hư vô, trống rỗng cả thực tại đâu. Vô của Lão Tử là ***vô danh phac nghĩa*** *là cái thực-thể. Vi, Hi,* ***không có thể biết, bất khả tri theo nghĩa tri thức về hiện tượng.*** *Bởi vì nếi cái thực-thể tuyệt-đối ấy đối với chúng ta hình như không có thật, nhưng kỳ thực nó là guồn-gốc đẻ ra tất cả những cái đối với chúng ta là có thật vậy. Lão Tử muốn cho mọi người hiểu thấu cái nghĩa Vô của ông không phải là hư vô. Cho nên ông lấy cái Vô quan-niệm được thì Lão Tử đặt cái* ***Đạo là Vô. Vô siêu-hình không còn có thể đối-tưỡng hóa được nữa*** *chứ như thái cực thì còn có thể đối tượng hóa như tư-tưởng tự đối-tượng với tư tưởng theo như lối suy luận của Descartes. Je pense donc je suis. = Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại. với Đạo, cho nên bảo là*

"***Xuất sanh,nhập tử. Sinh chi đồ thập hữu tam, tử chi đồ thập hữu tam. Nhạn chi sinh động chi tử địa, diệc thập hữu tam.***

hà cố? Dĩ kỳ sinh sinh chi hậu,

Cái văn thiện nhiếp sinh giả, lực hành bất ngộ hủy hồ, nhập quân bất bị giáp binh hủy vô sở đầu kỳ giác, hồ vô sở thố kỳ trảo. Binh vô sở dung kỳ nhận, phù hà cố , dĩ kỳ vô tử dã." *(Đạo Đức kinh, Chương 50)*

(Đày tớ của cái sống có mười ba. Đày tớ của cái chết có mười ba [2 mắt, 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, 1 miệng,, 2 lỗ âm (1 tiểu, 1 đại tiện) + 2 tay và 2 chân.} Mười ba trong cuộcsống . Những chỗ chết của chuyển động Sớm đi về cõi chết. Tại sao thế? Vì không có chỗ chết.

"***Tam thập phúc cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.***

Duyên thực dĩ vi khi, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng. Tạc hộ dữ dĩ vi nhất, đương kỳ v. hữu thất chí dụng Cô hữu chi dĩ vị lợi, vô chi dĩ vi dụng."

(Chương 11/ Đạo Đức kinh)

Ba mươi tay hoa cộng lại thành một banh xe, mà chính cái chỗ không của nó mới là chổ dùng của xe để lăn, Nhào đất sét để làm khí cụ như nòi, bát, chum, vại, mà chính cái chỗ rỗng mới là cái dùng của khí cụ. Đẽo gọt cửa sổ của người để làm nhá, mà chính chỗ rỗng của cái nhà mới là cái dùng của nó. Cho nên hữu là để làm lợi khí. vô là cái chỗ động cơ.

Cả vũ-trụ bày cũng như thế mà thôi, không có chi khác.

Chương 5/ Đạo Đức kinh:

"***Thiên địa chi gian, kỳ don thác thược hồ?***

Hư nhi bất khuất, động nhi dữ xuất."

Có trời đất, vũ trụ vô cùng vậy cũng như cái túi khong đáy, cái bể thợ rèn chăng?

Rỗng không mà không xẹp, hoạt động thi cùng tuôn ra hoài,

Và với cái tôi biện chứng suy-luận phủ dịnh ấy mà Lão Tử dùng để gán cho thực tại tất ca những thuộc tính không có trong thế giới đa nguyên biến dịch của bhiện tượng.

Tuy nhiên Lão Tử không đặt thực-tại ấy ở ngoài, phân biệt hẳn một cách tuyệt đối với thế-giới hiện-tượng. Trái lại cái thực đối với ngòi lạch. tại tuyệt đối tối cao ấy gọi là Đạo lão tử quan niệm nó tiềm tại trong vũ-trụ hiện hữu ví như bể hay sông đối với ngòi lạch.

Chương 51/Đạo Đức kinh:

"***Đạo sinh chi, Đức súc chi***"

Đạo sinh ra, Đức tối cao mà thôi.

Nhờ cái bọc của đức bảo tồn lấy."

Chương 22:

"***Khổng đức chi dung, duy đạo thị tòng***"

Cái hùnh dung của đức lớn chỉ tùy theo với đạo tối cao mà thôi.

Nhờ cái lực của Đức theo ý nghĩa tâm

linh mà tuyệt đối ngấm ngầm hành động tương đối bản thể thường nằm bên trong hiện tượng biến đổi vô hạn nối tiếp với hữu hạn nhờ cái định-luật vận-động dịch hóa phản nghịch của đạo.

"***Đạo sinh nhất. Nhất sinh nhị. Nhị sinh tam. Tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ âm nhi bảo dương Xung nhi dĩ, vị hóa.***="

Chương 42:/ Đạo Đức kinh

Đạo bản thể đẻ ra cái một. Một đẻ ra lưỡng Nguyên. Lưỡng nguyên đẻ ra thành số ba. Số 3 đẻ ra vạn vật. Vạn vật mỗi cái có hình âm ở ngoài, ôm khí dương ở bên trong. Hai khí hòa hợp để làm cái thế quân -bình hòa-điệu.

Tóm lại qua các chương trong Đạo Đức kinh, ta thấy:

Theo Lão Tử, Đậo là nguồn gốc của vũ-trụ, có từ muôn kiếp trước. Đạo là ***Mẹ*** của thiên hạ. sinh ra sự hiện diện Hình ảnh rỗng không đã cho Đạo một thực thể khi được gọi là không (Vô), Đạo củng trở thành hữu (có).là thái cực. Từ chỗ thái cực này của hai cực Dương và âm, nguồn gốc của muôn vật sinh ra sự hoạt động hỗ-tương của hai cực ***Dương*** và ***Âm***, nguồn gốc của muôn vật.

Hai cực âm va dương là hai mặt của Thái cực.. Sự giao hòa nhịp nhàng của âm dương sinh ra những khí tung gian ; giai- đoạn kế tiếp là sự xuất hiện của vũ trụ. Con người là hình ảnh thứ ba của 3 lực tam tài **Trời - Đất - Người**.

Diễn tiến vũ-trụ học, theo Đậo Đức kinh: Đạo bao gồm khía cạnh âm, được coi như phần bản thể hay khối lượng chứa mầm sinh sản. Danh từ *hang sâu* hay *mẹ nhiệm mầu* diễn tả nguồn gốc sinh ra sự sống.

Trời - Đất - Người có khả năng sáng tạo ra mọi thứ (tam sinh vạn vật). Đó là ***quan niệm vũ trụ của Lão Tử.***

Sự vật sẽ tiến về phía trái ngược, Ở thế cao nhất của vui-vẻ sẽ kế-tiếp sự buồn-bã, và sau sự chua-chát là sự êm-đềm.

"*Sông kia nay đã thành đồng*
Nơi xây nhà cửa, nơi trồng ngô khoai

Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đo! "

(Trần Tế Xương)

hay "*Nhất sỹ nhì nông*
Hết gạo chạy rông,
Nhất nông nhì sĩ "

Quan niệm "***trống không*** " trong Đạo Đức kinh tượn.g-trưng cho không đáy, vô cùng tận, hang sâu huyền nhiệm.

Cho nên "***Vô vi*** " không làm (không can thiệp, không can-dự), không trái với luật tự nhiên *(âm dương đối lập thống nhất).* Thánh nhân không can-thiệp vào bất kỳ tiến trình nào của vạn vật là lúc nào cũng thuận theo tự-nhiên hòa với Đạo.

Vì chủ-trương an lạc, nên Lão Tử chống những gì làm tinh-thần khủng-hoảng, chóng bạo-lực chiến-tranh, chống bất công, bất bình đẳng. Nhưng đối với Tây phương chủ trương vật chất phải thỏa-mãn cho nhu-cầu, tích-trữ càng tăng gây nên sự chênh-lệch quá cao!

Đức,

Đức trong Đạo Đức kinh không có nghĩa là đức tính thông-thường, không phải là một thực-thể, mà là tinh-túy của mọi vật.Đức do Đạo mà sinh ra, Đức là một hình-thức của nguyên-tắc hành-động. Cho nên Lão Tử mới nói: *Đạo sinh ra - Đức nuôi dưỡng*

Đạo chủ vô vi, thì Đức thể-hiện không ham muốn, không toan tính tranh-giành, không tranh-chấp, không tham lam....mà

"*Ao thu lạnh lẽo, nước trong veo*
Một chiếc thuyền câu bé tẻo-teo
Sóng viếc theomlàn hơi gợn tý
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
Từng mây lơ-lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo."

(Nguyễn Khuyến)

hay

"*Thằng Bờm có cái quạt mo*
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
Phù ông xin đổi con chim đồi mồi
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đổi nắm xôi Bờm mừng."

(Ca dao)

*** Vấn đề vô danh**:

Thánh nhân ban-bố cùng khắp điều lành mà không nhận mình là tác-giả. Thánh nhân giúp đỡ và cải thiện trăm họ mà không để trăm họ cảm thấy phải tùy thược vào mình. Thiên hạ không biết tên thánh nhân và mọi người bằng lòng về cuộc sống của mình

*

* Lý tắc vận động của Đạo.

Lão Tử chủ-trương một quan-niệm định luật khách-quan như định-luật khoa-học.

Cho nên ông tuyên bố:

*"**Nhân nhập địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, đạo pháp tự nhiên**."*

(Chương 25/ Đạo Đức kinh)

Người khuôn trong phạm-vi địa-lý. Địa lý khuôn trong phạm-vi của vũ-trụ - Vũ-trụ khuôn trong phạm-vi Đạo -lý - Đạo lý khuôn trong phậm-vi của Tự-nhiên.

Tấ cả sự vật, hiện-tượng của thế-gian đã là sản-phẩm của sự biến-hóa âm dương thì Lão Tử có khuynh-hướng vào một chủ-nghĩa định luật về thế-giới hiện-tượng. Cái định-luật chi phối diều-động tất-cả trong thế-giới ấy không để lọt quan một mảy may, ví như cái lưới trời vậy. Cho nên Lão tử mới nói:

*"**Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất***
Lưới trời lồng lỗng, thưa mắ mà không để lọt.

(Chương 73:/ Đạo Đức kinh)

*Cái định-luật ấy là **phản phục âm dương** . Ví như cái định-luật dãn ra, ly tâm và hút vào (hướng tâm) trong định-luật vạn-vật hấp-dẫn của khoa-học vật-lýNewton mà cứu-cánh là bảo-vệ thế quân-bình điều-lý của vũ-trụ.*

***Thiên chi đạo. tổn hữu dư nhi bổ bất túc** "= Chương 37:/ Đạo Đức kinh)*

*Đạo của trời, bớt chỗ có thừa để bù chỗ không đủ. Sở-dĩ có thừa và không đủ là vũ-trụ luôn-luôn vận động không ngừng, luôn-luôn biến hóa theo phép âm dương hấp dẫn, ngoại chuyển và nội hướng. Hễ thừa về ngoài thì thiếu ở trong, hay thừa trong thì thiếu bên ngoài. Nội, ngoại điều lý sao cho quân-bình không ngừng, biến hóa cái-đạo huyền đồng. Lão tử gọi thế quân bình ấy là **Được cái Một**.*

*"**Tích chi đắc nhất giả. Thiên đắc nhất dĩ thanh, Địa đắc nhất dĩ ninh, Thần đắc nhất dĩ linh, Cốc đắc nhất bdĩ doanh, Vạn vật đắc nhất dĩ sinh**."*

(Chương 39/ Đạo Đức kinh

Sơ thủy được cái một. Trời được cái một để mà trong sáng. Đát được cái một để mà bình yên bên trong.Thần đục cái một để mà linh thiêng. Suối được cái một để mà đầy.Vạn vật được cái một để mà sinh sôi.

*Vậy cái yếu điểm là **quân-bình**, chứ không phải lớn hay bé. Vât vật sự sự các đắc kỳ sở ở chỗ được cái một ấy. và bởi vậy mà không bao giờ đoạn tuyệt hẳn với nhau. Vậy dương đi xa mãi đến cực, thì hai cực lại gặp nhau ở vô cực. Đây là ý nghĩa của quẻ thái. Tiêu vãng đại tai - Âm đi dương lại.*

*Va "**Thiên địa giao nhi vạn vật thông, thượng hạ giao nhi kỳ chi đồng**."*

Trời đất giao nhau mà muôn vật mới lưu thông, ttên dưới giao dĩch với nhau , trao đổi

với nhau thì ý muốn mới cùng nhau.

*Và quẻ Phục nói: "**Phản phục kỳ đạo,**" Cho nên lại nói:t nhật lai phục, thiên hành dã = Đạo ấy trở về, bảy ngày trở lại, vận-hành của trời vậy.*

*Cho nên lại nói: "**Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ** "= Trở về ta thấy lòng của trời đất, trung-tâm của vũ=trụ.*

"***Phiêu phong bất chung triêu***
Sậu vũ bất chung nhật
Thực vi thử giả? Thiên Địa
Thiên địa thượng bất hằng cửu,
Nhi huống ư nhân hồ!"

(Chương 25/ Đạo Đức kinh)

Gió mát thổi không trọn buổi sớm.

Mưa nào không hết một ngày.

Ai làm định-luật phản phúc của Đạo được nên vậy?

Trời Đất còn không có thể lâu dài, huống nữa là người.

Nhân loại cùng với chúng-sinh vạn-vật đều là sản-phẩm của vận-động âm dương thì nhân-loại làm sao tránh khỏi định-luật phản phúc của Đạo đuộc. Tất nhiên ở bên ngoài người ta cũng theo cái số phận sinh, trưởng hoại, diệt như vạn-vật trong trời đất, hệ-thống chung của vạn-vật đã biểu xuất.. Loài người không thể biệt-lập độc tôn. Vây thì nó cũng

tìm cái tồn tại của nó ở đời sống vĩnh cửu bên trong hiện tượng, ở trong cái tự nhiên tự tại.chứ không ở chỗ phát tán ra bên ngoài.

"***Hàm đức chi hậu - Tỉ ư xích tử*** "

(Chương 55:/ Đạo Đức kinh)

Hàm dưỡng lấy sức cho đầy, Kẻ ấy ví như đứa con đỏ. Sở dĩ hàm đức là vì phải đối-phó với hiện tượng tán xuất . Nhân loại chỉ có thể tồn tại bằng cách thích ứng được với hoàn cảnh sự vật. Hoàn cảnh đã biểu xuất ra ngoài thì người ta phải lận vào trong để nuôi lấy thực thể của Đạo, như thế mới giữ được điều tiết quân bình, như thế mới hòa.

*Vị trí "**Tẩn mẫu chỉ hợp nhi hoàn tá, tĩnh chi chi dã. Chung nhật hiệu nhi bất hạ. Họa chi chi dã. Tri hòa viết thường. Tri thường viết sinh.**"*

Chim biết giao hợp âm dương mà hoàn thành toàn lực, sinh lực đến cực độ vậy.

Suốt ngày gào mà không khản tiếng, thế quân hòa đến cực độ vậy.

Biết cái hòa điệu quân-bình gọi là biết cái trường tồn vĩnh cửu. Biết cái trường tồn , ấy là sáng suốt.

Nếu trái lại, sống cái đời bên ngoài, đin theo ngoại vật thì: Ích sinh viết tường = Càng tăng cái sống lên là đi về cái nguy hại.

Nếu Lão tử chỉ biết tự mãn với cái luật tự nhiên lá sinh, trưởng,hủy, diệt thì tư-tưởng của Lao tử là hoàn-toàn yếm-thế, và vô vi chỉ còn có ý nghĩa là không làm gì, không động đậy, tự diệt.

Nhưng đấy không phải là chủ-trương của Lão Tử về nghĩa vô vi. Lão tử tin rằng ở ngoài ta có cái khả năng tảo phục, sớm về quy nguyên. Qui nguyên thì Trưởng sinh cửu thị= Sống lâu và nhãn giới bền không thay đổi.

"Trị nhân sự thiên mạc nhược sắc
Phù duy sắc:
Thị vi tảo phục Tảo phục vị chi trọng tích đức Trọng tích đứcb tắc vô bất khắc Vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực. Mạc tri kỳ cực khả dĩ hữu quốc. Hữu quốc chi mẫu, khả dĩ trường cửu.
Thi vị thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo."

Điều khiển người, phụng sự trời không gì không tiết kiệm. Chỉ có tiết-chế kiệm-ước ấy là sớm trở về qui phũc Đạo, sớm qui phục ấy là trọn sự tích đức. Trọn sự tích đức thì không có gì không khắc phục được, thì chẳng cái gì là không biết đến cùng cực của nó. Biết đến cùng cực mọi sự vật thì có thể biết có nước. Có Đạo của nước thì có thể lâu bền. Như thế là cái Đạo thâm căn cố đế, rễ sâu gốc bền , sống dài, nhãn giới không thay đổi.

Đây là cái Đạo vô vi bất tử của Lão. Theo Lão Tử thì bản tính nhân-loại có hai khuynh hướng: một khuynh-hướng hữu vi, hữu dục, làm cho giống như các động vật thực sự khác, và một khuynh hướng vô vi, vô dục ví như thiên tính ở Khổng học để cho nó đồng nhất hợp thể của Đạo. Cái bản tính nhân loại nếu gồm tất cả những hoạt động tinh thần thuộc về hữu vi thì khuynh hướng vào sự vật hiện tượng thay đổi và thiên sai vạn biệt, và do cái hữu dục của người ta, người ta tự kiêu với cái tài năng của mình mà đi xa mãi Đạo thường còn . Tất cả hoạt động của nhân loại thuộc về giác quan, trí thức, nghị lực và hành vi chỉ làm cho cái Đạo bản thể mờ tối đi. Cái thực thể tuyệt đối vốn đồng nhất với nhân tính ở trạng thái thuần túy đơn nhất . Tiền la tập của đứa con đỏ càng ngày càng bị vật dụng làm cho thiên lệch. Vậy trở về trạng thái "đứa con đỏ chưa mỉm cười" không phải là trở về bản năng của cầm thú, mà là trở về nguồn gốc để "sống ở mẹ", tức là không cần sinh lực ở hiện tượng động tác mà cần ở nguồn gốc sinh lực của Đạo thể không bao giờ cùng. Ở đứa con đỏ, âm dương chưa ly khai, tinh lực bcòn toàn tác. Vị trí tân mẫu chi hợp nhi toàn tác.

Khi trưởng thành, giác quan đã thức tỉnh với dục vọng, trí thức đã đối đãi so sánh, tò mò, ý chí hoạt động trạng thái đồng nhất của

Dạo đã phân chia tan nát. Càng tan nát thì càng mất thực thể của bản ngã, càng đi tìm ở ngoài càng không thấy, khác nào đứa con lạc mẹ mà đi tìm gào khóc không thấy đâu. Mẹ đây là thiên nhiên, con đây là nhân loại.

*Cho nên Lão tử bảo phải trở về với Mẹ nếu người ta muốn trường sinh, tức là thuyết "**Hợp thể** , trung tâm của tư tưởng của Lão Trang Thượng Tự nhiên, Tự Tại."*

"***Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất.***"

Trời đất với ta cùng sinh ra một lúcvạn vật với ta về một thể.

Nhưng mà sự hợp nhất ấy làm thể nào để mà thực hiện ở tại người ta? Bằng cách tiến hóa gồm hai mặt: một đằng giữ lấy Đạo, và một đàng bỏ cái ngã cá nhân, nhân cách đi.hư ngày nay Gandhi đã bỏ cái tư ngã đến chỗ không. Bởi vì đạo thể đã là cái vô vi, không có vật hiện hữu, thì chúng ta muốn phối hợp với Đạo phải trút sạch tất cả sự vật hiện hữu đi. Chúng ta phải bỏ cái nhân cách cá nhân đi để trở về với Mẹ, với nguồn gốc vũ trụ.ngược dòng theo con đường phản phục, hồi hướng nội quan.

Thiếu tắc dắc thì, đa tắc luận. Ít đi thì đạt được Đạo, càng nhiều càng ngờ vực. Vì Đạo thể ấy ở ngoài ngoạn ngữ, ở trên tri thức suy luận, thậ là: Vi diệu nguyên thông . thâm bất khả thức

Cảm thông với cái đầu mồi vi diệu, thâm trầm không có thể biết được

"*Ly khai, phủ nhận thế giới ngoại vật của giác quan, của tri thức, của cảm tình, của dục vong và của hành vi , ly khai cả với cái ý thức vế cái ta,, vì đã có ý thức về cái ta (moi) thì tức đã sinh ra caí ý thức cái ý thức về cái không ta, giản dị hóa và đồng nhất hóa tất ca cái sai thù vạn biệt để đạt tới cõi không tướng, " Vô vi nhi vô bất vi " tức là trạng thái huyền đồng, chứng diệu chi môn nghĩa là cái đồng nhất huyền diệu của ngõ của nhiều mối. Đây là trạng thái yên lặng tuyệt đối . Yên lặng nhưng sau bao sự cố gắng phi thường, nỗ lực khắc kỷ nghiêm giới để tự thắng, vì thắng người mới chỉ lạ sứ mạnh, thắng mình mới được gọi là khỏe. "*

Chương 33/9ạo Đức kinh)

"***Tự thắng giả cường. Thắng nhân giả hữu lực. Tự làm chủ được mình là mạnh khỏe. Thắng được người chỉ là vũ lực.***"

*Nhưng sau bao nhiêu công phu tu luyện nhu thế để mà thắng được mình thì kết quả để làm gì ? Sau khi đã bỏ được cái ngã cá nhân đ rồi, ta dã được cái "**thân ngoại vật là tiên trong đời**" nhu Ôn Như Hầu đã nói, thì kết quả cho*

1- Nguyễn Đăng Thục, Lịch sử Triết Học Phương Đông, tập I, t/P HCM xb, 1986, lần 3,

tinh thần người ta là gì? Lão Tử trả lời: Người ta đến trình-độ ấy sẽ được cái sáng-suốt cho tinh-thần , tức là chữ ***Minh*** *vậy.*

"***Tri thường viết minh*** "*= Biết cái thường còn là sáng.*

Không biết cái thường còn ấy thì quên biết minh chân thật đi mà thành ra có cái không lành.

*

* Đức theo Lão Tử

Đức là điều-kiện cụ-thể của Dặo trong từng sự vật. Dạo sinh ra vạn vật, nhưng làm cho các vật nào ra vật ầy. và tồn-tại được trong vũ-trụ là don Đức . Đạo sinh ra nó (vạn vật). Đức chứa đựng nó, làm cho nó lớn, làm cho nó sống , làm cho nó hiện ra hình, làm cho nó thành ra chất và nuôi-nấng che-chở cho nó.Nếu Đạo là cái tĩnh vô hình thì Đức là cái động hữu hình của Đạo. Nếu Đạo là bản chất của vũ trụ thì Đức là sự cấu-tạo và tồn-tại của vũ-trụ.

"***Tự thắng giả cường. Thắng nhân giả hữu lực***. " *(Chương 33/ Đạo Đức kinh)*

Tự làm chủ được mình là mạnh-khỏe. Thắng được người chỉ là vũ lực.

*Ý-thức về cái không ta (non moi), giản dị hóa và đồng nhất hóa tất ca cái sai thù vạn biệt để đạt tới cõi không tướng, "**Vô vi nhi vô bất vi** " tức là trạng-thái huyền đồng, chứng diệu chi môn nghĩa là cái đồng nhất huyền diệu cửa ngõ của nhiều mối. Đây là trạng-thái yên lặng tuyệt đối . Yên lặng nhưng sau bao sự cố-gắng phi-thường, nỗ-lực khắc-kỷ nghiêm giới để tự thắng, vì thắng người mới chỉ la sức mạnh, thắng mình mới được gọi là khỏe.*

Nhưng sau bao nhiêu công-phu tu-luyện

*nhu thế để mà thắng được mình thì kết-quả để làm gì ? Sau khi đã bỏ được cái ngã cá nhân đi rồi, ta dã được cái "**thân ngoại vật là tiên trong đời**" nhu Ôn Như Hầu đã nói, thì kết quả cho tinh-thần người ta là gì? Lão Tử trả lời: Người ta đến trình độ ấy sẽ được cái sáng suốt cho tinh thần , tức là chữ **Minh** vậy.*

***Tri thường viết minh** = Biết cái thường còn là sáng.*

Không biết cái thường còn ấy thì quên biết minh chân thật đi mà thành ra có cái không lành. Bất tri thường vong tắc hung = Không biết cái thường còn thì nguy hại.

***Kiến tiểu viết minh** = Thấy được cái nhỏ gõi là sáng. Lão Tử không tả cho ta biết cái thực nghiệm minh giáo ấy, bởi vì theo ông:*

***Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri** = Kẻ biết thì không nói. kẻ nói thì không biết..*

Lão Tử chỉ biểu-lộ cho ta biết rằng ở trong cái trạng-thái ấy, mọi vất đồng nhất một cách huyền-diệu mà ông gọi là huyền đồng.

Một khi hợp thể với Đạo sẽ có một sức trực-giác thần thông, Cho nên lại có những câu nói thần-bí như sau:

"***Bất xuất hộ.tri thiên hạ, bất khuy du . Kiến thiên đạo kỳ xuất nhi viễn, kỳ tri nhi thiểu. Thị dĩ thành nhân, bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành*** ".

(Chương 47/ Đạo Đức kinh)

Không ra khỏi cổng mà biết thiên hạ không nhòm qua cửa sổ thấy được Đạo Trời Đất vì tinh thần càng lớn xuất ra ngoài xa thì cái biêt càng ít.. Cho nên thánh nhân không đi mà biết , không thấy mà gọi được tên, không làm mà thành.

Tất cả những quyền năng ấy là do cái đức đạo mang lại cho cả. Đáy là mục-đích của sự tu luyện trở nên Trường sinh cửu thị chi đạo, lấy sự tích chứa cái đức coi như một cái lực hấp=dẫn của Đạo làm căn-bản.

"***Hàm đức chi hậu, tỷ ư xích tử = Ngậm cái đức sau đây ví như đứa con đỏ***. "

Chính cái thuật trường sinh ấy đã đẻ ra cái khoa luyện đan sau này ở Trung quốc. Nhưng ở Lão Tử thì mới chỉ lá khoa tâm-lý thực-nghiệm đem áp-dụng vào mục-đích tự thắng và siêu thần nhập hóa để thực-hiện cái trạng-thái ý-thức hồn-nhiên.

" ***Thánh nh6n tại thiên hạ, hấp hấp vi thiên hạ hồn kỳ tâm. Thánh nhân giai nhi chỉ***."

Thánh nhân ở trong thiên hạ thu vào đới với tất cả trong trời đất, giữa cái tâm hồn-nhiên không thiên vị. Thánh nhân mỉm cười ngây thơ đứa hài nhi với thiên hạ.

Muốn có cái tâm trạng ấy, Lão Tử chủ trương một phương-pháp t u luyện đi từ sinh lý vào tâm lý, lấy sự điều-tiết nhịp điệu của

hơi thở làm ách yếu. Vì nhịp điệu ra vào là yếu tố căn-bản của hòa-điệu vận-hành trong vũ-trụ ví như vận-động âm dương. Và cũng vì chỉ nhịp thở là còn ở lúc chúng ta thức cũng như lúc chúng ta ngủ. Bởi vậy mà luyện khí cho nhịp-nhàng có thể ảnh-hưởng vào tất-cả cơ cấu tổ-chức sinh-lý và tâm-lý Minh bạch tứ đạt.

" ***Tải doanh phách bảo nhất, năng vô ly hồ? Chuyên khi chi nhu năng anh nhi hồ? Dịch rừ nguyên lãm năng vô ti hồ? Thiên môn khai hạp, năng vi thư hồ? Minh bạch tứ đạt năng vô tri hồ?* "

(Chương 10/ Đạo Đức kinh)

Có thể làm cho linh-hồn ôm được cái đồng nhất trong sự phối-hợp không rời chăng? Có thể luyện hơi thở là sinh khí đến chỗ nhê=nhàng như nhịp thở của đứa hài nhi chăng? Có thể tẩy sạch cái nội quan huyền diệu đến không còn chút vết nhơ bụi nào chăng? Cửa trời mở đóng có thể làm nguyên lý mãi chăng?

Có thới Đạo thì phải thông suốt sáng sủa tất-cả mà không cần đến cai biết chăng?

Muốn đến trạng-thái tinh thần hợp thể với Đạo thì phải ***Tuyệt Thánh khi Trí, Tuyệt nhân khi nghĩa, tuyệt xảo khí lợi****.Nghĩa là vượt khỏi tri thức la tập đối-đãi của bậc thánh , vượt khỏi quan-niệm nhân ái với nghĩa lý, vượt khỏi sự khôn khéo lợi hại để đến chỗ Kiến Tố bão phác, thấy cái nguyên-tố ôm cái thuần*

phác, tức là cái Mẹ đại đồng.

*** Đạo với nhân sinh hành vi.**

Khi Lão Tử than:

Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành , thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành. *= Lời nói của ta rất giản dị, dễ hiểu, dễ thực hành mà trong thiên hạ chẳng ai có thể biết được, chẳng ai có thể làm được. Như thế đủ tỏ Lão Tử cũng như Khổng Tử không được thời đại hưởng-ứng. Nởi vây ông chuyên-chú vạch sự lầm-lạc của thời-đại, của các nhà cầm quyền cũng như của giới trí-thức và khuyên họ nên trở về sống theo Đạo.*

Căn cứ vào quan-niệm vạn vật trong trời đất, Lão Tử rút ra một ***định-luật biện-chứng của thực-tại.*** *Sự vật biến đởi theo quan-hệ hỗ động, sinh khắc, chế hóa âm dương cũng như khí dương tích-cựcvà hoạt động, theo định luật ấy sẽ biến sang âm khi thụ động và nhu thuận, thì hânh-phúc cũng chứa sẵn bên trong cái mầm của tai họa..*

*"**Họa hề, phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục.** Họa là chỡ tựa của phúc, phúc là chỗ ngầm chứa của họa."*

Cho nên sự tìm kiếm hậnh-phúc trần-tục xô đẩy người ta vào lòng tham vô đáy của cải, danh vọng và bạo-động, kiêu-xa và ích-kỷ,

mà lãng quên định-luật phản-phục đanh thép của ttời đất.. Hễ lớn mạnh thì đến già yếu, đấy gọi là không phải Dạo, không phải Đạo thì sơm hết.

*"**Vật tráng tắc lão, vị chi bất Đạo, bất Đạo tảo dĩ,**"*

Thánh nhân biết rằng nếu theo Đạo của người mà trái với Đạo Trời thì sẽ đi đến chỗ sớm hết, cho nên bỏ cái quá đáng, bỏ cái xa hoa,, bỏ cái thái quá.

Thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái.

Thánh nhân lấy tư tưởng ***kiến tố bão phác*** *Tháy cái nguyên-tố, ôm lấy cái thuần phác làm cứu cánh của sự sống bằng cách Thiểu tư quả dục=mà ít cái tư kỷ đi và ít cái ham muốn đi, vì thánh nhân chỉ qui thực mẫu = Qúi trọng sống trong nguồn sống âu yếm của Mẹ mà thôi. Do đấy mà cón mấy phương châm thực-hành:*

- Biết tri túc

Tri túc bất nhục**. **Tri chỉ bất đãi, khả dĩ trường cửu.

Lão tử nói: Biết đủ thì không nhục, biết ngưng thì không ngu, có thể lấy làm lâu dài.

Và không có họa lớn nào hơn là không biết tri túc. khóng có cái nguy lớn nào hơn là muốn được, cho nên biết đủ của cái tri túc thì luôn-luôn đủ vây,

Hoạ mạc đại ư bất tri túc cửu dại ư dục

đắc, cố tri túc chi túc, thường túc hỹ.

Sở dĩ sự biết đủ thì luôn luôn đủ như thế là vì đấy là bí quyết của quân bình trong trường vận động lưu hành của các thế lực tự nhiên trong trời đất. Đạo Trời bớt cái thùa mà bù chỗ không đủ.

***Thi ên chi đạo, tổn hữu dư, bổ bất túc**.*

Còn đạo của người thì trái lại. không như thế, cho nên trong nhân laọi hay mất quân bình vậy.

-Không cạnh tranh và bất bạo động.

Bởi lý do vì cạnh tranh gây thù oán trên đây mà Lão Tử khuyên người ta không nên đua tranh, không nên bạo động, vì canh tranh gây thù oán, bạo động, sẽ chết bất đắc kỳ tử. Vẫn theo cái luật thừa trừ tự nhiên, kẻ nào bớt đi, nhún đi sẽ được tăng lên, lẻ nào đòi hơn, thêm mãi thì lại bị bớt đi.

Vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích nhi chi tổn Và kẻ nào thắng bằng gươm, kẻ hùng hổ thì chết bất đắc kỳ tử.

***Cường lương giả bất đắc kỳ tử** cũng như câu cách ngôn phương Tây: Qui vaine par l'épée. meurte par l'épée.= Thắng vì lưỡi kiếm chết vì lưỡi kiếm.*

Cho nên Lão Tử hay lấy nước lam kiểu mẫu của cái đức thiện của Đạo mà ví cái đức hạnh của bậc thánh nhân của ông , ông nói:

"***Thiện thượng nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, sử chúng nhân chi sở ố, cố ky ư đạo. Phù duy bất tranh, cố vô ưu.***"

Cái đạo thiện tối cao cũng ví như nước, nước khéo làm lợi cho muôn vật mà không cạnh tranh, ở tại nơi mà mọi người ghet, cho nên gần với Đạo. Ôi! chỉ bkhông tranh nhau như nước, cho nên không lầm lỗi.

Bất tranh ở đây không phải là hèn nhát chịu thua ví như nước rất nhu-yếu mềm-mại, không tranh mà có thể đánh đổ những vật kiên cố, cho nên Lão TỬ nói: Bất tranh nhi thiện thắng = Không tranh mà khéo thắng. Bởi vì trong thiên-hạ không có gì nhu-nhược hơn là nước, mà pha cái khoẻ, cái rắn thì đều thắng hér cả, không có gì thay nó được. Yếu mà thắng khỏ, mềm mà thắng cứng, trong thiên hạ ai mà chẳng biết chẳng làm được?

"***Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, nhi công kiện cường giả mạc chi năng thắng., lỳ vô dĩ địch chi. Nhược nhi thắng cường, nhu chi thắng cương, thiên hạ mạc bất tri, mạc năng hành**.*"

- Công thành thân thoái:

Đây là cái luân-lý thực-tế mà Trương Tử Phòng tức Trương Lương đã đem áp-dụng với nhà Hán. Sau kgi giúp nhà Hán thắng Tần Thủy Hoàng và Hạng Võ đã trả thù được cái nhục

nhã của Tổ quốc rồi, ông không lưu luyến với triều đình mà xin thoái lui vào bóng tối sống đời ẩn-dật để mong tránh được cái họa bất đắc kỳ tử của Hàn Tín vậy.

Lão Tử cho cái đạo trời lồng-lộng vô tu, cho nên Công toại thân thoái thiên chi đạo.

Sở dĩ vũ trụ tự nhiên này trường cửu và giữ dược hòa điệu điều lý là vì nó vận động vô tư, cho nên ngư ời ta cũng nên lấy đấy làm gương mà bắt-chước. Người bắt-chước đạo của Đất, Đất phỏng theo d0ường lối của Trời. Trời phỏng theo lối của Đạo. Đạo tuân theo cái định luật tự-nhiên.

"***Nhân pháp Địa, Dịa pháp thiên - Thiên pháp Đạo, đạo pháp tự nhiên.***"

Bởi vì tự-nhiên vận-hành theo cái định luật biện-chứng mâu-thuẫn hỗ-động nên trường cửu, cho nên không tư mà thực-hiện được cái tư.

"***Thiên trường địa cửu, thiân địa sở dĩ năng trường thả cửu giả dĩ kỳ bất tự sinh. cố năng trường sinh. Thị dĩ thánh nhân hậu kỳ thân nhi thần tiên. Ngoại kỳ thân nhi thân tồn, phi dĩ kỳ vô tư dã. Cố năng thành kỳ tư.***"

Trời dài, Đất lâu. Trời Đất có thể dài lâu là vì không tự sinh, tự động với cái ý chí của mình . Cho nên sinh mãi không thôi.. Vì

thế mà thánh nhân muốn lâu dài thì cũng phải để cái thân mình về sau thì tự nhiên thân mình được ở trước tất cả, để thân mình ra ngoài công việc thì thân mình còn ở đấy. Như thế mà không phải là vô tư sao? Vì vô tư như thế mà thành tựu được cái mình chân thật.

Cái định-luật ***vận hành biện chứng mâu thuẫn hỗ động*** *ấy biểu-thị ra tất-cả vũ-trụ. Chúng ta chỉ cần mở mắt ra nhìn thì thấy được ngay, ví như nước kia nuôi sống tất cả tràn ngập trên mặt đất không kẻ công hay tư hữu gì hết.*

Cái Đạo lớn ấy cũng giống như nước vậy.

"***Đại Đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữuvạn vật thị chi nhi sinh, nhi bất tử, công thành bất danh, hữu y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ. khả danh vi đại. Dĩ kỳ chúng bất tự vi đại, cố năng thành kỳ đại***."

Đạo lớn tràn ngập khắp cả chung quanh ta, vạn vật nương vào đấy sinh sống và nó không từ cái nào. Công thành rồi mà không có tên tuổi, nước mặc nuôi cho vạn vật mà không cậy làm chủ muôn vật. Vì thường thường không có ham muốn cả thế giới là nhỏ, muôn vật trở về đấy mà không cậy mình là chủ thì có thể gọi là lớn. Bởi vì sau cùng không tự cho mình là lớn cho nên thành tựu đượcb cái lớn của mình.

*Đây là phương-châm luân-lý ứng-dụng để thành tưu cái **mình lớn** lâu dài, ấy là không chấp vào cái lớn lâu dài của hình danh biểu hiện mà bắt-chước cái vô vi của thực-thể ở trên hình danh vậy.*

- Dĩ đức báo oán.

Từ những phương-châm luân-lý ứng dụng. LãoTử đi đến các giá-trị tiêu-chuẩn của nhân=sinh lý tưởng là lấy đức đẻ báo oán.

*Khổng Tử bảo lấy đức báo oán thì lấy gì báo Đức. Cho nên khuyên đệ tử lấy đức báo đức, lấy trực báo oán. Bởi vì quan-niệm về Đạo của Khổng Nho là quan-niệm **hữu vi** và lại Khổng Tử vốn trung thành với tinh-thần truyền thống cho Đạo là đường ăn ở giữa người với người trong nhân-quần xã-hội. Còn Lão Tử quan-niệm Đạo vô vi tuyệt-đối là một nguyên-lý đại-đồng, ngoài danh-từ ngôn ngữ trên hiện hữu tương-đối, chỉ có thể lấy cái vô tư, vô dục để tích-chứa cái đức là phương-diện biểu-hiện của Dạo. rhì mới hợp thể được với Đạo. **Đạo ấy là không biết thiên-vị chỉ biết nuôi nguồn sống tràn ngập** mà không cậy mình, nhìn muôn vật với con mắt bình-đẳng khách quan. Cho nên Lão Tử lấy tiêu chuẩn của giá trị nhân sinh là **Dĩ đức báo oán.***

"***Vi vô vi, sự vô sự. Vi vô vi , đại tiểu đa thiểu, báo oán dĩ đức***."

(Chương 63/ Đạo Đức kinh)

Làm cái vô vi, làm cái không có việc, nếm cái vị không có vị, làm lớn cái nhỏ, làm cho nhiều cái ít, lấy đức mà báo lại cái thù oán.

Cứ như thế thì mới thắng phục lòng người khuất phục được kẻ thù, không phải bằng võ lực, mà bằng cái đức cảm hóa.

"***Thiện sĩ giả bất vũ, thiện chiến giả bất nộ, thiện thắng địch giả bất dữ.***"

Kẻ sĩ giỏi không bạo động vũ phu.Kẻ chiến binh giỏi không giận dữ. Kẻ khéo thắng cừu địch, coi cừu địch như bạn.

Đây là cái tâm rộng yêu của bậc thánh. lhông có cái làm rêng của mình mà lấy tâm thiên hạ làm tâm mình.

Chương 49:

"***Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm.***"

"***Thiện giả ngô thiên chi , bất thiện gỉa ngô diệc thiện chi, đúc thiện***."

Người tồt với mình, mình xử tốt, người không tốt với mình, mình cũng xử tốt, đấy là đức tốt.

Và đấy là cái đạo ***Vô vi nhi vô bất vi.*** *không làm riêng cho một cái gì là làm cho tất cả toàn thể vậy.*

Đấy là giá-trị tiêu-chuẩn lý-tưởng của nhân sinh hành-vi, là ***chí công vô tư*** *= cực chung không riêng vậy.*

Tương quan Tư Tưởng của Lão Tử với Các nguồn tư-tưởng trong văn-hóa Việt.

* Tư-tưởng cổ truyền dân-tộc .
* Hiện thực với siêu-nhiên là một.
* Tính không chấp .
* Tương quan Vũ-trụ - con người & xã-hội.
* Lạc quan về đời sống .
* Lý tương đối .
* Lòng hiếu đễ .
* Nền luân-lý bình-dân
* Nghĩa vuông tròn
* Tình Nam - nữ và gia-đình .
* Tình vợ chồng . .
* Tinh thần bao dung, nhân ái
* Tinh-thần tích-cực đấu tranh
* Lòng kiên-nhẫn .
* Tính "vi nhi vô vi" . .
* Tính thăng hoa (bốc hơi) .
* Óc thực-tế . .

*

Theo giáo-sư W.J.F. Jenner đã khẳng-định trong cuốn "*The Roots of China's Crisis*", trang 26: "*Trung Quốc không có khái-niệm công-dân, vì từ đời nhà Tần, dân chúng đã thừa-hưởng một khái-niệm* ***duy chính quyền trung-ương*** *mà thôi... Ngoài ra, nhà Tần còn truyền thừa là người dân không có một lãnh-vực riêng tư nào có thể ngăn chặn khi chính-quyền trung-ương có ý định can-thiệp vào.*"

Trái lại đối với Việt Nam, theo nhà Việt học Paul Mus cho rằng cấu-trúc xã-hội nông-nghiệp qua tính-chất phân quyền, dân-chủ *("Phép vua thua lệ làng")* mà dân-tộc Việt đã bảo-tồn từ thời lập quốc cho đến nay, và "*Làng xã đã là yếu-tố cấu thành quốc-gia Việt Nam, và chỉ qua làng xã trong lúc lâm nguy mới có thể hiểu được tinh-thần dân-tộc của người Việt.*"

Người Việt rất trọng *"Tổ tông", các vị anh-hùng dân-tộc,*

Uống nước nhớ nguồn.

(Tục-ngữ)

Thấy sản-nghiệp là thấy tiền nhân, là thấy hồn thiêng sông núi. Tổ-tông và những nét trong nếp sinh-hoạt không tan-rã theo thời-gian, theo cơ-thể mà in sâu và lưu-truyền nơi con cháu. Ở dân-tộc là cả những gì gọi là quốc-hồn, quốc-túy...

Cây có gốc mới xanh cành, tươi ngọn,
Nước có nguồn mới biển cả, sông sâu.

(Ca Dao)

- Trong đời sống, con người cần dưỡng tính, tu tâm để đóng góp cho chiều-hướng đồng tiến. Giá-trị của tu tỉnh luôn-luôn tiến từ gần đến xa, từ thấp lên cao. không phải chỉ có một đường duy nhất:

Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha, kính mẹ, ấy là chân tu.

(Ca Dao)

hay: "*Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.*"

- Người Việt thận-trọng lời nói:

Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Ca Dao)

và chín-chắn suy nghĩ trước khi hành-động:

Gửi lời thì nói, gửi gói thì mở.

(Tục-ngữ)

cùng các câu ca-dao dưới đây:

Làm người suy kỹ, xét xa
Cho tường gốc ngọn, cho ra vắn dài.
Là trượng-phu, đừng thù mới đáng
Đấng anh-hùng, đừng oán mới hay.

Ăn mặn nói ngay,
Còn hơn ăn chay nói dối.

Ở hiền thì lại gặp lành
Nhược bằng ở dữ, tan-tành cái con.

Dạy con từ thuở còn thơ,
Dạy vợ từ thuở bơ-vơ mới về.
(Ca Dao)

Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.
Con hơn cha, nhà có phúc.
(Tục-ngữ)

* **Nghĩa "Vuông - tròn"**:

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông
(Kiều).

Nói đến "*vuông - tròn*", ta lại nhớ đến truyện bánh chưng "vuông", bánh dày "tròn".

Vào thời vua Hùng thứ VI, tuổi vua đã cao muốn *chọn con hiền để nhường ngôi*. Ngài bèn thử-thách, nhân gần đến ngày tết, hoàng-tử nào dâng lễ vật mà được ngài thích thì ngài sẽ truyền ngôi báu. Các hoàng-tử đua nhau đi tìm đủ loại châu báu, sơn hào hải vị. Riêng hoàng tử Lang Liêu chỉ dâng một mâm đựng cặp bánh chưng vuông và bánh dầy tròn. Hiến phẩm này được vua cha vui mừng tiếp nhận và phán Lang Liêu là người xứng-đáng thay vua đảm-trách việc nước. Qua truyện này, ta thấy:

Bánh chưng vuông (*tương trưng đất, giữa có nhân, và chỉ 4 phương*)

Bánh dày tròn (*chỉ trời*).

Cả hai thứ bánh không những nói lên vũ-trụ quan và căn-bản của xã-hội Việt là nông-nghiệp, mà còn nói lên lẽ cư-xử ở đời.

Quy-luật "*vuông tròn*" này còn thể-hiện ở những hình ảnh bánh xe xưa. Tương-tự hình ảnh những đồng tiền kim loại cổ, cũng giống như lý chuyển động của trời - đất: Đất thể âm (-), tĩnh, bền-vững, nên cái lý của đất là vuông - trời ở ngoài quay chung-quanh đất thì lý của trời phải tròn. Vuông -tròn là cái lý chung của trời đất và vạn vật khi chuyển-động, cho nên Nguyễn Du mới thắc-mắc tương-lai của Kiều:

"*Khuôn thiêng biết có vuông tròn cho chăng?*"

Ở giới bình-dân Việt, quy-luật này đã được phổ-thông qua câu "*mẹ tròn con vuông*", hay:

Ba vuông sánh với bảy tròn,
Đời cha vinh hiển, đời con sang giầu.
(Ca Dao)

Trong cuốn "*Ba Vấn Đề Khởi Đầu Văn Hóa Việt Trên Thế Giới*", trang 273, ông Hoài Nguyên đã viết:

"Trong vuông, ngoài tròn" chính là câu tóm tắt khuyên cách cư-xử trong xã-hội để xã-hội được tiến hóa trong hòa-hài. Ý này được xây lên từ những bánh xe của một cái xe thô-sơ thời xưa, vành ngoài tròn, giữa đục một lỗ vuông, tính toán vừa đủ cỡ để một trục vuông lùa vào chặt-chẽ. Nhờ sự phối-hợp của ngẫu-lực: vuông để giữ vững, và tròn để lăn đi mà cái xe chuyển-động vững-vàng.

"Thế nào là 3 vuông sánh với 7 tròn trong cách cư-xử của con người sống giữa thiên-nhiên và xã-hội?

"Vuông là góc cạnh phân minh: chiều nằm rất là bằng, lấy mặt nước làm chuẩn; chiều đứng thật là ngay, lấy đường quả rọi làm mức. Hai đường cắt nhau thành góc đúng 90 độ. Mọi xây-dựng dù muốn biến chế thì cũng phải lấy những góc vuông làm mực thước căn-bản, bằng không thì việc xây cất không đứng vững được. Đây là nguyên-tắc chính trong việc xây-dựng.

"Nhưng sống, sinh-hoạt giữa thiên-nhiên và xã hội cũng thường-trực là những giữ-gìn và xây-dựng. Gìn-giữ, xây-dựng ngay trong Ta; gìn-giữ, xây-dựng giữa Ta và Người. Ta là trong, người là ngoài; ta là chủ, người là khách; cá nhân là chủ, xã-hội là khách. Như vậy sống sinh-hoạt đã là gìn-giữ và xây-dựng mà còn là đối-đãi, cư-xử với cả trong và ngoài; Chủ xử với chính mình và chủ xử với khách. Câu nói của người xưa là "đối với trong thì phải vuông, đối với

ngoài thì phải tròn."

"Ở trên, ta đã biết " vuông" là dùng nguyên-tắc "ngang bằng, sổ ngay" không du-di thiếu hay thừa. Như vậy đối trong là tự xử, mình đối với mình. Chủ thể đối với chính mình thì phải nghiêm minh, đúng nguyên-tắc.

"Sinh-hoạt tức là thực-hiện một chí hướng; như vậy còn gọi là thành-tựu cuộc sống. Cái nguyện ước, ý chí này điều động, hướng-dẫn sinh-hoạt thành một hệ-thống liên-quan chặt-chẽ với nhau. Trong mọi sinh hoạt thực-tiễn thì nó là mục-đích. Những ý chí, ước nguyện bản-chất thuộc phạm-vi tâm-lý, nên còn gọi là cái tâm, có nghĩa là mọi sinh-hoạt trong cuộc đời đều quy về điểm này, cho nên nó phải được lãnh-hội một cách thật sáng-suốt, thẳng-thắn và trong sáng; Cái tâm được như vậy gọi là cái Tâm ***minh****,* ***chính*** *và* ***thành****...*

"Nói ba vuông là nói đến cái tâm ***minh, chính, thành,*** *và "bảy tròn" chú ý đến cái sống giữa tập thể xã-hội với nhau.*

"Tròn hay tròn-chặn, trước hết là nhã-nhặn, khoan-hòa, có lễ-độ, không góc cạnh, gay-gắt, biết nể cái "ta" của người khác, khiến không-khí giao tình được ôn nhu.

"Tròn cũng còn có nghĩa là "trọn vẹn", là đầy đủ trách-nhiệm và nghĩa-vụ của mình

trong xã hội. Muốn người khác tròn trách-nhiệm của người ta, chính mình phải tròn trách-nhiệm của mình, hay ít ra cũng biểu-lộ thành thực cái tinh thần trách-nhiệm của mình. Hơn nữa, nếu đối với mình phải "vuông" tức là hết lòng thực-hiện trách-nhiệm của mình thì đối với người, nói chung là ở cái thế tương-quan không đòi hỏi sự vẹn toàn mà "chín bỏ làm mười", khoan-dung, độ lượng, không khe-khắt.

"Tuy nhiên trên căn-bản nơi mọi người ý-thức cuộc sống cần có một ý nghĩa, một vai gánh vác trong thế-sự thì trên căn-bản đó, bảy tròn là ***Từ, khoáng, Kiến, Cần, Thận, Pháp*** *và* ***Chỉnh*** *trong bảy (7) liên-hệ nhân quần (bằng hữu, nghề-nghiệp), liên-hệ quốc gia, liên-hệ địa-phương, liên-hệ làng xóm, liên-hệgia tộc, liên-hệ gia-đình (ông, bà, cha mẹ, anh em,.) và liên-hệ gia thất (vợ con).*

"Trong bảy (7) tròn gồm: "từ" (từ aí). Từ ái ở đây không đối-nghịch với "nhân" trong Nho học, "từ bi" trong Phật học và "bác ái" trong Thiên Chúa giáo, nhưng khác ở cái tâm "từ ái" không đào-tạo nên những ngài "quân tử"trong Khổng giáo, những sa-môn trong Phật giáo, những linh-mục, mục-sư trong Thiên Chúa giáo, mà chỉ đào-tạo những con người Phù Đổng, Tiên Dung, Chử Đồng Tử, Tản Viên Nguyễn Tuấn, Thi Sách,

Trưng Trắc, con người Trúc Lâm Đầu Đà diệt Mông Cổ rồi chống gậy trúc đi lang-thang khắp nước...

Hay như con người Nguyễn Khuyến, không phải một Nguyễn Khuyến "*Tam nguyên ghế chéo lọng xanh ngồi bảnh choẹ...*" mà là một Nguyễn Khuyến bình-dị,

Bạn đến chơi đây ta với ta.

(Nguyễn Khuyến)

thân-thiện, và hòa-nhã:

Chú Đáo xóm đình lên với tớ,
Ông từ trong xóm lại cùng ta...

(Nguyễn Khuyến)

* Tình nam nữ và gia đình:

Tinh thần phóng-khoáng và bình-đẳng :

Ảnh-hưởng nghề nông, nghề chân lấm tay bùn, gần-gũi thiên-nhiên, nên nông dân Việt giàu tình-cảm, bình-dị và phóng-khoáng.

Thiên-nhiên mang tình người, lòng người trải rộng vào thiên-nhiên

Vì sương cho núi bạc đầu,
Vì chưng gió thổi cho rầu-rĩ hoa!

(Ca Dao)

Thiên-nhiên, cây cỏ cũng lây nét lãng-mạn, tình tứ của con người:

Vì mây cho núi lên trời,
Vì cơn gió thoảng, hoa cười với trăng.

Sự hòa-hài giữa con người với thiên-nhiên được thể-hiện trong những ngày "Tết", hội xuân.

Các trò vui xuân như "*đánh gòn*", "*bắt chạch trong chum*",... đủ chứng-tỏ văn-hóa Việt khác với văn hóa Trung Hoa. Ở Trung Hoa cho đến ngày nay, vì cốt lõi tinh-thần gốc du-mục, nên "*trọng nam khinh nữ* ". Xưa kia, Khổng Tử đã cho rằng: *"Phụ nữ khó cảm hóa, thân cận thì nhờn, mà xa lạ thì oán"*.

Đối với Hán Nho không nhìn phụ-nữ trên con người toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính với vai-trò nội-trợ và sinh đẻ! Chính ở điểm này mà ta thấy mặc dầu tán-tụng Khổng Tử là "*bậc thày muôn thuở* " (*Vạn Thế Sư Biểu*) mà không một lời nói đến Khổng phu nhân!

Việt phong khác với Nho phong đã được vạch rõ trong bài thơ "*Đu Xuân*" của nữ-sĩ Hồ Xuân Hương:

Tám cột khen ai khéo khéo trồng,
Người thì lên đánh, kẻ đứng trông:
Trai đu gối hạc khom-khom cật,
Gái uốn lưng ong, ngửa-ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phất-phới,
Đôi hàng chân ngọc duỗi song-song.
Chơi xuân mới biết xuân chăng tá
Cọc nhổ đi rồi, lỗ bỏ không!

Để nói lên tính cách phóng khoáng giữa trai và gái của giới bình dân, ta có thể tìm thấy trong các bài ca-dao như trai ướm tình với con gái:

Trai đã không e-ngại mượn cớ "*quên áo*" để ướm tình, thì gái cũng mạnh-dạn:

Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm tám, mời anh xơi trầu.
Trầu này têm những vôi Tầu,
Ở giữa đệm quế, hai đầu thơm cay.
Mời anh xơi miếng trầu này.
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng.
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng kẻo lòng nhớ thương.

(Ca Dao)

Người khác động-vật là có nhân tính. Xã-hội người là một tổ-chức có nhân tính. Nhờ *nhân tính* mà con người hình-thành xã-hội. Nhân tính gồm bốn tính căn bản: "***nhu-yếu tính, tự-vệ tính, tập-đoàn tính và sắc tính***".

Để duy-trì sự sống, đó là *nhu-yếu tính*. Vũ-trụ vốn là nguồn cung-cấp cho sự sống muôn loài, nhưng cũng là nguyên-nhân gây tai họa cho con người như bão, lụt, động đất,..., cùng những đe-dọa của các mãnh thú, nên con người phát-huy tính thứ hai là "*tự-vệ tính*". Để đương-đầu với những thiên tai và mãnh thú, con người cần sống trong tập-thể để nương-tựa nhau, đó là *tập-đoàn tính* (*xã-hội tính*) ; Sau nữa, con người cần có nhu-cầu chung đụng nam nữ để sinh con cái, duy trì nòi giống, đó là *sắc tính*. Trong sắc tính, tiểu gia đình là đơn-vị căn-bản của quốc-gia. Tiểu gia-đình là miếng đất tiên khởi gieo hạt giống hạch-tâm-thể cho toàn bộ xã-hội. Đối với xã-hội, tiểu gia-đình là nơi truyền nối đạo thống, văn-hóa, di-dưỡng phong-tục, tập-quán dân-tộc, là nơi

đào-tạo căn-bản tài năng, tư cách công-dân, chuẩn-bị sáng tạo, quan-trọng nhất là khởi-dựng của "*yêu thương*". Có yêu thương mới xây đắp cho chính mình, gia-đình và xã-hội.

Yếu-tố thứ nhất của xã-hội sinh-hoạt là "*hôn nhân*". Đề-cập tới hôn nhân là đề-cập đến xây-dựng gia-đình. Muốn xây-dựng gia-đình, công việc trước tiên là phải giúp cho nam nữ có cơ-hội giao-tiếp, gắn bó trước khi kết-hợp vợchồng, nghĩa là nam nữ giữ **vai trò chính yếu, có quyền lựa chọn**. *Có lựa chọn mới có trách-nhiệm và trọn nghĩa vợ chồng.*

- Ngay thời Nho học, **tinh thần phóng khoáng giữa nam và nữ** vẫn được cổ võ:

Những tục-lệ vui xuân như hát đố, ném còn, đánh đu, đều nói lên sự bình-đẳng giữa trai và gái:

Hỏi nàng duyên nợ thế nào?
Gặp nàng muốn hỏi thấp cao đôi lời.
(Hát đối)

"*Tuy không lý-thuyết thành giáo-lý, kinh điển, nhưng những sinh-hoạt hồn-nhiên như trò vui "đu xuân" (đánh đu trước sân đình vào đầu xuân).*

Ta thử nghĩ liệu một cô gái con nhà gia thế có bao-giờ dám trèo lên cây đu mà nhô-nhún, hớ-hênh dầu chỉ làm một mình ở nơi vắng-vẻ, nói chi tới chuyện cặp đu với một chàng trai giữa nơi đông-đảo? Còn những chàng nho sinh có dám vượt vòng "lễ giáo của

Khổng Mạnh" để du hý, phóng-túng động tình với một cô gái trên cây đu trước công chúng. Bởi khi đã được vào hàng "nho sĩ" thì đã được áp-đặt lên quần-chúng phải kính nể. Hán nho miệt-thị phụ-nữ, nuôi thái-độ bắc-bậc, kiêu-kỳ đối với phụ-nữ.

* **Tình vợ chồng** :

Chính nhờ ở tinh-thần phóng-khoáng và tự-do luyến-ái, mà khi thành đạo vợ chồng, tình-nghĩa càng keo sơn, chung-thủy, và cùng nhau chia sẻ trách-nhiệm:

Yêu anh cốt rũ, xương mòn,
Yêu anh đến thác cũng còn yêu anh.
(Ca Dao)

hay: *Trăm năm lòng khắc dạ ghi.*
Dẫu ai đem bạc đổi chì cũng không.
(Ca Dao)

Vì *Trăm năm chí quyết một chồng*
Dầu ai thêu phượng, vẽ rồng mặc ai.
(Ca Dao)

Nên bất-chấp mọi nghịch cảnh:

Dầu cho đá nát vàng phai,
Trăm năm duyên nợ chẳng phai chút nào.
(Ca Dao)

Đó là ý nghĩa về "*tao khang*" (nghĩa tấm cám = nghèo nàn không bỏ nhau):

Đôi ta là nghĩa tao khang
Xuống khe bắt ốc, lên ngàn hái rau.
(Ca Dao)

Tiếc thay tinh-thần tự-do luyến ái và

phóng khoáng hôn nhân trong sạch này bị những luồng tư-tưởng hủ bại:

- Trai năm thê, bảy thiếp
- Gái chính chuyên chỉ có một chồng.

Hoặc:

... Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai...
(Nguyễn Đình Chiểu)

Những quan-niệm bất bình-đẳng, và sai-lạc đã bị nhà thơ Tình Si Tử nêu lên trong bài *"Hủ Nho tự trào"*

Ngán nỗi nhà nho bọn hủ ta,
Hủ sao hủ gớm hủ ghê mà!
Thơ suông nước ốc còn ngâm váng;
Rượu bự non chai vẫn chén khà.
Múa mép rõ ra văn chú chiệc;
Dài lưng quen những thói con nhà.
Phen này cái hủ xưa đi hết,
Cứ để cười nhau hủ mãi à ?

Cứ để cười nhau hủ mãi à ?
Cười ta, ta cũng biết rằng ta.
Trót quen nho-nhã đầu khăn lượt.
Hóa kém văn minh cổ áo là.
Khó vậy làm em, giàu đã chị;
No thì nên bụt, đói ra ma.
Nay đương buổi học ganh đua mới,
Còn giữ lề xưa mãi thế mà!
Còn giữ lề xưa mãi thế mà !
Trông gương ta lại tức cho ta.
Ngâm câu dã giả, đùi rung nẩy

Ngó chữ a, b, mắt quáng lòa,
Tai mặt cùng vui đình đám hội;
Mày râu riêng thẹn nước non nhà.
Ai ơi! giấc ngủ sao mê quá!
Mưa gió năm châu rộn tiếng gà.

Mưa gió năm châu rộn tiếng gà,
Cái hồn văn tự tỉnh dần ra.
Trống khua giáo dục kêu vang nước;
Đuốc tội văn minh sáng rực nhà...

* ***Tinh thần bao-dung, nhân ái:***

Nước là vật có thể thu nhận tất-cả, bất-cứ thứ gì ném vào nước, dơ hay sạch, mùi vị hay mầu sắc nào cũng mặc, đều chấp-nhận cả.

Tinh-thần này, theo Phật giáo nói là *"từ bi, hỉ xả "*, đạo Thiên Chúa gọi là *"bác ái "*, với Nho học là *"lòng nhân"*,...

Nhờ thực-chứng tính-chất dung-nạp không phân biệt (*vô lượng thụ biệt*), cùng sức nuôi dưỡng vạn vật của ***nước*** mà người Việt nêu cao lượng bao-dung

Thương người như thể thương thân,
(Tục ngữ)

hay: *Thương người, người lại thương ta,*
Ghét người, người lại hóa ra ghét mình.
(Ca Dao)

mà sẵn-sàng:

Gặp người đói rách tả tơi,
Mở lòng đùm bọc, giúp người sa cơ.
(Ca Dao)

Tương-tự, trong dịp tiết "thanh minh", khi

chị em Kiều du xuân gặp nấm mộ vô chủ bên đường,

Sè-sè nắm đất bên đường
Rầu-rầu ngọn cỏ nửa vàng, nửa xanh.
Rằng sao trong tiết thanh minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà!
Vương Quan mới dẫn gần, xa
Đạm Tiên nàng ấy, xưa là ca nhi,
Nổi danh tài sắc một kỳ,
Xôn-xao ngoài cửa thiếu gì yến anh.
Kiếp hồng nhan có mong-manh,
Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương.
Có người khách ở viễn phương
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đà trâm gãy, bình rơi bao giờ...
(Kiều)

Sau khi nghe Vương Quan kể lể sự tình, Kiều đã:

Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoắt nghe Kiều đã đầm-đầm châu sa...
(Kiều)

Lòng nhân ái của người Việt không phải chỉ đối với tình đồng hương, nghĩa đồng-bào "*lá lành đùm lá rách*", mà còn áp-dụng cả đến quân thù xâm lăng đất nước.

Để thấy rõ điều này, *ta hãy đọc bài* "*Bình Ngô Đại Cáo*" của Nguyễn Trãi viết sau khi đại thắng quân Minh:

Tương mảng:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân; quân điếu phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc lập; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên:

Lưu Cung sợ uy mất vía, Triệu Tiết nghe tiếng giật mình. Cửa Hàm Tử giết Toa Đô, sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã. Xét xem cổ tích đã có minh trưng. Vì họ Hồ chính sự phiền hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ trừ ngược, bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn ngàn khóe, ácchứa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa nát cả càn khôn, nặng khóa liễm vét không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu; nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim chả. Tàn hại cả côn trùng, thảo mộc, nheo nhóc thay! quan quả điên liên. Kẻ há miệng, đứa nhe răng, mầu mỡ bấy no nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng nề về những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay! trúc rừng không ghi hết tội; dơ bẩn thay ! nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho; ai bảo thần nhân nhịn được.

Ta đây:

Lam Sơn dấy nghĩa; chốn hoang dã nương mình. Ngẫm non sông căm nỗi thế thù; Thề sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thảo suy xét đã tinh, ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trằn trọc trong cơn mộng mị, chỉ băn-khoăn một nỗi đồ hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuấn kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu. Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần; nơi duy ác hiếm người bàn bạc. Đôi phen vùng vẫy, vẫn đăm-đăm con mắt dục đông; mấy thuở đợi chờ, luống đằng-đẵng cỗ xe hư tả.

Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt-mù như kẻ vọng dương; thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chững nịch. Phần thì giận hung đồ ngang dọc, phần thì lo quốc bộ khó-khăn. Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần; khi Khôi huyện quân không một lữ. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng,

bắt trải qua bách chiết thiên ma. cho nên ta cố-gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phất-phới, ngóng vân nghê bốn cõi đan hồ; mở tiệc quân, chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng phụ tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi; quân giặc nhiều ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn; lấy chí nhân thay cường bạo. Trận Bồ Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà Lân trúc phá tre bay. Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan; Phương Chính Lý An tìm đường trốn tránh. Đánh Tây kinh phá tan thế giặc; lấy Đông Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh Kiều máu chảy thành sông, bến Tuy Động xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp đã thiệt mạng, Lý Lương lại phơi thây. Vương Thông hết cấp lo lường; Mã Anh không đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao; ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui; ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương gây mầm tội nghiệp. Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người, tham công một thời, chẳng bõ bày trò dơ duốc. Đến nỗi đứa trẻ ranh như Tuyên Đức, nhàm võ không thôi; lại sai đồ nhút-nhát như Thạnh, Thăng, đem dầu chữa cháy. Năm Đinh mùi tháng chín, Liễu Thăng Khâu Ôn tiến sang; lại năm nay tháng mười , Mộc Thạnh tự Vân Nam kéo đến. Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối Bắc quân; ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt đường lương đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở Chi Lăng, hai mươi Liễu Thăng chết ở Mã Yên. Hai mươi nhăm Lương Minh tuyệt vong, hai mươi tám Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi đao ta đương sắc, ngọn giáo giặc phải lui. Lại thêm quân bốn mặt vây thành ; Hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ tốt ra oai tì hổ, thần thứ đủ mặt trảo nha. Gươm mài đá,

đá núi cũng mòn; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kinh ngạc; đánh hai trận tan tác chim muông. Cơn gió to trút sạch lá khô; tổ kiến hồng sụt toang đê cũ. Thôi Tụ phải qùy mà xin lỗi; Hoàng Phúc tự trói để ra hàng. Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đồng; Xương giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước. Ghê gớm thay! sắc phong vân cũng đổi; thảm đạm thay! sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân Nam nghễn ở Lê Hoa, sợ mà mất mật; quân Mộc Thạnh tan trưng Cầu Trạm, chạy để thoát thân. Suối máu Lãnh-câu, nước sông rền rỉ; thành xương Đan Xá, cỏ nội đầm đìa. Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn chạy; các thành cùng khấu, cởi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội; thể lòng trời

bất sát; ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính cấp cho dăm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực; Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tầu còn đổ bồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, ngỏ lòng thu phục; ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi.

Thế mới là mưu kế thật khôn, vả lại suốt xưa nay chưa có. Giang sơn từ đây mở mặt, xã tắc từ đây vững nền. Nhật nguyệt hối mà lại minh; kiền khôn bĩ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chắc chắn, thẹn nghìn thu rửa sạch lầu lầu. Thế là nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng che chở, giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!

Vẫy vùng một mảnh nhung y, nên công đại định, phẳng lặng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh thanh. Bá cáo xa gần; ngỏ cùng nghe biết.

Bùi Kỷ dịch.

* **Lòng kiên-nhẫn**

Các câu tục-ngữ:

Nước chảy đá mòn,

hay "Có công mài sắt, có ngày nên kim." đã nói lên tính kiên-nhẫn của người dân trồng lúa nước. Đức kiên-nhẫn ở đây là muốn nhắc-nhở đức nhẫn của người trí. Nhẫn để thăng-hoa (*bốc hơi*), không phải là trốn chạy, hay ươn hèn. Nhẫn như Rồng tiềm-phục ở vực sâu, chờ thời-cơ để quật khởi, tung hoành.

Nhẫn được, tất tránh gây thiệt-hại về tinh

thần cũng như vật-chất.

Một câu nhịn, chín câu lành.
(Tục ngữ)

Chữ nhẫn là chữ tượng vàng,
Ai mà nhẫn được thời càng sống lâu.
(Ca Dao)

Sống là tranh-đấu. có tranh-đấu tất gặp cam go, nên cần có kiên-nhẫn:

Dù đường trần khe-khắt hiểm-nghèo,
Dù gập-ghềnh, dù lắm hùm beo.

Cứ củ quyết, đường-hoàng ta tiến,
Đời thảm-đạm, ta càng vinh hiển.

(Huy Thông trong Phong Hóa số 62)

Trong lịch-sử Việt không thiếu những gương kiên-nhẫn:

- Lê Lợi trải 10 năm gian khổ, ba lần phải rút về Chí Linh. nhiều khi khốn-đốn, vợ con bị giặc bắt, quân nhu khô cạn, quân lính phải đào củ chuối, và giết ngựa làm lương thực, nhưng vẫn kiên-trì tranh đấu. Cuối cùng đánh bại được quân Minh, dựng lại nền độc-lập cho nước nhà.

- Đăng Dung trì chí ôm quốc thù, trải bao nhiêu năm *mài gươm dưới trăng*:

Thuật Hoài

Thế sự du-du nãi lão hà
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ điếu thành công dị
Sự khứ, anh hùng ẩm hận đa.

Trì chủ hữu hoài phù địa trục
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch
Kỷ độ long tuyền đái nguyệt ma.
Đăng Dung

Dịch:

Việc đời bối-rối tuổi già vay,
Trời đất vô cùng một cuộc say
Bần tiền gặp thời lên cũng dễ,
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay.
Vai khiêng trời đất mong phò chúa,
Giáp gột sóng trời khó vạch mây
Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rầy."
(Phan Kế Bính dịch)

* **Tính tự nhiên (*vi nhi vô vi*)** :

Nước tự do xuôi chảy một cách tự nhiên, không tranh lấn, nhưng không gì có thể cản được.

Nước chảy theo cách tự nhiên có thể ví như tính cách "*vi nhi vô vi*" (*chảy mà không cố ý chảy*) trong Lão học. Nước nuôi dưỡng muôn loài, nước xuôi chảy theo bản tánh tự-nhiên, thâu-nạp, thích-nghi, dung-hóa...bốc hơi, âm thầm xuôi chảy, gặp chỗ sâu nằm im đó, có dịp bốc hơi thành mây, gặp điều-kiện thích-hợp, mây trở thành mưa, nước mưa thấm vào đất.

Sự hiểu nghiệm này được thần-thoại hóa qua chuyện Thánh Gióng với tinh thần "*có việc thì đến, hết việc thì đi* ".

Mùng bảy hội Khám, mùng tám hội Dâu
Mùng chín đâu đâu trở về hội Gióng
(Ca Dao)

Theo "*Lĩnh Nam Chích Quái*" kể:

"Đời Hùng vương thứ ba, thiên hạ thái bình,, Ân vương kiếm cớ, lấy sự thiếu lễ triều cống, giả đi tuần thú để xâm chiếm nước ta.

"Hùng vương hay tin, triệu quần thần hỏi kế đánh giặc. Có người tiến thưa: Không gì bằng cầu Long vương để được ám trợ !"

"Hùng vương nghe theo, bèn trai giới, thắp hương tế ba ngày thì trời mưa lớn sấm sét, chợt có một cụ lão, cao hơn 5 thước, mặt vuông, bụng to, râu mày bạc phơ, ngồi bên đường cười nói hát múa. Kẻ nhìn thấy tâu lên vua. Vua thân hành đến bái yết. Vua đến trước mặt lão, nói:

" - Nay nhà Ân sắp sang đánh, nếu lão ông có biết gì, xin nói lên để báo trước.

" Ông lão lấy thẻ bói ra, thưa với vua:

"- Ba năm nữa giặc mới đến.

"Vua lại hỏi kế đánh giặc, ông lão đáp:

"-Khi giặc đến, chỉnh tề khí giới, tinh luyện quân sĩ, rồi tìm trong thiên hạ ai là kẻ phá được giặc thì phong thưởng, hễ được người ấy thì dẹp bình được giặc.

"Nói xong bay lên trời mà đi, mới biết là Long quân giáng hiện.

"Vừa đúng 3 năm, biên đình cáo cấp có quân Ân tới. Vua theo lời ông lão nói, sai sứ đi khắp trong nước để tìm người dẹp giặc. Sứ giả đến hạt Vũ Ninh, làng Phù Đổng. Trong làng có lão ông, tuổi ngoài sáu mươi, sinh được đứa con trai, ba tuổi không biết nói, nằm ngửa không biết ngồi dậy, bà mẹ nghe sứ giả đến, nói bỡn con rằng:

"Sinh đứa con này chỉ biết ăn uống, mà không biết đánh giặc để hưởng phần thưởng của triều đình đền ơn bú mớm.

"Đứa trẻ nghe mẹ nói, đột nhiên nói lên:

"Mẹ gọi sứ giả đến đây, hỏi xem việc gì?

"Bà mẹ hoảng sợ, vui mừng, báo cho láng giềng biết con mình đã biết nói.

"Người trong làng cũng kinh lạ, mời đón sứ giả về nhà. Sứ giả hỏi:

"Em nhỏ bé mới biết nói, gọi ta đến làm gì?

"Đứa trẻ ngồi dậy bảo sứ giả rằng:

"Mau về tâu vua, đúc cho con ngựa sắt cao 18 trượng, gươm sắt dài 7 thước, một cái nón sắt, trẻ này cỡi ngựa đội nón đánh giặc, giặc sẽ tan, nhà vua không phải lo gì.

"Sứ giả phi ngựa về tâu vua. Vua vui mừng nói:

"-Ta không còn phải lo nữa.

"-Đây là Long quân cứu ta, như lời ông lão nói trước đây.

"Rồi vua sai tìm sắt đúc ngựa, kiếm và nón. Sứ giả đem lại nhà đứa trẻ. Bà mẹ thấy mà cả sợ hỏi con. Con cười lớn mà rằng:

"Mẹ hãy lo cơm cho nhiều để con ăn, còn việc đánh giặc thì mẹ khỏi lo.

"Đến khi quân Ân kéo đến Trâu Sơn, đứa

trẻ mới duỗi chân đứng lên, mình cao hơn mười trượng, nghểnh mũi hắt hơi, rồi tuốt gươm nói to:

"Ta là thiên tướng đây!

"Rồi đội nón, nhảy lên ngựa sắt, ngựa phi như bay, múa gươm xông đến trước giặc, quan quân theo sau dàn trận dưới núi Trâu Sơn. Quân Ân vỡ tan. Ân vương tử trận ở Trâu Sơn, còn dư đảng sụp lạy, mà kêu rằng:

"Thiên tướng, chúng tôi tất cả xin hàng.

"Thiên tướng phi ngựa lên núi Sóc Sơn, cởi áo mặc, cỡi ngựa bay lên trời, chỉ để lại vết chân ngựa trên hòn đá dưới núi.

Hùng vương nhớ công lao, tôn làm "Phù Đổng Thiên Vương", lập đền thờ ở vườn nhà trong làng. Đời nhà Ân trải 640 năm không dám đem binh sang quấy nhiễu nữa.

Sau có thơ rằng:
Vệ Linh xuân thụ bạch vân nhàn
Vạn tử thiên hồng diễm thế gian.
Thiết mã tại thiên, danh tại sử.
Uy linh lẫm lẫm mãn giang san.

Dịch nghĩa:

Núi Vệ Linh cây xuân, mây trắng che phủ.
Vạn tía nghìn hồng đẹp cả thế gian.
Ngựa sắt ở trời, tên ở sử.
Uy linh lẫm-liệt tràn ngập giang san.

(LĩnhNam Chích Quái truyện - Vũ Quỳnh hiệu đính)

* **Tính thăng hoa** (bốc hơi) phản phục?

"Nước đi ra biển, lại mưa về nguồn..."
(Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu)

Ngoài tính bất định hình, bất định thể, dung nạp, hòa-tan, thích-nghi, tự-do, bình-đẳng, v.v... nước còn có tính *bốc hơi* (*thoát xác*), dứt bỏ tất cả. Cho nên ngoài óc thực-tế, tâm hồn người Việt còn có khuynh-hướng dứt bỏ danh lợi (*như thánh Tản Viên, thánh Gióng*), dứt bỏ dục vọng thấp hèn, hướng tới chân - thiện - mỹ, hướng tới những giá-trị tinh-thần siêu-việt vĩnh-cửu.

Tự lắng trong, tự thanh lọc, tự bốc hơi, vượt-thoát thể lỏng trở thành thể khí, gợi lên hình ảnh tự lực, tự thắng những yếu hèn, thú tính, ích-kỷ, đố-kỵ,...còn ẩn tàng trong tâm trí. Nói cách khác, tự thắng là làm chủ những cảm thụ, những xúc-động, những tư tưởng hẹp-hòi, cố-chấp. Tự thắng là tiến trình dẫn tới nhân chủ. Đó là điều-kiện cần và đủ để nhân tính làm chủ tư-duy và hành-động.

Bàn tới tinh-thần "*thăng hoa*" (*tự lắng, tự thanh lọc*) tức là nói đến "*thanh danh*", hay tinh-thần tự-trọng.

Nói đến "*thanh danh*" (*Danh thơm, Tiếng tốt*), khác với "*có tiếng tăm, có uy-quyền bắt người khác suy tôn*". Sự sống thật là qúy, nhưng biết chết nhiều khi còn cao qúy hơn. Trong lịch-sử đã có nhiều anh-hùng, dũng tướng chọn cái chết nhất thời lấy cái sống muôn thuở:

"Ngày nay đền Gióng tế chay, đền Sóc tế mặn, có lẽ là bậc thái thượng không thể lấy pháp môn tầm thường mà luận chăng? Cho nên lấy công đánh giặc mà nói, nên gọi là cứu quốc anh hùng... Đấy là cái triết lý "Chí công vô tư, công thành danh thoái" trong tinh thần truyền thống của dân tộc. Nó là triết lý tự nhiên như hệ thống Lão Trang, nhưng có điểm khác biệt là nó công nhận tinh thần quốc gia dân tộc. Cho nên Đổng Thiên Vương đã hưởng ứng tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc mà bước vào hành động nhập thế hiện sinh, cũng chém, cũng giết, chỉ có khác không cầu mong gì vào kết quả của hành động.

Như Bình Trọng nhơn nhơn giữ một mực
Tựa Lê Lai ngần-ngật xung chín lần...
(Lưỡi Gươm Việt/ Đạo Trường Ngâm)

Đức Bình-Trọng thời nhà Trần bị giặc Nguyên bắt, giặc dụ hàng và hứa cho làm vua. Ông một mực trung kiên và khảng-khái nói: "*Thà làm ma nước Nam không thèm làm vua Bắc*".

Lê Lai thời hậu Lê không ngần-ngại thay vua Lê xông ra giữa chín lần gươm giáo, chết cho tương-lai dân-tộc sống, và còn nhiều gương hy-sinh tương-tự như Hoàng Diệu, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học, . . .

Sống, không những sống cho mình, mà còn cho gia-đình, quốc-gia và dân-tộc; sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ-vãng, và tương-lai.

Tóm Kết:

Qua nh»ng nét truyền-thống văn-hóa của dân-tộc nêu trên, nhiều người có thể ngộ-nhân mà cho rằng: "*Có nhiều nét tư-tưởng trên có nguồn từ Trung Hoa hay từ Phật giáo Ấn Độ ?*"

Không phải đợi đến thế kỷ 20, chính-khách nhân-loại mới học được thủ-đoan vo bóp (manipuler) tuyệt-xảo đầu óc con người. Ở Âu Châu, vào cuối thời Trung-cổ Machiavel đã kết đúc thành sách những thủ-đoạn này. Ơ Á Đông, cả ngàn năm trước đây , Lưu Bang, một viên đình trưởng chẳng có tài đức gì đáng kể, đã được nhóm mưu-sĩ "*phò Hán, phản Sở*" tuyên-truyền, dựng đứng thành một nhà lãnh-dạo độ lượng, nhân-ái. Những Hán Nho về sau, nối tiếp việc xưng-tụng, bóp méo sự thực, xuyên-tạc lịch-sử: ***dân thì gọi là Hán dân, Hán tộc, học thuật thì gọi là Hán học, chữ thì gọi là Hán tự,*** ... Rồi từ đó trở đi mọi *"đế chế cực quyền"* không những đã tiếp nối mà còn phát-huy thêm, biến những tuyên-truyền thành những giáo-điều căn-bản, thần-bí, tạo nên một lợi khí hiểm độc hỗ-trợ vững cho thế thống-trị của chúng.

Đế chế cực quyền thống-trị khởi đi từ Tần (Tần Thủy Hoàng) đã tàn-phá, trù-diệt các xã-hội Mông Việt, tiếp các triều: Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh nối-tiếp mãi về sau.

* Trên đây là về khía-cạnh chính-trị, còn về khía-cạnh tông-giáo, để đề-cao cho tông-giáo mình, có người cho rằng: *"Từ rất sớm, đạo Phật không những là nền của ngôi nhà văn-hóa dân-tộc, là móng của* thế-giới đều công nhận những cư dân cổ sống tại miền Bắc Việt Nam đã đạt được nền văn-hóa cao:

Và chính những kinh-nghiệm trong cuộc sống "*trồng lúa nước*" mà người dân Việt đã tạo cho mình -

một *truyền thống văn-hóa* như đã nêu ở trên. Những tư-tưởng như *nhân ái, bao-dung, nhân quả, nghiệp chướng, v.v...* nếu có hội nhập cũng chỉ là những điểm *tương đồng* với văn-hóa Việt, nên được người Việt chấp nhận mà thôi vậy.

*** Tinh thần thư thái hưởng nhàn**

Thu điếu.
Ao thu lạnh lẽo, nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tý
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
Từng mây lơ-lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo
(Nguyễn Khuyến

Một mai, một cuốc, một cần câu
Tho thẩn nào ai vuit hú nào
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn,người tìm chốn lao-xao
Thu ăn măng trúc, Đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

Vịnh chữ nhàn

Thị tại môn tiền náo
Nguyệt lai môn hạ nhàn
So lao tâm, lao lực cũng một đàn
Người btrần thế muốn nhàn sao được
Nên phải giữ lấy nhàn làm trước
(Nguyễn công Trứ.)

Thoát khỏi lợi danh

Thoát vòng danh lợi

Chen chúc lợin danh đà chán ngắt
Cúc tùng phong nguyệt mới vui sao
Chốn phồn hoa chót gước chân vào
Sực nghĩb lại, giệt mình bao xiết kể
Quá giả vãng nhi bất thuyế
Cái hình hài làmthiệt cáin thên chi.
Cuộc đời thủ gẫm mà suy
Bạb tùng cúc xưa kia là cố cựu.
Hẹn với lợi danh ba chén rươu
Vui cùngh phong nguyệt một bài thơ
Chuyện cổ kim so sánh một bàn cơ
Riêng vui thú giang sơn phong nguyệt
Mặc xa mã, thị thành không dám biết,
Thú yên hà trời đất để riêng ta
Nào ai, ai biết chăng là ?
(Nguyễn Công Trứ)

Sống ngoài vòng danh lợ thật là an nhàn, thong thả.

Nghĩ lại dĩ vãng, biết bao gian nan, vật lộn với lợi danh!

Ngày xưa, tác giả, một người ca tụng công danh không tiếclời, nhưng khi về già, bước chân ra khỏi cảnh võng lọng, ngựa xe, ma tư tưởng Lão, Trang đã ấp ủ trong lòng.

Thực vậy,

Ôi! nhân sinh là thế ấy, như bóng đèn,

Như mây nổi, như gioq thổi, như
chiêm bao.
Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nao
Vừa tỉnh giấc nồi kê chửa chín
Vận thái mạc cùng vân biến ảo,
Thế đồ vô lự, thủy đình hư
Cái hình hài đã chắc thiệ chưa?
Mà lr4o đẽo khóc sầu rứa mãi.
Trời đất hỡi có hìnhcũng hoại,
Ỷ chi chi, mà chắc chắn chi chi
(Vịnh nhân sinh)

*** Không cạnh tranh, hơn thua:**

Vịnh thằng Bờm
Thằng Bờm có cái quạt mo
Phú ôngh xin đổi ba bò , chín trâu
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
Phù ông xin đổi con chim đồi mồi
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đởi nắm xôi Bờm mừng
(Ca dao)

*

Chữ Hòa

*** Hai nền văn hóa khác-biệt: Du-mục với Nông-nghiệp**:

Thoáng nhìn qua, người ta thường cho rằng: "*Không những dáng người, ngôn-ngữ, sinh-hoạt (quan, hôn, tang, tế) giữa người Việt và người Tầu có nhiều điểm giống nhau,* ***không khác gì nhìn lầm một tấm vải lấy mặt trái làm mặt phải.***" Có người còn cho rằng: *"Văn hóa Việt là bản sao của văn-hóa Trung Hoa."!*

May-mắn thay, qua các công-trình khảo-cổ học, nhân-chủng học, xã-hội học, địa-lý, chính-trị, sử-học,... thay vì trước đây đa số cho Việt chịu ảnh-hưởng của Trung Hoa, *nay ngược lại, Trung Hoa từ huyết-thống đến văn-hóa, gốc khởi đầu quá nửa là do dòng Việt.*

* Căn-cứ vào những nét sinh-hoạt như phương cách sản-xuật, thể cách cư-trú, tổ-chức xã-hội dữ-kiện lịch nử, v.v... nếu lùi thời-gian vào khoảng vài ngàn năm trước *(giữa cuối tiền sử và đầu thượng cổ)* thì dân cư Hoa Lục bấy giờ đại thể sống trên trung lưu hai triền sông Hoàng Hà *(Yellow river)* ở phía Bắc và sông Dương Tử *(Yangsi)* ở phía Nam.

- Thượng và trung lưu triền Hoàng Hà là một cao-nguyên hoàng thổ, không do triền

này tạo nên mà do gió mùa Tây Bắc thổi cát từ Hãn hải tới lấp các thung-lũng giữa những đồi núi mà thành. Hoàng hà khoét dòng chảy quanh co qua cao-nguyên rồi theo ven phía Nam mà đi về hướng Đông ra biển. Cao nguyên này, chất đất tốt, lợi cho đồng cỏ và những ngũ cốc cần rất ít nước như lúa mì, lúa mạch.

Dân cư ở vùng này thuộc nòi Mông Cổ, lục-lưỡng và thô-phác. Thành phần phía Bắc và Tây Bắc sống bằng du-mục và săn bắn... Người phương Bắc này đã tạo bánh xe để chế xe ngựa dùng vào việc chuyên-chở và chiến-tranh; họ cũng biết quan-sát tinh tú để định phương hướng di-chuyển trên những đồng cỏ mênh-mông.

- Triền sông Dương Tử bồi lấp nên những thung-lũng và những đồng bằng vùng Hoa trung và Hoa Nam bằng phù-sa bào mòn từ những sườn đồi núi Tây Tạng, Tứ Xuyên, và Hoa Nam. Cả vùng này khí hậu ẩm-ướt, nhiều hồ đầm, rừng rú, nhất là tre nứa. Hoa Trung khí hậu ôn hòa, Hoa Nam khí hậu nhiệt đới, Dân cư ở đây là từ ngành gốc Nam Á, họ sống rải-rác thành những tập thể lớn, nhỏ trên các sườn đồi núi, ven những hồ đầm và sườn đồi núi.

Người dân vùng này *cấy lúa trên những ruộng nước*, gieo lúa rẫy, và trồng rau dưới

các thung-lũng hay trên sườn đối núi. Họ trồng bông và nuôi tằm để kéo sợi. Chẳng những biết dệt vải, lụa mà còn biết nung gạch, sành *(mỹ nghệ đồ sứ)*, biết xây cất nhà cửa. Như vậy, ở đây manh-nha phần lớn văn-minh Trung Hoa sau đó.

Về vóc-dáng, dù ngày nay các dòng đã pha-trộn vào nhau, nhưng đại-thể người Hoa Nam còn dễ phân biệt với người Hoa Bắc hơn là với người toàn vùng Đông Nam Á, nhất là với người Việt, người Thái, người Miên.

Như vậy, có thể nói rằng: Khối người gần một tỷ ngày nay tại Đông Nam Á là đồng chủng. Họ đã sống tản-mạn trong những vùng đất đai vừa thông nhau, vừa cách-biệt nhau, và giao-tiếp với những văn hóa khác trong quá trình tiến hóa của nhân loại, nên lâu ngày thành những tập-thể mang những danh-từ khác nhau, khác cả về ngôn-ngữ, cùng một số tập-quán. Tuy nhiên, sự khác nhau này chỉ là những biến thiên địa phương từ một gốc chung. Họ được gọi là Indonésien, Mélanésien, Micronésien,... Riêng dân cư vùng Tứ Xuyên, Vân Nam, Việt Nam, ThaiLan, Miến Điện còn được gồm chung danh từ là Tibéto Birman (Tạng Miến). Hẹp hơn nữa, trong vùng Trường Giang và Hoa Nam, kể cả thung-lũng sông Hồng, sử-quan Trung Hoa trước gọi chung những cư dân

vùng này bằng danh từ "**Bách Việt**".

* Hai dòng sống Mông Cổ ở Hoa Bắc, Hoa Trung và dòng Bách Việt ở Hoa Nam có những giao-thoa, mới đầu là những trao đổi hàng hóa, trao đổi kỹ-thuật, rồi tới trao đổi tư-tưởng, tín-ngưỡng và dòng máu. Sự trao đổi diễn ra lâu dài và đủ cách. Có những trao đổi tự nhiên, hiền hòa, lại có cả những trao đổi cưỡng-bách bằng những hành-động bạo tàn như cướp bóc, hãm hiếp, tạo ra hận thù. Trước còn là những biến cố lẻ-tẻ, sau thành chiến-tranh qui-mô. Dưới con mắt lịch-sử, ảnh hưởng của những bạo lực có tốt, có xấu. Nhiều tập thể nhỏ đã kết-hợp thành những tập-thể lớn, hữu-hiệu hơn. Nhiều tập-thể bị điêu-linh rồi tịch-diệt! Trong các xã-hội phát-sinh một lớp người mới có vai trò quan-trọng, đó là các võ tướng chỉ-huy những đoàn quân. Ra đời công nghệ chiến-tranh, vai-trò của võ lực vượt lên, dẫn đầu các ngành sinh-hoạt khác: chính-trị, kinh-tế, và văn hóa. Những nghi-thức, những trang-hòang để biểu dương khí thế, tất cả xoay quanh trọng tâm là võ lực! (*Chế độ quân chủ chính là chế độ suy tôn kẻ nắm một quân lực chiến thắng dưới quyền*).

Trong khí-thế phát-triển và tranh dua võ lực này thì thế thắng về dòng Mông Cổ vì họ sở-trường hơn về vũ lực, nhưng sinh-hoạt

kinh-tế và văn-hóa thì người Bách Việt lại sở-trường hơn.

Cuộc chiến được nhắc tới đầu tiên trong lịch-sử Trung Nguyên là trận "*Hoàng Đế chiến Suy Vưu*", lãnh tụ của liên-quân Mông Cổ chiến thắng Suy Vưu, lãnh tụ liên-quân Bách Việt.

Sau trận này, ở Trung nguyên ra đời một cộng đồng ổn-định trong trật-tự ***phong kiến*** *của một quyền lực chúa tể với những quyền-lực địa-phương (Tổ-chức và học-thuyết chính-trị, danh-hiệu hóa những quyền lực này là một thiên-tử lãnh-đạo thiên-hạ và các vua chư-hầu là danh-hiệu những thủ-lãnh địa-phương).*

Học giả Tây phương không tin giai-đoạn phong kiến truyền hiền này là có thực. Họ cho rằng đây chỉ là huyền-thoại mà sử quan Trung Hoa dựng lên.

Thực ra "***chế độ phong kiến truyền hiền***" **chỉ là thế tất-yếu trong lịch-sử mà nảy sinh.**

Người thượng-cổ chất-phác, thái-độ minh-bạch, nhu-cầu đơn-giản. Chiến-tranh không ngã-ngũ, nhu-cầu cho cả đôi bên là cầu được sống an-hòa. *Cả đôi bên đều nhằm vào đó mà tìm một thỏa-hiệp.*

1- Hoài Nguyên, *" Hai Thực Thể Việt - Hán Nhìn Ngược Dòng Lịch Sử",* 1994.

Như vậy là tại vùng phía Tây Trung Nguyên, vào khoảng hơn 4000 năm trước, đã khởi-đầu cuộc giao-thoa giữa hai chủng-tộc Mông - Việt. Các mặt quân-chính, kinh-tế và văn-hóa đều phát-triển để khởi dần-lên một văn-minh Trung Nguyên.

Nếu chỉ nghiên-cứu nền văn-hóa giao thoa này, nhiều người đã ngộ-nhận giữa "*văn-minh nông-nghiệp trồng lúa nước*" với nền "*văn-minh du-mục* ".

Những ngộ-nhận cần được minh-hóa:

* **Về tư-tưởng**:

- Trong khi tư-tưởng "*du-mục*" là "*xâm-lăng*", lấy "*mạnh hiếp yếu*" (*"thiên triều chủ nghĩa", "Hưng Hoa diệt Di" = Hưng nòi Hoa, diệt các dân khác chung quanh*), thi nông-nghiệp chủ "*thái-hòa*", "*đại-đồng*".

Chúng ta thường nghe nói đến nào là "*Hiếu hòa*", "*Thế-giới đại-đồng*", hay các khẩu-hiệu "*tứ hải giai huynh đệ*" *(Bốn bể một nhà),* ... của Trung Hoa, nhưng thực-chất thì trái ngược trong lịch-sử Trung Hoa.

- Tự ngày xưa, *"Đại-đồng"* trong Lễ Ký, chữ "Đại đồng" ở đây nên hiểu là *"đại đồng trong sự coi sóc của nòi Hoa."* Quốc sách Tàu đều đã ghi rõ*: "Tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân = Ba năm nuôi dạy tất trở thành dân Hoa"*. Mối truyền-thống

"***Thiên triều chủ nghĩa***" của nòi Hoa từ thủy-tổ Hoàng Đế đến nay vẫn còn truyền tiếp. Nếu xưa kia, những câu *"Nhưỡng Di địch, phạt Nam Khương"* hay ngạo-mạn như *"Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ" (Dưới gầm trời không chỗ nào không là đất nhà vua"*, đều chỉ nhằm *"Hưng Hoa diệt Di"*.

Thời Tưởng Giới Thạch, năm 1940, bộ Chính Trị Địa Dư đã quy-định 8 con đường phát-triển của nòi Hoa:

- Tây Bá Lợi Á
- Tây Tạng, Ba Tư
- Tân Cương
- Ấn Độ
- Việt, TháiLan, Miến Điện, Tân Gia Ba
- Nam Dương Liệt Đảo
- Úc Châu
- Thái Bình Dương Liệt Đảo, Hàn.

Trong dự-kế thống-trị toàn cõi Đông Nam Á, Trung Cộng chẳng còn giấu-giếm ý-đồ khi vẽ lãnh-thổ của Trung Quốc bao gồm: Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Campuchia, Lào, Mã Lai, Singapore, Phi Luật Tân đính kèm trong cuốn "*Tân Trung Quốc Sử Lược"* ấn hành 1952! ...

Trong lịch-sử xâm-lăng Việt Nam của Trung Hoa còn ghi lại:

- Đời nhà Chu (1122-225 tr. C.N.) đem hòa-bình đến cho các chư-hầu là chiếm-đoạt đất đai của các bộ-lạc ở lưu-vực sông Hoàng Hà, là thống-trị, là củng-cố và phát-triển chế-độ nô-lệ.

- hòa-bình đến cho các chư-hầu là chiếm-đoạt đất đai của các bộ-lạc ở lưu-vực sông Hoàng Hà, là thống-trị, là củng-cố và phát-triển chế-độ nô-lệ.

- Thời Đông Hán (23 - 220 T,L,), Mã Viện phá hủy trống đồng của dân Lạc Việt, và xóa-bỏ luật lệ Việt.

- Đời Minh Thánh tổ đã chỉ-thị cho Chu Năng, tướng chỉ-huy đoàn quân xâm-lăng, khi binh lính Tàu vào đất Việt sẽ đốt mọi sách-vở, văn-tự do người Việt Nam viết, một mảnh chữ cũng không còn để lại!...

* Đối với xã-hội *nông nghiệp trồng luá nước* như ở Việt Nam:

- Trời đất có "*thái hòa*" thì sự "*sinh sinh hóa hóa*" trong vũ-trụ mới miên viễn.

Lịch nông nghiệp đã cho thấy đầu tháng Giêng, thời điểm "*thái hòa*" của trời đất, mở màn chu-kỳ sinh hóa hàng năm. Lịch ta lấy cung "Dần" làm khởi đầu cho tháng Giêng *(Giêng khởi ư Dần)*. Cung "Dần" theo Dịch lý thuộc quẻ "Thái" : hợp bởi hai quẻ Càn trời, dương ở dưới và khôn đất, âm ở trên. Quẻ "Thái" mô-tả hai lực sáng-tạo "*âm*" và "*dương*" phát-triển đến độ cân-bằng gọi là "*thái hòa*", mở màn cho mùa xuân. Do đó,

ba nét ngang (☰) trong chữ "thái" hoặc ba nét ngang trong chữ Xuân, có nghĩa là khi ba hào dương mở màn cho chữ thái, ánh dương khai mở sự thái-hòa, sự tốt lành (*ngũ phúc*) cho mọi nhà.

Tương-tự, muốn hiểu rõ vũ-trụ quan uyển chuyển và rất phổ -thông của xã-hội Á Đông, chúng ta không cần suy-luận dài dòng... " *Chúng ta chỉ cần trở lại ngày tết đầu năm của nông dân Việt Nam, quan-sát họ ăn tết, chơi xuân, chảy hội... Ngày xuân, nước suối trong veo, ánh nắng ấm áp, công việc đồng-áng tạm đình, trai gái nông-dân được rỗi-rãi, cùng nhau gặp gỡ bên sườn đồi, bờ suối. Bên nam bên nữ, đàn ông đàn bà, chính là cách-thức phân công đầu tiên, cùng nhau xướng-họa để loan sánh phượng, để mình sánh ta, đúng theo mô-thức âm dương,* ***khuynh-hướng khác mà chí-hướng chung,*** *chung một nguồn sống. Vì vậy hội hè mùa xuân của nông-dân thường có tinh-thần thân-ái, sống lạc-quan và đoàn-kết tập-thể.* " [1]

Thái hòa, nguyên-lý sinh hóa của vũ-trụ duyên trường sang xã-hội người là "*mâu thuẫn thống nhất*", trong dương (+) có âm, trong âm (-) có dương, như một thỏi nam-châm, đương-nhiên chia hai đầu Nam - Bắc.

1- Nguyễn Đăng Thục, *"Vu Trụ Âm Dương"*, Phong Tục Tết Việt Nam và Lân Bang, Đông Nam Á xb. 1986.

Ứng-dụng vào xã-hội, "*tình*" và "*lý*" có tương-thông thì cuộc sống mới thanh-thản.

Tinh-thần xóm làng xưa của Việt Nam ta, "*coi nhau như bát nước đầy*" là lối sống "*hài-hòa*", chấp nhận dị-biệt. Ở đâu có "*hài-hòa*" thì ở đó tình thương bao-la, sự hiểu biết thoát khỏi mọi ràng-buộc của tư dục. Ca-dao và tục-ngữ ta thường nói: *"thương người như thể thương thân", hay*

"Phải người mà cũng phải ta,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau"...

- Đối nghịch đi đến phân-cách, giai-cấp - hay tiêu-diệt nhau của du-mục.

Theo quan-niệm của Hán (Hoa) nho, đào-tạo được lớp người "*quân tử*" (*thành-phần giúp vua để cai trị dân*) nên có câu: "*Đức của người quân-tử như gió, đức của kẻ tiểu-nhân (người bị trị) như cỏ.* Gió thổi thì cỏ phải lướt theo." Cũng vì thế mới sinh ra giai-cấp,

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt

Dân hữu tứ, sĩ vi chi tiên
Có giang sơn thì sĩ đã có tên
Từ Chu, Hán vốn sĩ này là qúy..."
(Nguyễn Công Trứ)

Những quan-niệm giai-cấp độc tôn như: "*quân tử*" với "*tiểu nhân*", vua tôi một chiều, *"Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung"* =

Vua phán chết là chết, bày tôi không chết là bày tôi bất trung, vua là con trời (thiên tử), "*nam nữ thụ thụ bất thân*"... đều là những quan niệm cổ-hủ, bất-bình-đẳng, phi dân-chủ, phi nhân-bản.

Ở xã-hôi Việt Nam, trong ca-dao bình-dân lại có những câu diễn-tả tính cách bình-đẳng, hòa-hài:

Nhất sĩ, nhì nông
Hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ.

Quan niệm con người là *"đồng nhất thể", giai cấp chỉ là do xã-hội đặt định:*

"Hơn nhau tấm áo, manh quần
Thả ra lột trần, ai cũng như ai."
(Ca Dao)

Tinh thần Việt độc-đáo ở chỗ nhìn ***con người sống toàn diện, bình đẳng, nhất như****, trong âm có dương, trong dương có âm.* Điều này khác với Tây phương: âm - dương đối-lập, và cũng khác với Trung Hoa ở điểm Trung Hoa coi thường vai-trò phụ-nữ. Xưa kia, Khổng Tử đã cho rằng: *"Phụ nữ khó cảm hóa, thân-cận thì nhờn, mà xa lạ thì oán"*. Người Hán (Tàu) luôn-luôn coi phụ-nữ trong thế thứ yếu. Họ tạo ngay trong tâm-lý phụ-nữ một định-kiến về thân-phận yếu kém, lệ thuộc của mình.

Có lẽ không một quốc gia nào có hiện-

tượng "*cung tần phi nữ*" và "*thê thiếp*" xôm trò như ở Tầu:

Thời Đường Minh Hoàng (713-756) trong cung có hơn bốn ngàn phi tần!

Chế-độ "*thiếp*" rất phổ-biến ở Trung Quốc từ Hạ, Thương, Chu. Chế-độ "*thiếp*" bắt nguồn từ thời-đại "*cưỡng-đoạt hôn nhân*", cướp-đoạt con gái ngoại tộc làm vợ biến thành *thiếp*. Các vua Tàu thời Chiến quốc đều có nhiều thiếp, và kẻ giàu có coi việc lấy nhiều thiếp làm vinh.

Hôn-nhân được coi như mua bán! Hôn-nhân mua bán đầu tiên không phân-biệt thê thiếp. Mãi đến đời Chu mới phân ra: người cưới hỏi là "*thê*", người mua bán là "*thiếp*". Khi mua bán định giá theo tuổi tác, nhan sắc, tài năng của người con gái. Như vậy, đàn bà bị đem bán, bị ***vật-hóa*** trở thành *món hàng trao đổi*!

Thời cổ-đại Trung Quốc, những người có quyền thế, hoặc giàu có thường công-khai mua nhiều gái trẻ làm nô-tì, ai có nhan sắc thì làm thiếp. Khi không dùng thì có thể bán lại, hoặc chuyển cho người khác!

Việt phong không chia cắt xã hội con người thành giai-cấp (*quân tử, tiểu nhân*), qúy - tiện giữa đàn ông với đàn bà. . .

- **Theo lý của kẻ mạnh** "*Khỏe được yếu*

thua".

Tự coi mình là Trung Tâm Văn Minh của toàn cầu, nên Tầu đã tự đặt cái tên " *hay ho* " cho mình là Trung Quốc, hay **Trung Hoa**; cộng vào cái bệnh truyền kiếp "*Đại Hán*", "*Bá-chủ thiên-hạ*" từ thời Chu, cho mình ưu-tú nhất, và nhất là còn ỷ vào số đông hơn một tỷ dân, nên coi thường dân nước khác (*bốn ngôi sao chầu một ngôi sao lớn trên lá cờ của Trung Cộng ý chỉ bốn châu ở bốn phương chầu về Trung Quốc*. Ngày nay, nhờ cải-tổ kinh-tế và qua chính-sách "*Strategic engagement*" của Hoa-Kỳ mà Tàu đã ttrở nên một nước giàu có trên thế giới. Tập đoàn cai-trị tại Bắc Kinh càng hăm-dọa các nước tiểu-nhược trong vùng.

Mao Trạch Đông đã từng tuyên-bố nếu cần hy sinh 500 triệu dân Tàu để chiếm cả thế-giới thì Trung cộng sẽ không ngần-ngại thực-hiện. Đây quả là giọng điệu của kẻ "*lấy thịt đè người*". Hán hóa địa-cầu, chiếm lãnh kinh-tế, nhất-thống Đại Trung Quốc là một giấc mơ ngàn đời của các chú "*con Trời* ", ***nhưng làm được hay không là còn tùy-thuộc vào nội lực của thế-giới.***

Thái-độ lấy "*mạnh ép yếu*", lấy "*thị đè người*" của các đế-chế Trung Quốc thể-hiện rất rõ như qua các văn kiện, chiếu, chỉ ngày trước.. .

Đời nhà Tống truyền hịch khích-lệ ba quân sang xâm-lăng nước Việt:

"*Thái Tôn Thái Bình Hưng Quốc, Ngũ niên Bát nguyệt, Chinh Giao Chỉ chiếu:*

"*Quốc gia thanh giáo sở đàm, uy linh hàm kỵ, cố nãi Giao Chỉ chi cảnh, vị quy dư địạ chi đồ. Thần tư nhất phương, cận tiếp Ngũ Lĩnh; Đường mạt ly loạn, khu nội phẫu phân, toại vi tiếm ngụy chi bang, tư thành lung cổ chi tục. Cập Phiên ngung để định, chính sóc thủy ban. Tuy khế thủ dĩ xưng phiên, phá thiện binh nhi tự cố. Sự đại chi lễ đương như thị hồ? Điếu dân chi hành cái bất đắc dĩ. Nghi cung hành ư thiên thảo, dụng phi biến ư man thù, nghi dĩ Tôn Toàn Hưng đẳng xuất sư tiến thảo.*"

(An Nam Chí Lược, Quyển Nhị)

Tống Thái Tôn Thái Bình Hưng Quốc, Tháng Tám năm thứ Năm (979)

"*Giáo hóa và uy linh của mướt ta đến khắp nơi, riêng đất Giao Chỉ nơi biên cảnh chưa được sát nhập vào bản đồ. Vùng đất này giáp với Ngũ Lĩnh, nhân cảnh ly loạn cuối nhà Đường, đất nước ta lâm vào cảnh chia cắt, bọn chúng lợi dụng tiếm quyền tự động lập quốc, đui mù theo thói tục xấu. Nay đất Phiên Ngung đã bình định, lịch chính sóc được ban hành, đáng lẽ phải cúi rạp đầu để xưng phiên thần, thì Giao Chỉ lại tụ tập binh*

để tự thủ. ***Lễ nước nhỏ phải thờ nước lớn*** *chúng dám như vậy ư! Ta dùng quân điếu phạt cũng là điều bất đắc dĩ. Nay thi hành mệnh trời chinh thảo lũ man di; sai bọn Tôn Toàn Hưng cất quân đi chinh phạt."*

(Trích theo "Những Nét Đặc Trưng về Lịch Sử Việt Nam" của Hồ Bạch Thảo, Mister Print, Ca, 2002.)

太宗太平興國五年八月征交趾詔
(時黎桓篡丁氏)

國家聲教所覃,威靈威暨,故乃南趾之境,未歸輿地之圖。矧茲一方,近接五嶺。唐末稽亂①,區內(部)〔剖〕分②,遂爲僭偽之邦,思成蠻觸之俗。及番禺底定,正朔始頒。雖稽首以稱藩,頗繕兵而自固。事大之禮,當如是乎?弔民之行,蓋不得已。宜躬行於天討,用丕變於蠻陬,宜以孫全興等率師進討。

*

Đến đây, ta không còn ngạc-nhiên khi đọc thấy những điều mà sử-gia Trung Quốc là Châu Quế đã viết: " *Bất cứ thời-đại nào, hễ làm người Trung Quốc mãi-mãi là một tai-họa. Từ 5000 năm nay người Trung Quốc luôn-luôn đầy-đọa trong đói khát, luôn-luôn vật-vờ trước cửa địa-ngục, dở sống dở chết. Chính vì điều thực tế này, không một người Trung Quốc nào lại không ước-mơ được rời khỏi Trung Quốc sang các nước khác sinh sống."*

Ngoài ra, căn-cứ vào Lễ ký, thời Chu (1121-256 tr. CN) xã hội Trung Hoa phân chia giai-cấp rõ-rệt: đại phu và dân thường (*thượng lưu với bình dân*) rất khác-biệt. Câu "*Hình bất thướng đại phu, lễ bất há thứ dân*" (*hình phạt không áp-dụng cho giới đại phu - lễ không dùng xuống thứ dân*) nêu rõ tính-cách khác-biệt giữa giai-cấp thượng-lưu với bình-dân. Điều này khác với văn-minh nông nghiệp.

Việt Nam tuy cũng có vua quan như Trung Hoa, nhưng thể-chế và cách tổ-chức xã-hội lại khác.

Tục-ngữ Việt thường nói: "*Phép vua thua lệ làng*". Nhà Việt học Paul Mus cho rằng cấu-trúc xã-hội nông-nghiệp qua tính-chất phân quyền, dân-chủ mà dân-tộc Việt đã bảo-tồn từ thời lập quốc cho đến nay, và "*Làng xã đã là yếu-tố cấu-thành quốc-gia Việt Nam, và chỉ qua làng xã trong lúc lâm-*

nguy mới có thể hiểu được tinh-thần dân tộc của người Việt."

Câu nói của Lý Thánh Tông trong một ngày đông lạnh trước triều đình: *"Trẫm ở nơi cung điện êm-ấm mà còn cảm thấy lạnh thì những kẻ trong tù ngục, cơm áo chẳng đủ, tất khổ biết chừng nào!"* Câu nói đó không phải chỉ vì lòng từ thiện của nhà vua, mà còn nói lên tư-tưởng hai thân thế "mình rồng" với thân thế kẻ tù tội chẳng khác gì nhau. Tư tưởng ấy không hoang-đường, thần-thoại, kẻ ngồi trên ngai vàng có trách-nhiệm đối với quốc dân. Lời thì vua Thánh Tông nói, nhưng tư tưởng thì là chung các vua Việt thời bấy giờ.

- *Vũ*-trụ quan: thần quyền *(Thượng đế), số mệnh.*

Những chà-đạp bất nhân, cướp đoạt quyền sống của người dân chẳng phải chỉ ở một triều đại mà đã được dựng lên thành nhận thức, suốt mấy ngàn năm ở Trung Hoa là cái quyền đương-nhiên của kẻ có số trời làm "*thiên tử*" hay có "*mồ mả ông cha táng hàm rồng*". Những tuyên-truyền sống sượng, thần-bí, ngu dân cộng với học thuyết trung quân trong những lý thuyết gọi là Hán Nho, Tống Nho, Thanh Nho,...Ta thấy tư-tưởng "Trời", tưởng cũng là một với cái "Volonté de Dieu". Nhưng thật ra có nhiều điểm căn

bản khác nhau. "Volonté de Dieu" trong Gia Tô giáo là một quyền lực hoàn-toàn tuyệt đối, không tác-động nhất định theo một chiều hướng nào, mà con người có thể biết để sống theo. Đứng trước "*Volonté*" hay "*Raison de Dieu*", con người chỉ biết đặt mình trọn vẹn trong ý Chúa và cầu xin Chúa rủ lòng thương mà ban phước lành. Chúa của Gia Tô giáo là nhân vật vô hình, quyền-năng tuyệt-đối, sống ở thiên-đường, không biết nơi nào. Ý trời trong Nho giáo cũng là tối-thượng, nhưng tác-động có định hướng, mà con người có thể nhận ra được. Trời theo Nho giáo luôn-luôn tác-động theo *hướng thiện*, có nghĩa là *hiếu sinh* (*Đức hiếu sinh của trời đất*) giúp cho sự sống được duyên-trường, phát-triển và thăng-hoa. Trong ý-niệm "*thiên lý* " thì "*thiên*" và "*lý* " là một.

Điều căn-bản nữa, ta nên chú ý là Nho học không chối bỏ cuộc sống đang có, không mơ-tưởng một cuộc sống Tiên Phật hay đời-đời bên cạnh Chúa... Không nói chuyện thiên đường, địa ngục. Với Nho học cuộc sống đang có là qúy, xâm phạm nó, đốn tỏa nó là phạm tội ác với trời, trước sau sẽ chuốc lấy những hậu-quả tai-hại *(Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu : Luật trời lồng lộng, thưa mà khó thoát).*

Sống người cùng với trời đất là ba trụ

điểm trong cuộc sống. Vị-thế tuy khác nhau, nhưng trọng-yếu như nhau. "*Thiên, Địa Nhân, tam tài giả* ". Con người thờ trời, kính trời, hành xử theo ý trời tức là "*thiên lý*" là cái lý "*đương nhiên*", bàng-bạc trong trời đất, trong sống người. Ở sống người, nó là *bản tính hướng thiện (nhân chi sơ, tính bản thiện)*, mà kẻ làm chính-trị và giáo-dục phải làm cho bừng-khai, như vậy *"Vũ trụ tự nhiên là vũ trụ vật chất hiện hữu chung quanh con người.* ***Bản thể của vũ trụ vật chất là vô cùng nguyên nhân, vô hạn duyên khởi, vô cùng cứu cánh, vô hạn lượng tính, vô hạn phương trình****. Quy luật của vũ trụ tự nhiên là các quy luật khoa học của vật chất, trong đó các khoa học gia đã khám-phá được một phần chân lý.*

Trong nhận thức người, vũ trụ vật chất là thuần-túy khách-quan, là lý tính thuần-túy. Các quy luật khách-quan khi áp-dụng cho loài người, cần được áp-dụng thích-nghi, hợp với bản chất người và lợi ích cho con người. ***Do đó vũ trụ và con người tuy tương-quan nhưng phải được phân biệt để người không bị đồng hóa với vật chất và bị chi-phối bởi quy luật thuần-túy vật chất khách quan****... Áp-dụng quy luật vật chất khách quan hay đem tư-tưởng thiên mệnh áp đặt vào con người tức là tiêu hủy nhân tính, nhân phẩm..."*

Bảng Đối Chiếu

Nông nghiệp trồng lúa nước	Du mục
A/ Tư tưởng:	
- *Âm - dương đối lập thống nhất. Vạn vật đồng nhất thể. Nam nữ bình đẳng.*	- *Đối lập tương phản. Nam nữ thụ thụ bất thân. Nam trọng nữ khinh.*
- *Tình lý tương thông. Khôn chẳng qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời.*	- *Theo luật của kẻ mạnh. Thắng được yếu thua.*
- *Vũ trụ khách-quan vô tình. "Có trời mà cũng có ta."*	- *Ngọc hoàng, thiên mệnh.*
- *Phân công, hòa hài. Không quá giàu, không quá nghèo. Ai cũng có tư sản (công điền cấp cho mỗi dân đinh khi trưởng thành)*	- *Chủ nhân ông và nô lệ, giai cấp thượng lưu khác bình dân (tệ hại hoạn quan, nông nô, nô lệ).*
- *Nhân bản [Vai người sánh ngang trời - đất, tam tài (tán thiên địa chi hóa dục)], "Có trời mà cũng có ta".*	- *Suốt dò ng lịch sử Trung Hoa, tình người bị coi nhẹ! Hết duy linh, duy thần sang duy vật!*
- *Tinh thần bao dung, dung nạp, dung hóa, thích nghi.*	- *Tự kiêu (Đại Hán, tứ Di), chiếm đoạt, đồng hóa.*
- *Vô chấp (tổng hợp "Tam Giáo: Phật -Khổng- Lão" thời Trần.*	- *Trì-trệ, chấp nhất, lấy cái hay của người làm của mình.*
- *Tư duy đối-ứng (tụ điểm hóa giải đối lập) như nói: nước non, vu buồn, sướng khổ, thành bại,...*	- *Theo luật cạnh tranh sinh tồn. Đối lập tiêu diệt.*
- *Tự nhiên, vô vi (Nước không làm gì mà không có cái gì không lm)*	- *Hữu vi, lục súc tranh công.*
- *Cầu tiến, thăng hoa.*	- *Bảo thủ.*
- *An nhiên tự tại.*	- *Cạnh tranh, chiếm đoạt.*
- *Tinh thần thực dụng (tre).*	- *Kiểu cách (trúc).*

Nông mghiệp trồng lúa nước	Du mục
B.- <u>Chính Trị, Kinh tế:</u>	
Phân quyền. Phép vua thua lệ làng.	*-Đế chế cực quyền, quyền vua tối thượng.*
- Chủ tư hữu, bình-đẳng.	*- Vô sản, chênh lệch.*
- Nhân bản (truyện An Tiêm).	*- Không tôn trọng con người, tin vào thiên mệnh, thần quyền và quyền lực.*
- Vô kỷ, vô công, vô ngôn (truyện Thánh Gióng).	*- Hầu như người Trung Hoa nào cũng mong thoát ra nước ngoài để có cuộc sống thoải mái hơn.*
- Dòng sống sử liên tục (Sóng sau dồn sóng trước).	*- Nắm được chính quyền là nắm quyền sinh sát trong tay.*
- Trung quân đi đôi với ái quốc.	*- Chủ sắc tộc . Quan niệm tứ Di.*
- Làm chính quyền là phải noi gương cho dân (thời Lý, Trần...)	
- Độc lập chân chính. Sắc tộc hòa hài. Trăm họ một nhà.	
C.- <u>Về quân sự</u>:	
- Lấy ít thắng nhiều.	*- Chủ nhiều thắng ít.*
- Lấy trì cửu chiến chống khinh tốc chiến.	*- Chủ tốc chiến, tốc thắng.*
- Lấy du kích chiến chống trận địa chiến.	*- Sở trường trận địa chiến hơn du kích chiến.*
- Ưu thắng về hải chiến.	*- Đều thất bại khi đối chiến với Việt Nam về hải chiến.*
- Trì cửu chiến phối hợp với du kích chiến và tiêu hao chiến.	*- Ào-ạt tấn công và tiêu diệt chiến.*
- Trung ương đột phá phối hợp với sách lược tuyên truyền thẩm thấu (thời Quang Trung Nguyễn Huệ).	*- Đồn lũy cô lập, phô trương thanh thế hơn là tuyên truyền vận động.*

Nông nghiệp troàng luá nước	Du mục
D.- <u>Về ngoại giao</u>:	
- Lấy nhu thắng cương.	*- Thế mạnh lấn thế yếu (khinh mạn, trịch thượng)*
- Lấy yên dân làm trọng (tuy thắng giặc nhưng vẫn chịu triều cống để dân được an).	*- Thiên triều chủ nghĩa.*
- Lấy linh động mà đối ứng.	*- Cường tân áp chủ.*
- Dục hoãn cầu mưu.	*- Bề ngoài nhân nghĩa, bên trong thâm độc.*
E.- <u>Về mặt xã hội</u>:	
- Thiên nhiên - xã-hội - tư tưởng thống nhất.	*- Thiên - địa - nhân không thống nhất.*
- Cơ năng và bản vị hỗ tương nguyên nhân.	*- Tổ chức theo hệ thống dọc hệ-thống Kim Tự tháp.*
- Trọng danh dự.	*- Trục lợi.*
- Phân công hợp lý (cách sống nơi nông thôn theo hạch tâm chứ không theo hình thức kim tự tháp).	*- Giai cấp phân ly, phi nhân.*
- Thực tế (Có thực mới vực được đạo.) "No cơm tấm,ấm ổ rơm")	*- Hào nhoáng, diễm lệ.*

Chương III

Triết Học
Lý Đông A

Di ảnh nhà Cách-mạng Phan-Bội-Châu

Theo Lão Tử: *"**Vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô**" Vạn vật sinh ở chỗ có, có sinh ở chỗ không)*

Hay:" ***Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh. Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu***" (Cái đạo có thể lấy hình danh sắc tướng danh từ ngôn ngữ mà diễn giải được thì không còn là cái đạo tồn tại vĩnh cửu. Cái tên đích thực của vật nếu có thể lấy danh hiệu mà gọi thì không còn là cái danh bất biến. Không tên là khởi đầu của trời đất. *Đạo Đức Kinh*

Tương tự: *"**Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh, tịch hề liêu hề, độc lập bất cải. Chu hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo**" (Có một vật không nhất định mà thành tựu sinh ra trước khi có trời đất. Yên lặng mênh mông, một mình độc lập không thay đổi. Tản mác khắp cả không ngừng vào đâu. Có thể lấy làm mẹ sinh của thế gian. Ta không biết tên nó, tạm đặt ra là đạo).*

(*Lão Tử* - Chương 25)

Theo Lão Tử "Tất cả sự vật trong thế giới hiện tượng đều do hai thế lực đối-kháng chi-phối điều-động, nhưng đối kháng mà bổ-túc cho nhau ***(đối-lập thống-nhất)***

Qua những dẫn chứng trên, ta thấy Phật - Khổng và Lão giáo có nhiều điểm tương đồng với văn hóa Việt nên dễ-dàng hội nhập. Chính vì vậy, trong thời Lý Trần mà có "Tam Giáo Đồng Nguyên" hay "Tam Giáo Đồng Lưu".

- Lão Tử nói : "**Đạo pháp tự nhiên**", và tất cả đều sinh ra một cách tự nhiên, không có dụng ý của trời đất về sự tốt xấu gì đối với chúng theo nghĩa tốt xấu của nhân văn." *(khác với tư tưởng công giáo: mọi vật đều do Thiên Chúa tạo dựng, riêng con người mắc tội tổ tông.)*

- Tuân Tử: *"Theo trời mà ca tụng trời thì cùng ai tài-chế mệnh trời mà dùng? Trông vào thời mà đợi thời thì cùng ai ứng phó với thời mà khiến? Nhân những vật có sẵn mà làm ra cho nhiều lên thì cùng ai dùng tài trí mà biến hóa đi ? Nghĩ về vật mà dùng làm vật thì cùng ai làm thành tựu vật sẵn có? Cho nên bỏ người mà nghĩ đến Trời thì sai mất cái tính thật của vạn vật."*

(Đại thiên nhi tư chi, thục dữ vật xúc nhi chế tài chi? Tòng thiên nhi tụng chi, thục dữ chế thiên mệnh nhi dụng chi? Vọng thời nhi đãi chi, thục dữ ứng thời nhi sử chi? Nhân vật nhi đa chi, thục dữ sinh năng nhi hóa chi *? Tư vật nhi vật chi, thục dữ lý vật nhi vật thất chi dã? Nguyện ư vật chi sở dĩ sinh, thục dữ hữu vật chi sở dĩ thành? Cố thố nhân nhi tư thiên tắc thất vạn vật chi tính.*

(Thiên Luận - Tuân Tử).

-Tương tự, Trang Tử không thừa nhận có "*tạo hóa*", có chủ thể sáng tạo, mà ở mỗi vật đều có cái sức ***tự sinh tự hóa bên trong***. Sự biến hóa là do từ cơ vi mà ra...

Những Dòng Sử
về
Thái Dịch LÝ ĐÔNG A

Dựa theo:

* "*Lý Đông A với Công Cuộc Cách Mạng Dân Tộc*" của Thái Hùng B, Mùa Hạ 1989 (4868 Tuổi Việt)

* Võ Ngã Phạm Khắc Hàm, "Triết Lý Lý Đông A, quyển 1", bản thảo, 1997 (?).

*

A/ **Thân Thế**: Lý Đông A tên thật là Nguyễn Hữu Thanh sinh ngày 1 tháng 11 giờ Mùi năm Canh Thân (10/12/1920) tại làng Bối Cầu (Vôi), xã Yên Tập, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Cụ thân sinh là Nguyễn Chi Phương hiệu Phượng Tường. Năm lên 3 tuổi, đọc, viết thông-thạo chữ quốc ngữ và đọc được nhiều chữ Nho do người cha giảng dạy. Năm lên 4 tuổi, cụ thân sinh nhờ một người cháu họ đã lớn tuổi vốn là thày đồ, thày đồ Khuê kèm dạy. Ông đồ Khuê kể lại: "*Anh ấy thực là một thần đồng, trong vòng 8 tháng đã học hết chữ của tôi*". Lên 5 tuổi, học Pháp văn để thi vào lớp năm cấp tiểu học ngày này ở tỉnh lỵ Hà Nam. Sau khi tốt nghiệp bằng cơ thủy (Certificate d'étude primaire Franco-indigène) vì không có ý dự thi tuyển vào hai trường Bảo Hộ (Bưởi) hay

trung học Pháp Albert Sarraut, mà lên Hànội cốt để tìm sách đọc ở trung-ương thư viện và thư viện Viễn Đông Bác Cổ. Tiên sinh phát nguyện theo gót các nhà tiền bối, hiến trọn thân mình cho việc cứu dân, cứu nước. Lòng ái quốc chưa đủ, tiên sinh quyết tâm nghiên cứu để đưa ra một học-thuyết cách-mạng dân-tộc làm phương-châm chỉ đạo.

Tiên sinh trú tại phố Sinh Từ, tối đi kèm trẻ tại tư gia, suốt ngày ở thư viện. Vì nhỏ tuổi, tiên sinh phải nhờ một người bạn lớn tuổi cùng trọ một nhà, dẫn vào thư viện và mượn những sách cần. Do đó, việc mượn sách thư viện không còn khó-khăn. Tiên sinh đọc đủ loại: khoa học, triết học, sử địa, chính trị, kinh-tế, xã-hội, văn-nghệ,... Tiên sinh đọc rất nhanh, có những bộ sách chỉ coi bảng mục-lục rồi lướt qua các trang mà vẫn nắm được nội-dung. Thư viện trung-ương không đủ tài-liệu về sử Việt, tiên sinh phải tìm vào Viễn Đông Bác Cổ học viện, hy vọng nơi đây có đủ nhiều tài liệu hơn. Tiên sinh quan sát những di vật đào được từ đồ đá đẽo, đồ đá mài, đồ đồng, dồ gốm, các vũ khí cổ, và tìm đọc những sách của các nhà bác học khảo cứu về văn minh Bắc Sơn, Đông Sơn giải-thích về sự hiện diện của giống nòi Việt trên lưu vực sông Hồng và sông Mã. Tiên sinh

không thỏa-mãn với những giả thuyết thời đó. Theo tiên sinh, nòi giống Việt có một lịch-sử lâu đời, nòi giống Việt đã có một nền văn-minh. Theo tiên sinh, muốn mưu-đồ sự nghiệp cứu quốc, tồn chủng phải tìm hiểu gốc tích của nòi giống, phải tiếp thu được cái di-tích của tổ tiên, phải hiểu đời sống, cách sống của cha ông ra sao. Sức sống của chúng ta chính là sức tiềm-tàng tích-lũy của bao thế-hệ đã qua, vạch ra được lộ tuyến chính-trị đúng đắn cần phải hiểu cái nền tảng xã-hội ngày nay, với tất cả các điều kiện văn-hóa, kinh-tế, chính-trị, xã-hội không để cho chúng ta trong con đường quốc-tế tương lai, bắt-chước những chủ-nghĩa ngoại lai được.

Cuối năm 1934, tiên sinh dọn nhà từ phố Sinh Từ đến sống chung với mấy người bạn ở đường bờ sông (Quai Clémenceau) cho tiện đường đến Viễn Đông Bác Cổ Học Viện...

Trong đầu thập niên 30, sau khi đập tan được cuộc khởi-nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Pháp bắt đầu thay đổi chính sách cai trị. Họ mở thêm các trường Cao đẳng để sau khi các sinh-viên tốt nghiệp được tuyển chọn vào các ngành cai trị. Mộng ước của đa số thanh niên thời ấy là làm quan, lương bổng cao hậu. Một thiểu số trí thức cảm thấy cái nhục của dân vong quốc, không muốn uốn gối khom long, tìm sống bằng nghề tự do ưa

thích nhất là nghề dạy học ở các tư thục...

Trong giới lãnh tụ cách mạng nước ta ở thời kỳ này, tiên sinh trẻ tuổi nhất, nhưng chí lại lớn vô cùng:

"Đầu xanh học làm thánh
Được cả học làm vương
Vì muôn sinh chấp mánh
Cho toại chí mười phương"
(Thánh Đồng Ngâm)

Đảng cách mạng D.D. , trên quá trình thành lập cũng giống như bất cứ một đảng cách-mạng Việt nào, xuất-phát từ một nhóm bạn bè thân nhau. Tiểu tổ hạch tâm đầu tiên họp ngày 15/9/1937, tiên sinh đứng ra tuyên thệ chịu trách-nhiệm lãnh-đạo đảng D.D. lấy bí danh là Thuần, bút danh là Thái Dịch – Lý Đông A. Các ủy viên khai sáng ngày này hầu hết đã khuất, như Tư Long, Thái Kim, Việt Bằng, Hoài Nam, Đỗ Khuê. Đồng-chí Nguyễn Duy Mỹ tức Tư Long bị Việt Minh Cộng Sản ám sát tại ấp Thái Hà vào tháng Tư/1945. Đồng chí Việt Bằng bị giết ở Cao Bằng, cụ Đồ Khuê chết bệnh năm 1946!

Lý Đông A là một trong 4 người đã tổ-chức vụ khởi nghĩa chống Pháp tại Lạng Sơn (tháng 9, 10-1940) , với tư cách chính ủy Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, bí danh Hoàng Lương. Khi cuộc khởi nghĩa bị thất bại, tiên sinh cùng một số đồng chí chạy sang

Liễu Châu, Trung quốc.

Về cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn, Phục Quốc quân lập bản doanh tại bản Tài Lài, bộ tư-lệnh gồm có: Ô Trần Trung Lập chủ-tịch, Hoàng Lương chính-ủy, Đoàn Kiểm Điểm quân-ủy, Ngô Ba quân lương, tài chánh. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, nghĩa quân chia làm ba toán di tản sang Tàu. Toán 1 do Ô Trần Trung Lập chỉ huy bị Pháp tiêu diệt gần hết trên đường đi. Số còn lại bị bắt, trong đó có ông Trần bị Pháp đem ra xử bắn tại sân bay Mai Phả, Lạng Sơn. Toán 2 do ông Hoàng Lương đưa thoát sang Tàu, năm sau được vào thụ-huấn quân-sự tại Liễu Châu Quân Học viện và tham-gia quân đội Trung Quốc đánh Nhật. Năm 1945, tất cả đều xin giải-ngũ để trở về Việt Nam. Toán 3 do Ô Từ Khắc Quỳ bí mật đưa về Hànội để hoạt động quốc nội. Bị nội phản, ông Quỳ và 5 đồng chí bị Pháp bắt và xử tử hình.

Tháng 11 năm 1943, Lý Đông A triệu tập hội-nghị gồm các đồng chí đảng viên kỳ cựu, các chưởng quản cơ quan và một số cán bộ đã về nước như Việt Bằng, Thái Phong, Thái Năng, Thái Đức, Thái Tố,...quyết định thành lập Tổng Đảng Bộ của Việt Duy Dân đảng, tiên sinh được tôn làm Thư Ký trưởng. Bốn bản tuyên ngôn được phát hành ở thời kỳ này.

Cụ Phan Thanh Long, một đồng chí của tiên sinh cho biết:

Năm 1939, ông LĐA có lên Trúc Lâm Yên Tử tu tập thiền định và đã chứng ngộ ở đây. Cuối năm 1940, sau cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn, ông dẫn một số đồng chí sang Tàu, và trở lại Việt Nam vào năm 1943. Ông đặt cơ sở cách mạng tại Hòa Bình và Bắc Ninh. Mỗi khi về Hànội, ông thường tạm trú tại chùa Quán sứ và chùa Quảng Bá.

Năm 1945, sau hai trận đụng độ với Cộng sản tại Nga My (tháng 9/45) và Hòa Bình (tháng 4/1946), tiên sinh tuyên-bố giải tán Tổng-đảng-Bộ và biệt tích từ đó.

Vai Trò tư tưởng.

Danh từ "*chúng sinh*" của Phật giáo goị chung cho tất cả *"động vật", gồm cả con người*.

Riêng "*con người*", ta phải nói thêm là "*Động vật có tư tưởng*". Có tư tưởng là có suy nghĩ, nhưng nếu suy nghĩ chỉ vụn-vặt thì chỉ tạo nên những hành-động rời-rạc, nói cách khác chỉ là những động tác, cử-chỉ "*không đâu*"!

Suy nghĩ cần rõ-ràng, kết-hợp thành một chương-trình. Chương-trình càng cao rộng, mức-độ phổ-quát càng liên-hệ đến nhiều lãnh-vực trong cuộc sống.

Thực-tại cho ta thấy hiện-tượng sống bao-giờ cũng được sản sinh ra bởi ba phạm-trù*: Tự-nhiên, xã-hội và tư tưởng. thường-xuyên vận-động và kết-hợp.*

Do đó, luật tắc của ba phạm-trù "tự nhiên", "xã-hội" và "tư tưởng" cộng thông với nhau là một sự vận-động kết-hợp và thống-nhất.

Từ nguyên-lý này, rút ra hai nguyên-tắc:

* Tư-tưởng - thiên-nhiên và xã-hội tác-dụng hỗ-tương.

* Không thể tách rời 3 phạm-trù đó, để chỉ nghiên-cứu độc nhất một phạm-trù.

Tư-tưởng, vũ-trụ và xã-hội thống nhất, là ***nguyên-lý thứ nhất của sự học hiểu***. Nó là một bổ đề của "*nguyên lý tổng thể*", một trong những nguyên-lý tổng-quát của khoa-học trí-thức áp-dụng vào việc học, hiểu.

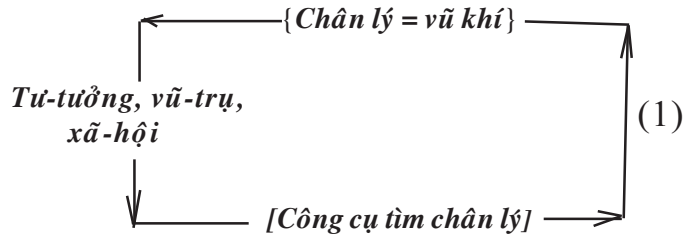

Loài người đã khám-phá ra rằng: Hiện-tượng sống không phải do yếu-tố "*vô hình*" như Duy Tâm chủ-trương, hoặc do vật-chất như Duy vật giải-thích. Một sự thực không thể chối-cãi "*Loài người được sống đến ngày nay, và còn được sống đến ngày mai*". Thực-tại cho thấy: hiện-tượng sống bao-giờ cũng được sản-sinh ra bởi ba phạm-trù: **TỰ NHIÊN - XÃ HỘI và TƯ TƯỞNG, luôn-luôn vận-động và kết-hợp.**

Tất-cả những hiện-tượng nào không do con người chủ-động thuộc phạm-trù TỰ NHIÊN. Con người sống trong xã-hội, những vận-động nào do sự vận-động và kết-hợp giữa người với người thuộc phạm-trù XÃ HỘI. Những hiện-tượng nào liên-quan đến tinh-thần của con người thuộc phạm-trù TƯ TƯỞNG.

Như vậy, ba phạm-tru: *TỰ NHIÊN - XÃ HỘI - TƯ TƯỞNG* cộng-thông với nhau, và là một. Nói cách khác, sự vận-động, kết-hợp, lưu-hành và diễn-tiến của ba phạm-trù trên thống-nhất. Đó là "***Căn bản nghĩa***"...

Trên căn bản nghĩa, "Tự-nhiên - Xã-hội và tư tưởng" thống nhất, cho nên không thể tách rời ba môn

1- Vô Ngã Phạm Khắc Hàm*, Bản thảo "Triết Lý Lý-Đông A", năm 1997.*

học "*Sử học - Khoa học và Đạo học*". mà phải thống nhất thành môn học duy nhất, Đó là "***Căn bản học***".

- Suy-cứu những nguyên-lý về bản-chất và cứu-cánh của sự thực. Nghiên-cứu một hiện-tượng là tìm hiểu hiện-tượng đó. Hiện-tượng đó từ đâu đến và kết-thúc ra sao? Đó là ***Bản-thể luận***:

Tìm-tòi những quan-hệ giữa tư-tưởng và hiện-tượng (*tâm và xác, tinh-thần với vật chất, chủ-quan với khách-quan,* . . .). Đó là ***Nhận-thức luận.***

Nhận-thức luận tìm hiểu tương-quan giữa chất và lượng của hiện-tượng, sự vận-hành của hiện-tượng và những liên-hệ của hiện-tượng đó với các hiện-tượng khác trong vũ-trụ.

- *Phương-pháp luận*: Tìm-tòi những đường lối, cách-thức dẫn-dắt tư-tưởng, kiến-lập tư-tưởng, truyền thông tư-tưởng để biến tư-tưởng thành hành-động cụ-thể bám sát thực-tại.

Bản-thể luận, nhận-thức luận và phương-pháp luận thống-nhất, ta gọi là ***Căn-bản luận***.

Vì tư-tưởng của mỗi triết phái đặt trên nền-tảng khác nhau .Duy tâm cho rằng duy có tinh-thần *(yếu tố vô hình*) là sản sinh ra mọi hiện-tượng sống. Phái Duy Vật quan niệm hiện-tượng sống do vật chất (*yếu tố hữu hình*), Phái Duy Sinh tìm cách dung hòa Tâm và Vật, chủ-trương hiện-tượng sống khởi từ sinh nguyên (*tế Bào*).

Tạm thời ba phái này đại diện cho mọi phái . Thực sự đời sống loài người do sự vận-động và kết-hợp của ba phạm-trù: Sinh - Vật - Tâm. Sinh - Vật - Tâm thống-nhất. Đó là ***Căn Bản Quan***.

Bốn điều : ***Căn Bản Nghĩa, Căn Bản Học, Căn Bản Luận và Căn Bản Quan*** là bốn điều căn-bản hay là ***bốn chìa-khóa*** để mở cửa vào triết-học.Ly Đông A..

Tư-tưởng:

- là phản-ảnh của vũ-trụ và xã-hội;
- Vừa là công cụ và vũ-khí tinh-thần;
- Cấp-dưỡng năng-lực cho loài người trong qúa trình sinh-hoạt đấu-tranh.
- Tuyệt đích công-tác của tư-tưởng là tìm-tòi chân lý, mà nhu dụng là chìa-khóa để:
- Khai hóa,
- Khám-phá những luật-tắc căn-bản mà ta nắm giữ và vận-dụng cho mục-đích sinh-tồn.

Quy-luật về tự-nhiên, ta thấy chúng cung-cấp công-cụ tác-dụng vào vật-chất;

Cuối lộ-trình của tư-tưởng là tổng thể. Tư-tưởng tác-dụng vào tổng thể, nâng từ trạng-thái thấp lên trạng-thái cao hơn. Do đó chu-trình của tư-tưởng là một vòng tròn xoáy trôn ốc có nút tết (*Nút tết là nút chặn, để bước tiến hóa không bị tuột hậu).*

Cho nên đứng trước cửa ngõ thời-đại mới, cần đi đến một phán-đoán tối hậu:

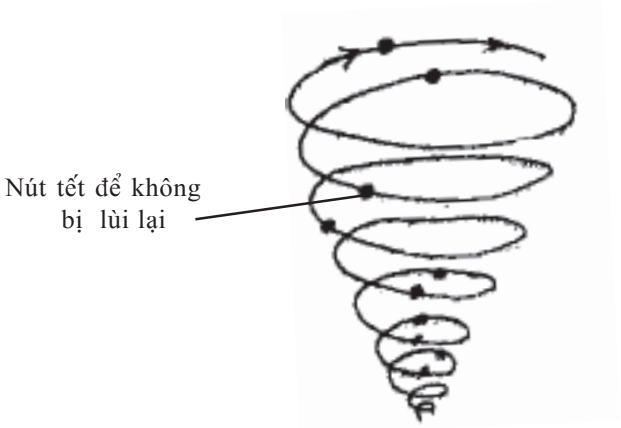

Vòng tròn xoáy trôn ốc có nút tết.

- Đem trí-thức loài người đối-chiếu với sự thực bộc-lộ;

- Để xác-định cái giới-hạn của chân-lý.

Chính nhờ có tư-tưởng mà con người khác với mọi đợng-vật khác. Chỉ có loài người mới tạo nên lịch-sử, văn-hóa. Chính ở điểm này, mà coi con người đồng hạng với mọi sinh-vật, hay coi con người là tôi mọi của một thần tượng không tưởng, thì đó là điều hạ nhục vai-trò người nếu không muốn nói là '*phi nhân* '.

Con người khác với các động vật ở nơi con người có *sáng-tạo tính, xã-hội tính* và ý-thức việc mình làm.

Có biết thế nào là đáng chết, mới hiểu thế nào là đáng sống. Sự sống thật là qúy, nhưng biết chết nhiều khi còn cao qúy hơn. Trong lịch-sử có nhiều anh-hùng, dũng tướng chọn cái chết nhất thời lấy cái sống muôn thuở, như *Bình Trọng nhơn-nhơn giữ một mực*
Tựa Lê Lai ngần-ngật xung chín lần...
(Lưỡi Gươm Việt)

Sống không những sống cho mình mà còn cho gia-đình, quốc-gia và dân-t ộc. Sống không chỉ cho hiện tại, mà cũng vì dĩ-vãng, và tương-lai.

Luật-tắc khoa học đã quy-định xã-hội chi-phối từng người, ngược lại ý-chí từng người có thể chuyển biến được xã-hội, (*nhân định thắng thiên)* là thế. Có biết được đạo học mới hiểu thế nào là ***nô-tài, nhân-tài và thiên-tài,...***

Sống chỉ có nghĩa khi chính mình ý-thức rõ về mình, làm chủ được chính mình, cái '**ta**' phải tự thắng, tự mình làm chủ chính mình.

Cái '*Ta* ' được tồn tại và thăng-hoa la nhờ ở xã-hội, nhân-loại. Nhân-loại coi như là một bản-vị lớn, mà các cơ-năng là 'Dân Tộc'.

Ở 'Dân Tộc' là cả những gì gọi là 'quốc hồn', 'quốc túy, là hình-ảnh những ngày cuối năm, con dân lũ lượt vế quê ăn tết,...Nhà giáo Lý Chánh Trung đã ví: '*Dân tộc ví như biển cả im lặng, con dân chỉ là nhựng đợt sóng nối tiếp nhau rì-rào trong khoảnh-khắc để rơi vào yên lặng. Nhưng đó không phải là yên lặng của sự chết, mà chính là sự sống đang lặng-lẽ vươn lên xuyên qua lòng vũ-trụ. Sự yên lặng của dân-tộc tạo nên lời nói của chúng ta, và nếu có những người trong chúng ta không tin nơi vĩnh-cửu, thì dân-tộc sẽ là nguồn an-ủi qúy báu nhất đối với họ, vì họ biết rằng khi họ trở về với im-lặng, những đợt sóng khác sẽ nối tiếp họ thì-thầm những lới nói của con người, con người Việt Nam và khi họ trở thành một quá-khứ không phải là hư-vô, mà sẽ được giữ lại trong cái thực-tại siêu-việt của dân tộc cho đến tận cùng lich-sử...*'

Với con người, ngoài hai quy luật sinh-lý và vật lý, còn có quy luật tâm-lý. Đây là tính-chất đặc-thù của con người.

Từ nguyên lý vũ-trụ - xã-hỗi - tư-tưởng thống nhất được thực chứng trong xã-hội ***nông nghiệp trồng lúa nướ****c*, nên ta thấy những nét đặc-thù của văn-hóă Việt.

Theo Ông Nguyễn Huy Hân khi tìm hiểu về tiến-trình của '***Nguồn gốc loài người*** ', đã có nhận xét:

Lồi người đã liên-tiếp thay đổi dạng hình khác nhau, và có lẽ chủng-loại người là động-vật xuất-hiện cuối cùng, vì sau chủng-loại người không còn chủng loại động vật mới nào nữa (Không kể một vài loại côn-trùng, sâu-bọ nhỏ bé.).

Vậy vũ-trụ hiện-hữu trên tự mình, tức là "***tư kỷ nguyên nhân***", và con người không biết rõ đầu, cuối của nó đến cùng cực được, đành chịu "*bất khả tri*", hay "***vô nguyên***".

Do đó, vũ-trụ là một thực-thể, tự nó hiện-hữu và sinh-động từ một lực ở tự thân nó. Nói cách khác mọi vật (*thực-thể*) đều là **tư kỷ** và **tự hữu nguyên nhân**. (*Tư = cái riêng, kỷ chính mình. Tư kỷ = cái bản thể riêng, ý-niệm. So-sánh với Âu-châu, tư-kỷ có thể dịch là* ***Ego****.).*

Giống như Phật học đã ghi lại: Đức Phật khi mới sinh đã đi 7 bước đầu tiên, đã chỉ tay và phát biểu: *"Thiên thượng địa hạ, duy "ngã" độc tôn."* Ngã đây là "*chân ngã*" hay "*đại ngã*" tức là bản-thể vũ trụ, mà con người là "*tiểu vũ-trụ*".

Tương-tự, Thiên Chúa giáo có nhắc lại lời Chúa: "*Ta là bản thể của mọi vật thể*" (*Je suis Êtredes êtres*" (*Ta là bản-thể của mọi bản-thể*).

Cả hai điều trên, cho thấy Phật giáo cũng như Thiên Chúa giáo đều nhận có "***Tư-kỷ***" trong mình và ở mọi vật-thể khác.

Nhiều tông-giáo khác đều nêu ra một vị tối thượng, coi như là bản-thể vũ-trụ, làm nguyên động -lực tạo ra các vật, các việc: ***Chúa Trời*** của

1- Nguyễn Huy Hân, *"Nguồn Gốc Loài Người"*, bản thảo, năm 2008.

Cơ Đốc giáo, ***Thượng Đế*** hay ***Ngọc Hoàng*** của Dân dã, ***Alha*** của Hồi giáo, **Đạo** của Lão Đam, Trang Chu; ***Thái cực*** của Nho, ***Tinh thần*** của Cao Đài giáo,.. . . ***Độc tôn tối-cao*** đó chính là một "***Tư-Kỷ***" vận-hành rất linh-động.

Vậy "***Tư-Kỷ***" là một thực-thể tự-nhiên, tự hiện hữu, bản-thân nó với đầy-đủ các điều-kiện cấu-hợp để có cái đặc-tính riêng-biệt. Nói giản-dị, "***Tư-Kỷ***" là cái riêng mình tự hiện hữu cùng Thời - Không - Lực để hoàn-thành một sự-kiện.

Một ý nghĩ, một sóng âm-thanh, một thoáng ánh-sáng, mỗi cái đã có một giá-trị nội tại của riêng nó để hoàn-tất một việc của nó, tự nó đã là một "*tư kỷ*". Vậy, "Tư-kỷ" là một thực-thể tự hiện hữu với đầy-đủ cấu-trúc của nó, là đặc-tính riêng nó, để có một nguyên-lực có thể sinh-động trong thời-gian và không-gian của nó với tỷ-lệ cần-thiết.

Lực để hoàn-thành một sự-kiện.

Vậy, "Tư-kỷ" là một thực-thể tự hiện hữu với đầy-đủ cấu-trúc của nó,

$$\textbf{\textit{Bản thể vũ trụ}} = \frac{\textbf{\textit{Tư-kỷ x Lực}}}{\textbf{\textit{Thời x Không}}} \qquad (1)$$

Trong tính này có hàm-chứa tính kia, kể cả hàm-chứa tính mâu-thuẫn. Luật này giằng kéo với luật kia, thúc-đẩy nhau, mài giũa hay tương sinh, khắc lẫn nhau tạo nên một hoạt-động-lực vô-cùng phong-phú. Hoạt động không dứt điểm (vô-cùng duyên khởi), cũng như kinh Dịch chấm dứt bằng quẻ "vị tế" (chưa dứt, chưa xong), các chu-kỳ liên-tiếp nhau..

1- Mai Chi, , *"Căn Cơ" (Tìm Một Căn Cơ Cho Việt Học).* bản thảo. 1998.

* Bản thể (Uyên-nguyên) của vũ-trụ - Thượng Đế ?

Quan niệm về một nguyên-lý siêu việt.

Để giải thích về lý "***Thái cực***", tác-giả Đường Thi Trương Kỷ đã dẫn-giải trong Hệ từ (Dịch kinh) "*Đạo Dịch có Thái cực. Thái cực sinh lưỡng nghi, hai nghi sinh ra bốn tượng, ốn tượng sinh ra tám quẻ (Dịch hữu Thái cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái). TấT cả các danh từ trong câu trên dều có ý nghĩa siêu hình, biểu thị luật điều hòa, tương đối mà ta suy diễn được trong cách thức biến hóa, sinh thành của vũ-trụ*

Đối chiếu với câu trên thì Đạo là lý Thái cực, và âm (-) , dương (+) là luỡng nghi. Ta thấy vạn vật luơn sinh hóa, biến đổi không ngừng, đó là ý nghĩa của chữ Dịch và biến hóa theo luật tương đối tức luật âm dương. Âm dương theo lẽ điều hòa mà sinh ra ngũ hành là Thủy, hỏa, kim, mộc, thổ ... "

Người Âu Châu dùng chữ ***Ego*** - cái Ta - để chỉ ý niệm đó, người Á Châu dùng chữ ***bản thể.***

Chúa (ngôi I) phán: Ta là bản thể của mọi vật thể (*Je suis ĕtre des ˇĕtres*), ta có thể dịch ra Ta là *bản thể của mọi bản thể* để hiểu rằng Trời đã nhận có ***tư kỷ*** [1] ở trong mình và

trong mọi vật thể khác.

Thiên thượng địa hã, duy "***Ngã*** " 7độc tôn, nhà Phật gọi là ChânNgã hay Đại Ngã tức là bản-thể vũ-trụ, mà con người là tiểu ngã - Thế là nhà Phật cũng mặc-nhiên coi cái Tư kỷ

Nhiều tôn giáo nêu ra một vị tối thượng coi nhu bản thể vũ trụ, làm nguyên động lực tạo ra các vật, các việc : Chúa Trời củaa Cơ Đốc giáo, Thương đế hay Ngọc Hoàng của Nho giáo, Allha của Hồi giáo,... Ở trong mỗi vị tối cao đó đều có một Tư kỷ siêu hình, có đầy năng lực hành động tạo nhân tác qủa sự và vật.

Vậy TƯ KỶlà một nguyên thực thể yự nhir6n, tự hiện hữu trên bản thân nó với d8ầy đủ các điều kiện cấu hợp tự nó để có cái đặc tính riêng biệt của nó. Giản dị mà nói TƯ KỶ là cái riêng mình tự hiện hữu cùng Thời - Không - Lực để hoàn thành một sự kiện.

* **Nguyên-lý *âm dương sinh-sinh hóa-hóa***, biểu-hiện ra muôn hình vạn trạng. Cho nên, tinh-thần tìm nối hiện-thực với siêu-nhiên còn thể-hiện qua *Hang, Động*.

Hang động vốn âm-u, được coi là nơi vãng lai của thần tiên bất tử, một thế-giới "*tàng ư mật* ". Hang động không những được nhân-dân đến hành hương, sùng-bái, mà còn là đề-tài bất tận cho văn, thi-sĩ. Cảnh

---

1- Tư kỷ: *Tư là : cái riêng, kỷ là cái chính mình, cái riêng ta,*

thiên-nhiên của hang động hướng tới một thế-giới siêu-nhiên.

Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh.

(*Núi nổi tiếng là nhờ có tiên, chứ không phải ở cao*).

Núi và nước là hai yếu-tố tạo nên hồn khí trong thơ văn.

Theo giáo- sư Nguyễn Đăng Thục viết trong "*Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*":

"Người phương Đông đem cái vô hình xuống cuộc đời hàng ngày của họ, họ sống với thế-giới thần-bí ấy. Nhờ có những cái gì họ tưởng đã thấy được. Trái lại, người Âu Tây sống bên lề cái vô hình và không thân- mật với nó, phủ-nhận nó, vì không biết có nó.

"Ý thức thần-thoại thuộc vào cơ-cấu của sự nhận-định vị-trí giữa người với vũ-trụ. Sự nhận-định ấy quyết-định cho cuộc sinh tồn của nhân-loại trong hoàn-cảnh của nó. Ngay từ buổi đầu, sau khi nhận định vị-trí với hoàn cảnh, nhân loại, ***ly khai cảnh hỗn nhất, mất cảnh thiên đường, thiên thai lạc lối*** *(le paradis est perdu). Và chỉ muốn nhớ lại, muốn trở lại cái thiên-đàng nguyên lai để lại thấy được quân bình cho tâm hồn mà có thần-thoại xuất-hiện ở tất cả các xã-hội bình-dân".*

"Tinh thần tìm nối hiện-thực với siêu-nhiên qua hang động núi non. Hang động đã làm nguồn cảm-hứng cho nghệ-thuật cho văn-sĩ Việt Nam dùng mỹ cảm kinh-nghiệm để thăng-hoa tình cảm cá nhân vào thế-giới siêu-

hình Bồng Lai, tiên cảnh, bất tử trường sinh. Từ Thức với Giáng Tiên mà sân khấu bắt đầu từ hạt Tiên Du, Bắc Ninh, nơi có nhiều cổ mộ. Động thiên, sơn thủy ảnh-hưởng thâm sâu vào tư tưởng Việt Nam, tư tưởng bình dân ở dòng Đạo Nội là một thứ Đạo giáo dân-tộc, vì nó đã nối tục sùng-bái anh-hùng dân tộc với sùng-bái thần tiên."

* ***Vũ-trụ đại đồng****:*

Xưa nay, thi nhân Việt thường du-ngoạn những nơi có phong cảnh đẹp, để dễ dâng trào ý thơ.

Thú Hương Sơn
Bầu trời cảnh bụt, thú Hương Sơn,
Ao-ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây,
Đệ nhất động, hỏi rằng đây có phải?
Thỏ-thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lửng-lơ dưới nước, cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kình
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.
Này suối giải oan, này chùa Cửa Võng
Này am Phật Tích, này động Cửu Quỳnh
Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt.
Thăm-thẳm một hàng lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mây lối uốn thang mây...

(Chu Mạnh Trinh)

Theo nhận-định của triết-gia kiêm toán lý-hóa Bertrand Russell: "*Ba điều mâu-thuẫn căn-bản của nhân-loại từ xưa đến nay là sự mâu-thuẫn giữa con người với thiên-nhiên, giữa con người với con người, và con người đối với chính mình.*"

Thực ra, phải nói là *ba mối tương-quan giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với xã-hội và với*

chính mình. Tuy ba là một. Lâu nay, Âu Tây đã đặt nặng vấn-đề thiên-nhiên, Á Châu đã chủ về xã hội, và Ấn Độ đã chuyên về vấn đề tâm lý. Thật ra, nếu nhìn theo từng diện thì có 3 mặt, nhưng nhìn tổng-thể thì chỉ là một vấn đề *toàn diện* của *con người.*

Nói theo Việt : "*Vu~trụ - xã-hội - Tư-tưởng thống nhất*", hay "*Tam tài gỉa, Thiên - Địa - Nhân*". Nhà chí sĩ Trần Cao Vân đã tóm ý này trong bài thơ "*Vịnh Tam Tài*":

***Trời, Đất** sinh **ta** có ý không?*
*Chưa sinh **trời, đất** có **ta** trong.*
***Ta** cùng **trời, đất**, ba ngôi sánh*
***Trời đất** cùng **ta** một chữ đồng*
***Đất** nứt **ta** ra, **trời** chuyển động,*
***Ta** thay **trời** mở **đất** mênh mông.*
***Trời** che, **đất** chở, **ta** thong-thả,*
***Trời** , **đất**, **ta** đây đủ hóa công.*

Nền-tảng của đạo sống Việt phát-xuất từ kinh-nghiệm sống hòa-hài qua nghề trồng lúa nước, qua cái nhìn liên-tưởng và tương-dung đối-ứng, nó hóa-giải, điều-hợp các mâu-thuẫn giữa hai đầu cực-đoan của cái biết phân-biệt.

Cái biết phân-biệt hai đầu cực-đoan - *có không, tốt xấu, thiện ác*, v.v... là nguyên-nhân phát-sinh các tư-tưởng "duy" (*duy tâm, duy vật, duy sinh, duy lý, duy thần,...*) đối-nghịch nhau, tranh-chấp một mất một còn, gây ra chiến-tranh triền-miên khắp nơi. Nó cũng là nguyên-nhân phát-sinh đối nghịch, hỗn-loạn, khủng-hoảng, bế-tắc, làm khổ-lụy con người trong đời sống vật-chất và tinh-thần...

Xã-hội Việt vốn là xã-hội nông-nghiệp. Qua chế-độ quân điền (*chia đều ruộng đất*), nông dân nào cũng có ruộng để cày cấy, sinh nhai, trong khi đó nhiều quốc gia, ngay cả ở Á Châu, vì không có chế-độ quân

điền, hay bỏ chế-độ đó mà nông dân biến thành nông-nô. Nghề nông gắn liền với môi-trường thiên-nhiên và xã-hội, nên tư tưởng của nông-dân là hài-hòa,

Rủ nhau đi cấy đi cày.
Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu.
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa"
(Ca Dao)

Trên thực-tế cho thấy đời sống con người có tương-quan chặt-chẽ với vũ-trụ (tự nhiên), đồng thời tin-tưởng vào vòng tròn xoáy trôn ốc ngụ ý thâm-trầm về triết-lý nhân sinh của văn-hóa đồng ruộng, văn-hóa thảo mộc, là thế-giới biến-hóa về lượng tính mà bất biến về phẩm tính.

Sự tin-tưởng này đã mang vào tinh-thần dân tộc một niềm lạc-quan yêu đời, dù trải bao thử-thách. Nhờ tin-tưởng truyền-thống của dân-tộc có *lai sinh* nên qua các thời-đại, gặp các cảnh-ngộ éo-le, các nhà tư tưởng Việt vẫn tràn đầy hy-vọng. Hoàng Quang, một danh sĩ thời lê Mạt, thời tối-tăm của lịch-sử dân-tộc, trong bài *"Hoài Nam khúc"* đã cao ngâm:

***Đại hàn chi hậu, tất hữu dương xuân**", (Sau giá rét, ắt xuân sang).*

Sự tuần-hoàn của thời tiết, "***xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn***" (*Xuân sinh-sôi nảy-nở, hạ trưởng thành, thu héo, đông tàn*), ngay sau mùa đông là xuân sang, nên mới nói "***Xuân bất tận, trời cho có mãi.***" hay "***Xuân khứ, xuân lai xuân bất tận.***" Đó là lý-do tin tưởng vào nguồn sống trường cửu.

Nhưng thực-tế, những công-trình kiến-trúc uy-nghi của người Maya, người Aztèque và người Inca ở Mỹ Châu từ thời Christophe Colomb chưa đặt chân lên xứ họ. Một học-giả Ấn Độ tuy nhận rằng giống người Aryen đã xâm nhập Bắc Ấn khoảng 16 thế kỷ trước C.N. nhưng sẽ nhắc cho chúng ta rằng dân-tộc Dravidien da đen ở Nam Ấn đã sản-xuất được nhiều đại kiến-trúc-sư và nhiều thi-hào; những đền ở Madras, Madoura và Trichinopoli là những kiến-trúc đẹp nhất thế-giới. Tháp điện Angkor Vat của người Khmer lại còn làm cho ta kinh-dị. Hơn nữa lịch-sử không biết tới màu da, và một nền văn minh có thể phát-triển ở bất cứ nơi nào, miễn là có đủ hoàn-cảnh thuận lợi.

Trên giải đất Á Đông mà ngày nay gọi là Trung Quốc, theo khảo-cứu của một bác học Hoa Kỳ thì rất xa xưa có 3 dân-tộc từng tranh nhau để chiếm trung châu miền sông Hồng Hà lên tới Thái Nguyên (Tàu) để tranh lấy núi Thái Sơn, hầu chiếm lĩnh nơi đó để khống-chế vũ-trụ. Ba giống người đó là **Việt - Hán - Di**.

- Thế nào gọi là Việt ? - Viêm Đế, Hải Đại vì ở tỉnh Hải Đại (Sơn Đông), Miêu: thời kỳ đấu tranh với giống Hán.

- Thế nào gọi là Hán? - Vì phát-tích ở sông Hán Thủy, và còn gọi là "Hoa" (núi Hoa Sơn), và "Hạ" vì quần tụ ở Hoa Hạ.

- Thế nào gọi là "Di" ? - Dân ở phía Đông Bắc Trung Hoa, như Sơn Đông, Triều Tiên, Nhật Bản, v.v...

C/ Theo "***Việt Sử Thông Luận***" của nhà tư-tưởng Lý Đông A, viết vào năm 1943, (*tài liệu đánh máy*):

"Trong lịch-sử dân-tộc Việt, cứ mỗi thời dân-tộc bị uy-hiếp rất mãnh liệt, có thể đưa giống nòi đến diệt vong thì tự nhiên lại bật lên một lực-lượng rất mạnh để đối phó, để bảo-vệ giống nòi, hoặc xây-dựng một nền-tảng mới, hoặc sửa-soạn một thời quá độ cho một giai-đoạn vinh-quang tiếp đó. Mỗi thời đều có người anh-hùng đứng ra tiêu-biểu. Từ sau Hồng Bàng cho tới nay, ta có thể ghi 9 điều giáo huấn:

"1- Lúc nhà Tần thống-nhất Trung Nguyên, sai Đồ Thư với Nhâm Ngao cùng Triệu Đà sang xâm lấn nước Việt. Dân tộc Việt đã cương dũng chống lại, mà người Tàu gọi là Cường Lương hay Lục Lương (bọn dân cứng cổ). Đại-biểu cho Cường Lương là Cao Lỗ và Thục Phán An Dương vương.

*"2- Khi nhà Hán đã diệt nước Nam Việt của Triệu Đà, liền sáp-nhập Nam Việt vào bản đồ của họ, rồi cắt quan cai trị. (Tuy vậy lối chiếm lãnh của Hán tộc thời ấy chỉ là lối **"thực quan"** (cho quan cai trị) chứ không phải thứ thực-dân gần đây, vì vậy dân-tộc Việt vẫn được tổ-chức đời sống riêng. Nhưng về sau, sự áp-bức của các quan lại nhà Hán càng ngày càng tàn bạo nên ông Thi Sách đứng lên vận-động chống lại. Việc bị lộ, ông bị tử hình - Vợ và em vợ là Hai Bà Trưng đã thay ông đem lực-lượng dân-tộc mà chống lại. Chỉ trong thời-gian rất ngắn, hai Bà thu được toàn quốc khiến Mã Viện chật-vật trong 3 năm mới đánh tan được sức đối chọi của ta.*

"3- Sau cuộc thất-bại của hai Bà Trưng, dân-tộc chia làm hai xu-hướng: Một phe yên giữ đất cũ, lấy năng-lực dân tộc ngấm-ngầm, vừa chịu đựng dưới sự đè-ép của nòi Hán, vừa chờ đợi thời-cơ mà quật-khởi. Một phe khác, đại-biểu là ông Khu Liêm, tự đem thế lực riêng vào phía Nam, lập ra nước Lâm

Ấp tự trị.

"4- Đời Ngũ Quí nước Tàu loạn-lạc, chia-rẽ, dân-tộc Việt đã biết lợi-dụng cơ-hội thuận-tiện đem lực-lượng tranh-đấu, từ ông Khúc Hạo, Kiều Công Tiễn, v.v... Hàng mấy chục năm vừa khôn-khéo ngoại giao, vừa cương-quyết đối phó cho đến hết đời ông Ngô Quyền, một lực-lượng Vạn Thắng của Đinh Tiên Hoàng xuất-hiện để thốntg-nhất tất cả, đánh dấu một thời-đại hoàn-toàn độc-lập của dân-tộc ta.

"5- Hết đời Đinh rồi đến đời Lê, rồi đến đời Lý, nhờ vị anh hùng thao-lược Lý Thường Kiệt xuất-hiện. Nhân lúc bất lực của nhà Tống đem quân đánh thẳng sang đất Lưỡng Quảng để tỏa-triệt tham-vọng của nhà Tống qua chính-sách của Vương An Thạch.

"6- Qua thế kỷ 13, quân Mông Cổ rất mạnh đã xâm chiếm nước Tàu và chinh phục gần hết thế-giới, tới sát cực bàn của Âu Châu (Tiệp Khắc). Trước nguy-cơ vong quốc này, dân tộc ta đã xếp hàng-ngũ sau vị anh-hùng Trần Hưng Đạo.

"7- Đến cuối đời Trần, Hồ Qúy Ly gây nội loạn trong nước, bên Tàu lúc ấy nhà Minh đã đuổi được Mông Cổ, thế lực đương mạnh. Lợi-dụng tình thế rối-ren ở nước ta, đã tràn sang xâm chiếm. Trong 20 năm trời vừa giết chóc, vừa Hán hóa ta, vừa tiêu-hủy văn-hóa ta một cách triệt-để, thì lịch sử nước ta xuất hiện vị anh-hùng Lê Lợi. Sau 10 năm phấn đấu khôi-phục nền độc-lập cho nòi giống.

"8- Nhà Hậu Lê trị vì được 300 năm, đến khi gần mạt, trong nước lại xảy ra việc Nam - Bắc phân tranh. Trịnh Nguyễn hai họ tranh-giành luôn tiếp 200 năm, đến khi lực-lượng càng sút kém thì vị anh-hùng xuất chúng Nguyễn Huệ đột xuất đã dẹp tan

dã tâm tham-lam của nhà Thanh (Tàu)

."9- Nhà Tây Sơn thống-nhất nước ta hơn 10 năm, lúc ấy thế-lực Âu Châu đã tràn cả Á Châu, Nguyễn Gia Long với cơ-đồ yếu đuối phải thỏa-hiệp với Pháp. Sự thỏa-hiệp dẫn đưa nước vào vòng đô-hộ của người Pháp. Thời kỳ I, từ 1800 - 1884, việc chống Pháp là của triều-đình. Thời II, từ 1885 - 1900, việc chống Pháp do Văn Thân, lúc ấy triều-đình đã hàng Pháp."

Thời kỳ III, từ 1900 - 1945 việc chống Pháp hoàn-toàn do dân chúng. Thời-kỳ IV, từ 1945 - 1954 việc chống Pháp do sự đóng góp của toàn dân, nhưng bị Việt Minh Cộng Sản lợi dụng danh nghĩa cầm đầu cuộc kháng-chiến.

- Từ 1954 - 1975 cuộc chiến Tranh Nam - Bắc được ủy-nhiệm bởi hai thế-lực Quốc Tế Cộng Sản và Tự Do Tư Bản. Mẹ Việt Nam thảm bại. Hai đầu sỏ Cộng Sản và Tự Do chẳng bên nào thắng, bên nào bại, kết cục "*chạy làng*" để bày sang thế trận khác.

- Từ 1975 đến nay, tuy phe Cộng Sản Bắc Việt thống-nhất được đất nước, nhưng lạc-lõng trên đường xây-dựng.

Đất nước Việt vẫn tiếp-tục nằm trong nguy-cơ diệt vong bởi tham vọng xâm-lăng của Trung Cộng, cũng như trong chiến-lược toàn cầu, "*Hoàn-toàn mới trong một trật-tự mới từ Tây sang Đông*" của một số tư-tưởng gia Tây Phương.

Trong "*Lời Thú Tội của một Sát Thủ Kinh Tế" (Confessionss Of an Economic Hit Man"* của John Perkins đã nêu rõ:

"Nhiều người trong chúng ta đã nhận-thức được

rằng chúng ta đang bị cỗ máy kinh tế bóc-lột. Cỗ máy đó đang khơi gọi lòng tham vô-độ đối với các tài-nguyên trên thế-giới và thúc-đẩy chế-độ nô-lệ. Chúng ta sẽ không bao-giờ tha-thứ cho nó. Chúng ta sẽ đánh giá lại vai-trò của chúng ta trong một thế-giới mà ở đó có một số ít người đang bơi trong sự giàu sang, số đông còn lại bị nhấn chìm trong nghèo đói, ô-nhiễm và bạo-lực. Tự chúng ta sẽ không thể hướng tới lòng bác-ái, nền dân-chủ, và công-bằng xã-hội cho tất cả mọi người...

"Thủy điện Agoyan với công-suất 156 mega-watts cung-cấp năng-lượng cho các ngành công-nghiệp đã giúp cho một vài gia-đình ỡ Equador trở nên giầu có, đồng-thời đó cũng là nguồn-gốc những nỗi khổ khôn xiết của những người nông-dân và người bản-địa sống dọc con sông này. Nhà máy thủy điện chỉ là một trong rất nhiều những dự-án được xây-dựng nhờ vào những nỗ-lực của các sát-thủ kinh-tế (EHM = Economic Hit Man) . Những dự-án như vậy, chính là nguyên-nhân tại sao hiện nay Equador là một thành-viên của đế-chế toàn cầu, chúng cũng là lý-do tại sao các bộ-tộc Shuars và Kichwas cùng những bộ-tộc sống trong vùng lân-cận đe-dọa tuyên chiến với các công-ty dầu lửa.

Vì các dự-an do EHM làm cho Equador ngập chìm trong nợ nước ngoài, và phải dành phần lớn ngân sách quốc gia để trả nợ. Cách duy-nhất để Rquador trả nợ nước ngoài là bán những khu rừng nhiệt-đới của họ cho các công-ty dầu lửa hay nhượng biển dầu nằm dưới khu-vực rừng Amazon cho ***Đế chế toàn cầu*** *đòi nợ dưới dạng quyền khai-thác dầu."*

*

* Vũ-trụ quan

- Biện Chứng Duy Nhiên *(Phạm trù tự nhiên, vũ trụ luận) có 5 qui luật;*

"Qui luật 1: Đạo kỷ,` tự kỷ nguyên nhân.

Đạo kỷ là tự kỷ nguyên-nhân có nghĩa là sự hình-thành bản thể một hiện-tượng, sự vận-động và phát-triển của hiện-tượng đó đều theo các qui-luật, các nguyên-tắc tự chính nó, tự thân nó (tự kỷ), bởi nó mà có, bởi nó mà ra chứ không phải do sự can-thiệp của loài người cũng như do sự tạo dựng của thần thánh.

Qui luật 2: Vận Động và Kết Hợp là hỗ tương nguyên nhân.

Vận động là nguyên nhân của kết hợp vì kế hoạch và mục đích của vận động là kết hợp. Thực tại cho thấy rằng vận động là để hình thành một kết hợp, không có kết hợp nào lại không hàm chứa vận động, nên kết hợp là nguyên nhân của vận động, cho nên ***vận động và kết hợp là hỗ tương nguyên nhân.***

Vận động cần phải thường-xuyên (kinh hằng) và chính đáng; kết-hợp cần phải thích-nghi, đạt đúng vào vị-trí, phù-hợp với bản năng, nếu khác với các điều-kiện này thì vận-động không phải là thường thái mà là bệnh thái.

Qui luật 3: Tinh-thần và vật-chất là hỗ tương nguyên-nhân.

Trong thiên-nhiên, muôn vật cũng như loài người đều do sự vận-động và kết-hợp hỗ-tương nguyên-nhân mà sinh sinh hóa hóa , đó là chân ý nghĩa của sinh mệnh. Những phạm-trù tinh-thần và vật chất súy động lẫn nhau mà sinh ra vận

động và kết-hợp , đó chỉ là một sự kết-hợp giữa chất (tinh-thần) với lượng (vật-chất). Thực tại cho ta thấy rằng không thể có một đời sống thuần túy chất hay thuần lượng. Chất và lượng thường hằng suy động lẫn nhau nên TINH THẦN và VẬT CHẤT là HỖ-TƯƠNG NGUYÊN-NHÂN.

Qui luật 4: Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương nguyên-nhân.

Bản-vị là một đơn-vị cơ-bản, tự nó có thể tồn tại và có khả-năng vận động và kết-hợp với bản-vị khác để hình-thành một bản-vị lớn hơn. Như vậy, một bản-vị có thể đóng hai vai-trò: bản-vị cơ bản và bản-vị thành phần của bản vị lớn hơn.

Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương để tồn tại và phát-triển, đó là chân ý nghĩa của sinh tồn. Do đó, bản-vị cần phải hiệp-điệu và thốn- nhất.

Qui luật 5: Hỗ tương nguyên-nhân là tự kỷ nguyên-nhân, đó là chân ý nghĩa của Đạo Kỷ."

Quy luật về vận động và kết-hợp là quy-luật tự-nhiên ở trong vũ-trụ. Do "vận động và kết hợp hỗ tương nguyên nhân", vận động để đi đến kết hợp, kết hợp sẽ đi đến bản-vị hỗ tương tức là bản-vị hình thành . Quy luật ***"hỗ tương nguyên nhân" chính là nguồn gốc của Đạo*** *(Đạo kỷ) khi đạo vận-động.*

- Biện Chứng Duy Nhân (Nhân sinh quan):

Quy-luật vận-động và phát-triển của "nhân", gồm tất cả các qui-luật nhân-loại-quan sát theo hình-thái "Biện chứng duy nhân" là phần "nhân sinh quan" y cứ vào một lý-tưởng hòa-hợp của "thuần-túy" và "thực-tiễn", nghĩa là của "thiên tính" và "thành-tựu tính", đó là chủ-quan mục-đích của loài người. Có 3 qui-luật:

** **Quy Luật 1**:"Cấu-thức (formule competente) năm điểm trong biện-chứng duy nhiên chi-phối vận-động và phát-triển của nhân".*

*Nhân sống trong vũ-trụ, thiên-nhiên, tất nhiên sự vận-động và phát-triển của "nhân" phải chịu ảnh-hưởng của "cấu thức 5 điểm" ở phần "Biện-chứng duy nhiên".Qui luật này cho thấy rõ ràng "**vạn-vật tương-quan**".*

** **Quy Luật 2** : "Nhân vận-động và phát-triển theo hình xoáy trôn ốc có nút tết"*

Khi nói tới hình trôn ốc, ta nghĩ đến một hình có một điểm xuất-phát, rồi đi vòng lên cao dần, mỗi vòng ở phía trên rộng hơn vòng bên dưới (như hình của vỏ một con ốc) . Những vận-động theo hình xoáy trôn ốc là những vận-động bắt đầu từ xuất-phát điểm, rồi phát-triển về chất cũng như về lượng, rộng và cao dần ra (vận động hướng thượng) có tính đồng dạng với những vận-động trước.

Trong thiên-nhiên, các hiện-tượng vận động và phát triển theo hình xoáy trôn ốc trơn tuột, không có ngưng đọng, hoặc trục-trặc làm biến đổi hiện-tượng.

Trong xã hội loài người, "nhân" vận động

và phát-triển theo hình xoáy trôn ốc có nút tết (hay nút biến) do tư-tưởng của con người làm biến đổi hiện-tượng, sao cho vận-động và phát-triển có tính-cách hướng thượng. Mỗi "nút tết" là một hình xoáy trôn ốc nhỏ nằm trên hình xoáy trôn ốc lớn (thí-dụ đời sống con người đã biến đổi cao đẹp hơn từ lúc ăn sống đến cách nấu chín, đó là một nút tết (nút biến) trên hình xoáy trôn ốc lớn. Rồi từ bản chất của sự thành-lập xã-hội mà từ mẫu hệ chuyển sang phụ hệ. đó lại là một "nút tết" mà của xã hội loài người đối với tự-nhiên. Các biến chuyển qua các thời-kỳ đồ đá hoặc đồ đồng là những nút tết khác nữa.)

*Loài người thành-tựu được là bởi sự tu chỉnh tự-nhiên đó là động-cơ tiến hóa không ngừng. Chính tư tưởng đã làm cho nhân có khả năng chủ động đối với thiên nhiên. Nhân không thể sống ổn định bằng cách đồng-hóa nhân với tự nhiên hay hủy-diệt tự nhiên. Nhân sống ổn định khi nhân chủ-động đối với tự nhiên (thiên nhiên), nghĩa là nhân điều-động và tổ-chức tự nhiên bằng cách **vận động thật đúng cấu-thức 5 điểm của biện-chứng duy-nhiên**. Do đó, nhân phải nhận-thức rõ-rệt các loại chân lý trong dòng sống của muôn loài.*

***Qui luật 3 "**Trong dòng sống, nhân khám phá ra ba loại chân-lý":*

**- Chân lý trong thiên-nhiên có tính-cách vô nguyên.*

*Trong mục-đích khách quan, vũ-trụ tự nhiên, không có mục-đích gì, tự nó tự khởi (**vô hạn duyên khởi**), tự nó diễn biến (**vô hạn cứu cánh**)*

*bằng những phương-thức khác nhau và đưa đến kết-quả khác nhau (**vô hạn lượng tính, vô hạn phương trình thức**). Tự nhiên = thiên nhiên không có tư-tưởng nên không có ý-thức về "nguyên". Nói cách khác, "chân lý trong tự-nhiên là vô nguyên". Hiện tượng trong tự nhiên (thiên nhiên) lại thay đổi theo không gian và thời gian nên chân lý trong tự nhiên có tính tương đối. Tóm lại, **chân lý trong tự nhiên (thiên nhiên) có tính vô nguyên và tính tương đối**.*

**- Chân lý trong "nhân" có tính nhất nguyên và tính tuyệt đối.*

*Sang đến xã hội loài người, nhân khai thác các qui luật khách quan thiên nhiên để phục vụ con người. Nhân tìm cách làm chủ vũ trụ vật chất khách quan mà nắm giữ các qui luật thiên nhiên. Chân lý không còn tính cách đương nhiên khách quan mà đã sang **tuyệt đối chủ quan**. Loài người trong toàn thể nhân loại là nhất tính, nhất nguyên, nghĩa là cùng một giống, bản thể như nhau dù là da trắng, da vàng, đen hay đỏ, mọi người đều là "nhân". Do đó, chân lý trong nhân là nhất nguyên. Tóm lại, **chân lý trong nhân có tính nhất nguyên và tính tuyệt đối**.*

- Chân lý trong "dân" có tính đa nguyên và tính tương đối. Loài người là một, dân tộc là nhiều. Xã hội loài người khi tiến hóa bị hạn định bởi nhiều yếu tố: khí hậu, điều kiện phân bố, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, kinh nghiệm lịch sử tích lũy, v.v... Từ đó mà các dân tộc được hình thành. Con người đã chuyển từ nhân sang dân (dân tộc), nên **chân lý trong dân có tính đa nguyên và tính tương đối.*

Nói gọn lại, chân lý đương nhiên của loài người trên duy nhân tuyệt đối, chân lý tương đối của loài người trên Duy Dân, và chân lý vô nguyên của loài người trên duy nhiên.

-Biện Chứng Duy Dân: Quy luật vận động và phát triển của Dân

** **Quy Luật 1** : Các quy luật của "Biện Chứng Duy Nhân chi phối mọi vận-động và phát triển của Dân".*

** **Quy luật 2** : "Xã Hội Duy Dân với Tự Nhiên Đối Lập Thống Nhất."*

*Từ ngàn xưa tới nay và mãi sau nữa, quá trình sống của loài người là quá trình vừa đấu tranh với thiên-nhiên lại vừa nương tựa vào thiên nhiên để sinh tồn. "Người" luôn-luôn bị "thiên nhiên" (tự nhiên) tấn công về hai mặt thể chất và tinh thần. Về thể-chất, thiên-nhiên tấn công "người" bằng khí-hậu, thiên tai, địa hình..; về tinh thần, thiên nhiên tấn công "người" bằng "vật tính" xua đuổi "nhân tính". Khi bị tấn công, "người" không thể hủy-diệt thiên nhiên, mà phải tìm cách phối kiểm toàn bộ các quy luật của "nhân", điều chỉnh các quy-luật bị thực hiện lệch-lạc, nghĩa là "người" đã chuyển sang vị thế "chủ động đối với thiên nhiên", buộc thiên nhiên phải phục-vụ người, nói cách khác, "người" đã chuyển thế "đối lập" với "thiên nhiên" sang thể "hợp-tác", nghĩa là thống-nhất thiên nhiên với con người. Đó là ý nghĩa của quy luật "**Xã hội duy dân với thiên nhiên đối lập thống nhất**".*

** **Quy Luật 3** : "Cá thể với tập thể đối lập thống nhất"*

*Đời sống của "dân" trong xã-hội khó được ổn định do nhiều lý do. Một trong những lý do gây ra sóng gió, phiền toái trong đời sống của dân là tình trạng đối lập về cơ-hội, nghĩa-vụ và quyền-lợi giữa cá-thể và tập thể. Thực tại đã cho ta thấy rõ kết quả khốc-liệt của tính-cách đối lập này. Muốn giải trừ tình trạng đối lập giữa cá thể với tập-thể, con người chỉ có một con đường duy nhất là tìm cách đưa hiện-tượng đối lập chuyển thành hiện tượng "**Bản vị và cơ năng hỗ tương nguyên nhân**". Cá thể là cơ-năng, tập thể là bản vị. Cá-thể và tập-thể hỗ-tương nguyên nhân của nhau, hay nói cách khác là "hỗ tương đối lập thống nhất". "Cá thể và tập thể đối lập thống nhất" cho nên xã hội qui hạn cá nhân, đồng thời cá tính có thể đồng hóa tập thể tính.*

** **Quy Luật 4** : "Bảo thủ và cấp tiến đối lập thống nhất" hay "Thời gian và tiến hóa đối lập thống nhất"*

Loài người (nhân loại) là một, nhưng dân tộc là nhiều, lịch sử quan của "dân" là lịch sử quan đa nguyên. Trước sự chuyển dịch của lịch sử, bảo thủ lcở thái-độ muốn giữ những cái cũ trong quá khứ tuy dùng trong hiện tại, làm trì-trệ sự chuyển động của bánh xe lịch sử. Ngược lại, cấp tiến có thái độ muốn cải tiến xã hội, tăng vận tốc của sự chuyển dịch bánh xe lịch sử để hướng nhanh về tương lai.

Trên thời gian vận động, một đàng bảo thủ, một đàng cấp tiến , cái công năng (công việc

chung) vi-diệu là ở chỗ nắm giữ được cái nút vận động giữa bảo thủ và cấp tiến...

** **Quy Luật 5** : "**Tĩnh Động nhất quán**"*

Những thí-dụ trong các qui luật trên cho ta thấy "tĩnh" là thường thái, đưa dắt tới sự ổn-định, còn "động" là bất thường thái. đưa đến sự bất ổn định. Bất thường thái bao giờ cũng có khuynh-hướng tìm về thường thái' động bao giờ cũng tìm lại tĩnh. "Đối lập" bao giờ cũng tìm về thống nhất". Dân luôn luôn tìm về "nhân", đó là xu thế của lịch-sử. Dân tìm về nhân là xu thế của loài người muốn sống ổn định.

** **Quy Luật 6** : "Qui luật bản vị và cơ năng hỗ tương nguyên nhân sinh ra bản vị học thuyết"*

*Các qui luật "bản vị và cơ năng hỗ tương nguyên nhân" và "hỗ tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân" dẫn dắt đến sự vận động và kết hợp các bản vị, từ đó sinh ra "**bản vị học thuyết**".*

Muốn cho một bản vị được tồn tại và bền vững, các cơ năng tạo thành bản vị phải vận động kết hợp cùng chung một hướng gọi là "trung tâm bản vị". Trung tâm bản vị là đời sống, vai trò và nhu cầu của bản vị.

"Có cái gì qua các thời đại? Cách thức sống của các bộ lạc, các nòi giống, các thời đại, các khuôn khổ. Người ta cần bàn tay với luân lý gia đình cho nông nghiệp; người ta cần lý trí với bản lĩnh cho thương nghiệp; người ta cần lý tắc với vô đạo đức cho công nghiệp. Tổ chức Teuton bên Đức hay Lạc chế bên ta đời Hồng Bàng còn vẽ được chân hình cái toàn tính của loài người... Sự sống của người ta y- cứ vào người ta hết. Bởi vì người ta sống trong vũ trụ; vũ trụ là đối

tượng đại-đồng của loài người. Người và vũ=trụ trên nền-tảng và điều-kiện chủ khách-quan sinh-sản ra hết thảy. Tự ta quyết nhiên có cái bản-lĩnh độc-lập, tự do, sinh-tồn ở ta đó. Bao nhiêu cái hoa-mỹ, bao nhiêu cái tinh-vi, bao nhiêu những năng-lực và công-cụ tinh-thần với vật-chất, hữu hình hay vô hình chỉ là những thuộc tính của sống còn Duy Nhân, Duy Dân chân lý ở trên cái nút tự-tại trong vũ-trụ kia. Thái-cực, giác-ngộ, chân như, thượng-đế, cực chất của xã-hội theo cái tính lưu động của loài người mà lưu-động phải tìm đâu xa!..."[1]

1- X.Y Lý Đông A, " *Huyết Hoa* " trang 54, Gió Đáy, 1967.

Bản Vị Học Thuyết
& Biện Chứng
(Vận-động và kết-hợp)

I/ ĐỊNH NGHĨA

A/ Bản Vị: Bản có nghĩa là gốc, "vị" là ngôi (thứ vị, địa vị). "Bản vị" là một đơn vị căn bản. Bản-vị học-thuyết là một học-thuyết giải-thích một uyên-nguyên, hình-thành, kết-cấu, vận động của các đơn-vị căn-bản trong vũ-trụ. Vạn vật, nhân loại y cứ trên luật hỗ-tương của vũ-trụ và con người.

Trong học-thuyết "Duy Dân, nói đến "bản vị" là nói đến một đơn-vị cơ bản, tự nó tồn tại, tự nó có khả-năng vận-động và kết-hợp với bản-vị khác để hình-thành một bản-vị lớn hơn. Các bản-vị hydro, oxy, nam, nữ khi vận-động thì hỗ-tương suy-động để kết-hợp thành bản-vị mới (nước H_2O, gia đình - trong bản vị mới này, các bản vị cơ bản trở thành cơ-năng), đồng hóa mình trong bản-vị mới và coi bản-vị mới như chính mình. Mỗi vận-động của cơ-năng trở thành mối tương quan của bản-vị mới, Ngược lại, bản-vị mới khi vận-động phải hỗ-trợ các cơ-năng vận dộng có hiệu-qủa hơn và không sai khớp với bản-vị (thí dụ mỗi hành-động của vợ, chồng, con cái phải phù-hợp với hướng tâm xu-thế của gia-đình, nghĩa là phải đem lại hạnh-phúc cho cả gia đình). ***Bản-vị và cơ-năng hỗ-tương để tồn tại và phát-triển. Đó là chân ý nghĩa của sự hình-thành và phát-triển trong vũ trụ***.

B/ Biện chứng:

" Biện chứng pháp là một danh từ dùng trong luận lý học Tây phương, là phương pháp biện luận có chứng minh (dialectic) .

Theo "The American Heritage Dictionary of the English Language" , New College Edition, 1980, Published by Houghton Mifflin Company, "Biện chứng pháp là một phương pháp diễn tả bằng cách cho thấy những mâu-thuẫn trong một cuộc đối luận để đi đến một sự thật (Dialectic is the art of arriving at the truth by disclosing the contradictions in an opponent's argument and overcoming them.)

Theo "biện chứng pháp" thường có ba mệnh-đề được đặt ra: **hiện đề** (thesis), **phản đề** (anti-thesis), và **hợp đề** (synthesis)

"Hiện đề là một hiện trạng của một thực tại.... Trong mỗi hiện đề đã chứa chất mầm mống mâu thuẫn, đối chọi với chính nó. Nhờ sự đối kháng này mới phát sinh tiến bộ. Sức đối kháng này được gọi là "phản đề". Có thể nói bất cứ một "hiện đề" nào, tự nó đều có thiếu sót, bất toàn. Do đó, cần có một "phản đề" để bổ túc cho nó. Chính "phản đề", tự nó cũng không hoàn toàn đúng. Bởi vậy, cần liên kết "hiện đề và "phản đề" lại với nhau, làm thành một "hợp đề". Hợp đề chính là kết quả của sự thanh lọc những cái dở, và chỉ giữ lại những điều đúng trong "hiện đề" và "phản đề".

"Trong quá trình tiến triển của tư tưởng để tìm ra chân lý, trí khôn con người luôn áp dụng phương pháp biện chứng. Do đó, "hợp đề" tự nó trở thành một "hiện đề" mới, rồi mâu thuẫn với chính nó để phát hiện ra

phản đề" mới. Hai bên dung hòa với nhau để tạo thành "hợp đề". Cứ như thế, biện chứng pháp lập đi lập lại.

"Áp dụng trong đời sống tinh thần, văn học, kinh tế, chính trị, biện chứng pháp chính là óc tiến bộ, dân chủ của Âu Mỹ, luôn cầu tiến, đổi mới, phê bình, đối lập, tranh luận, để tìm cách dung hòa các lập trường khác biệt, và tiến dần đến sự hoàn thiện, hoàn hảo."[1]

*

1- Đường Thi Trương Kỷ, "Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo" xb. 2000.

Hiệu-quả của triết-học Lý Đông-A

Theo nhà tư-tưởng Lý Đông-A: Một chủ nghĩa xứng đáng làm tiêu chuẩn,hải lsàm sao:

- Chứng tỏ loài người là thể sống đặc-biệt.

- Sự quyết-định một chân-lý cần yếu cho lòai người, để đi đến sự giác-ngộ chân-thực.

- Tập-đại-thành tất-cả các ngành, ngọn học hiểu từ xưa đến nay .

Mọi người đều đã biết : Biển học mênh-mông khi nghiên-cứu triết-học, ta thường bị lạc-lõng, hoang-mang trong học-thuật mê-cung, hư-hư thực-thực, không biết đâu là bờ là bến ! Cho nên nền triết-học mới, trước hết phải mạnh-dạn:

** Vứt bỏ cái lồng chụp vũ-trụ-quan vô hình không kiểm-chứng, như thiên-uy, Ngọc Hoàng, thiên-mệnh,...*

Một lý-thuyết muốn có giá-trị phải quán triệt, kết-quả kiểm-chứng phải chính-xác ở một không-gian và thồi-gian.

*Loài người phải lấy **nhân chủ** làm cốt yếu đối với tự nhiên. Người chủ-động đối với tự-nhiên, xã-hội và chính mình. Số phận người, lịch-sử người, xã-hội người, đời sống người do chính con người xây-dựng, định-đoạt Người không để bị chi-phối hay lệ-thuộc bởi ngoại vật,*

Về quan hệ bản thân

Trong Huyết Hoa, nhà tư- tưởng Lý Đông-A đã viết:

"Sống nghĩa là bả ác được tự mình Hãy nên tự giác (Connais-toi toi mêm) Hãy tự kiến lập lấy một sinh-mệnh hệ-thống, lấy cái chủ ngã tối viên mãn ở trong nơi tự mình, làm tối cao thống-súy cho tự mình."

"Phật, Tinh, Ma là thể thống-nhất trên chế-độ loài người. Chỉ có cuộc thánh chiến giữa Phật và Tinh, Ma, khi Phật thắng mới mong mang được ánh sáng và thanh-thoảng cho loài người."

"Phải coi tự mình là mục-đích, tuyệt không phải coi là thủ-đoạn, như thế tự mình với đời sống mình là thực-thể của cái lý tưởng trong thuần-lý-tính hiện thân trên thế-gian. Phải làm cho tự mình thành một mục-đích của cái lý-tưởng đó."

*"**Đấu tranh tự thắng** là tự thắng trên thể xác, tự thắng trên tình tự, trí tuệ; tự thắng trên thể sống với mình và với người, loại bỏ phần xấu-xa tiêu-cực mà phát-triển phần tích-cực.*

*"Khí chất là chủ thể con người. **Sao cho thận vững,tim trong, óc sáng, mình nhẹ tay mạnh** . Sao cho có một nhân cách trọn vẹn, kinh sinh., khí vũ, đạo đức, trí thức và văn*

mỹ . Sao cho có được một tinh-thần cao thượng: Tổ Quốc, chính nghĩa, lý tưởng, nhân cách và danh-dự. Sao cho có một hiệu-suất thích-đáng . Cứu quốc, tồn chủng, độc-lập, thống nhất, thắng nghĩa và kinh dương."

Tự thắng trước hết là tự thắng tất cả những yếu hèn, dục vọng, dốt nát, chia rẽ, dã man còn ẩn tàng trong chính mình. Nhân chủ chính là tiến trình để tự thắng. Các bậc tu hành, các nhà đạo đức, các anh hùng nghĩa sĩ,... đều là hiện thân của cuộc đấu tranh tự thắng.

- **Đấu tranh tu dưỡng tự thắng**:

Theo nhà tư tưởng Lý Đông A: Phương pháp tu-dưỡng trước hết:

- LẬP CHÍ rộng lớn
- LẬP TÂM chí thành
- KHỞI TỰ NƠI MÌNH

Tục-ngữ ta có câu: "*Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa*" cho nên tu ở nơi mình là chìa-khóa của thời-đại, là tiêu-đích đi đến **VÔ UÝ, TỰ TẠI, VÀ GIẢI THOÁT.**

Lập tâm có chí thành thì nhiệt-lực mới tăng tiến - Nhiệt-lực có tăng-tiến mới đưa con người lên thiên tài.

"Cuộc sống con người ví như khi bước

ra khỏi nhà để đi đến một mục đích, địa điểm nhất định thì phải sẵn có mục tiêu"

"Thiết lập một phương châm sống và lý tưởng làm nguyên bản. Có thể nói "Nhân sinh chi kế tại ư xuân" (Lúc thanh niên chính là lúc mình lập chí).

"Lấy dân tộc làm đối tượng lập tâm, lập chí thì cá nhân phải biết nhận thức lịch sử của dân tộc, biết sống đời sống lịc- sử, biết cảm-ứng lịch sử của dân-tộc.

Nhận-thức lịch-sử của dân-tộc là đọc và truy hiểu lịch-sử của dân-tộc, tìm lấy triết sử trong lẽ sống còn của dân-tộc, lấy đó mà làm lẽ sống cho mình và cho dân-tộc.

"Sống đời sống lịch-sử là đem lẽ sống của đời mình hòa trong lẽ sống của dân-tộc, đem hồn mình cảm-chiêu vào hồn lịch-sử, vào quá-trình diễn biến của giống nòi.

"**Sinh thế dị, trưởng thế nan**" (Sinh làm người thì dễ, nhưng trưởng thành nên con NGƯỜI mới khó). Cho nên ***"Chiêu văn đạo, tịch tử khả hỷ***", sớm nghe được đạo lý, dù chiều chết cũng vui. Lúc thanh niên chính là lúc mình lập chí.

"Hoa xuân nở ngọn cây
Đó là để xui giục lòng người đi tìm ánh sáng đạo.
Nếu trăng thu chìm đáy nước

Đó là hình tượng cảm hóa chúng sinh,
Và tất cả chúng sinh
Đó là tái sinh
Trên cùng một bông liên hoa."

Phải thiết-lập một phương-châm sống, một lý-tưởng sống. Trong quá-trình đời sống, hấp-thụ thiên nhiên với tinh-hoa xã-hội, xung thực và phong-phú sinh-mệnh cho mình một đời sống được triết-học-hóa, xã-hội-hóa và nghệ-thuật-hóa.

Dumas nói: "Phải trông cái chết thẳng trước mặt. Ôi đạo chết khó thay! Biết bao kẻ sống chết như cây cỏ nát, vô ích cho nhân loại, cho dân tộc. Biết cái chết mới kiến lập được quyết tâm. Biết cái sống mới dám đem lòng hy-sinh .. Trong quá trình sống của mình, từ cái rất nhỏ đến cái rất to, từ cái vô hình đến hữu hình đều là tài-liệu của biết. Ôi đạo học khó thay! Cùng một cửa mà ra ***thiên tài,*** *mà ra* ***nô tài*** *hay* ***nhân tài****.*

Có 3 phương thức:

a/ Nuôi tâm sinh thiên tài.

b/ Nuôi óc sinh nhân tài.

c/ Nuôi thân sinh nô tài.

Trong trời đất, nhiệt và thành là hai yếu-tố nguyên thủy và hoạt-động. Vạn vật ở đó mà ra; tình, ý, chí đều ở đó mà ra.

Thanh niên thời nay cần phải biết đạo sống, đạo chết với đạo học, phải biết kiến

lập một sinh mệnh hệ thống độc lập và siêu nhiên cho tự mình. Đời sống của người ta vốn là một hành trình có dự định kế hoạch. Cho nên cái biết đã là trục của sống tất nhiên khuôn khổ phải to tát; sợi đan phải nghiêm ngặt.

- ***Gia Đình****:*

Giữa cá nhân và gia đình có mối quan hệ rất chặt-chẽ. Gia-đình phải là môi-trường thuận lợi để các cá nhân phát triển. Cha mẹ, con cái là những cơ-năng, cơ-hội, nghĩa-vụ và quyền-lợi của toàn thể gia đình làm trung tâm bản vị. ***Gia đình ổn vị là gia đình bản vị hệ, chứ không phải là gia đình mẫu hệ hay phụ hệ.***

Bản vị và cơ năng hiệp điệu thì có an bình, thất điệu sinh tai họa. Đối với quốc gia và quốc tế, nếu quốc gia ức chế quốc tế mà thành xâm lược, giai cấp khuynh loát quốc gia mà thành "vật trị", gia tộc ức chế quốc gia mà thành "quân chủ"; ***đoàn thể ức chế quốc gia mà thành "đảng trị", độc tà***i...

Trước khi tiếp-xúc với Tây phương, xã hội Việt Nam được tổ chức trên căn-bản ***"đại gia đình***", trong đó liên-hệ gia tộc phát triển cao độ để mọi người cùng trong một gia tộc đùm bọc nhau trong mọi tình-huống. Ngày nay, dù Việt Nam đã du nhập chế độ tiểu gia đình , nhưng chế độ đại gia đình vẫn còn được

chấp nhận.

QUỐC GIA:

Vượt khỏi phạm vi gia đình là quốc gia mà guồng máy quản trị từ trước tới nay được tập trung vào trong tay nhà nước.

Trong hầu hết mọi trường-hợp, nhà nước chỉ là một hệ-thống quyền-lực, công cụ của giai-cấp hay của một thiểu số được ưu đãi dùng để thống-trị và bóc-lột quảng đại dân chúng. Với cơ chế nhà nước ấy, xã hội luôn-luôn bị phân hóa thành giai-cấp. Một tầng lớp thiểu số thống trị và một tầng lớp đa số bị trị. Mối mâu-thuẫn "thống trị và bị tri" và sự xung đột thường trực mãi mãi là mối liên-hệ chủ nô.

Với loại nhà nước này, thực sự không có vấn-đề quản-trị quốc-gia mà chỉ có sự thống-trị, chỉ huy, điều-khiển, áp-bức và bóc lột của một thiểu số đối với đa số.

Quan-niệm xã hội nhân bản phủ nhận vai-trò điều khiển, chỉ huy của bất cứ thành phần, tầng lớp nào đặt ra vấn đề quả- trị xã hội, quản-trị quốc-gia.

Việc quản-trị quốc-gia trong chiều hướng nhân bản y-cứ trên một số những điều chủ-yếu:

- Hủy-bỏ trạng-thái thống trị - bị trị: Không một thành phần nào được ưu đãi nắm

quyền chỉ-huy, cũng không thành phần nào bị cưỡng-bách phục-tùng. Chủ quyền quốc gia không thể là một quyền-lực chuyển nhượng một lần từ quần chúng sang cho lãnh đạo, mà là ***một sinh ý lực của cộng đồng, lúc nào cũng ở trong toàn thể nhân dân***.

- Tương-quan bình-đẳng, thân-ái và tương-trợ giữa mọi thành phần, giữa mọi cá thể trong cộng đồng. Thay tương quan chủ - tớ bằng tương quan bạn bè, thân hữu, tương quan giữa người với người trong quan niệm con người là cứu cánh.

- Điều hòa pháp trị và nhân trị: Pháp trị không nhân trị là cơ cấu thống trị. Nhân trị không pháp trị thì nền tảng quản trị sẽ không có những điểm tựa vững chắc, trường cửu. Pháp trị thường có khuynh hướng ly khai nguồn gốc quên mình là đại diện ý chí của nhân dân, và càng ngày càng trở nên tự động, lại đẩy theo một chiều duy nhất từ trên xuống dưới nên biến thành khô cằn, tê cứng, phản bội lại cộng đồng vốn đã ủy nhiệm sự quản trị cho nó. Vì vậy mà nảy sinh "*nhu cầu vi phạm luật lệ*", Nhu cầu này là do hậu quả của khuynh hướng nhân trị bị phản bội bởi sự lạm dụng pháp trị. Vấn đề đặt ra là cần phải *nhân bản hóa pháp trị,* nhưng đồng thời cần điều hòa nhân trị

Trong một xã hội như Việt Nam, nhân

trị không bao giờ biến mất vào pháp trị. Gía trị nhân trị vẫn ở trong nền tảng sinh động của cộng đồng. Cơ sở trên tình và cảnh, tiềm-tàng trong những đối đãi liên hệ giữa các cá thể trong xã hội. Chính cái "nhân trị" này tạo nên một thứ trật-tự tự nhiên, uyển chuyển, thư thái và an hòa giữa tình và cảnh trong khi trật tự do pháp trị tạo nên là một thứ trật tự cứng nhắc, bất dịch của lý và pháp.

Sự điều-hòa tốt đẹp giữa nhân trị và pháp trị sẽ đưa việc quản trị quốc gia đến độ hoàn hảo. điều hòa được cuộc sống cộng đồng và cuộc sống cá nhân.

VỀ THẾ GIỚI:

Chung sống hòa bình là nguyện vọng của mọi dân tộc trên thế giới. Phát xuất từ nhận định loài người chỉ tiến bộ trong sự hòa điệu của các đơn vị quốc gia. Con người không thể sống an toàn và hạnh phúc trong một thế giới đầy hận thù, chém giết. Đã đến lúc phải ý thức rằng ***sự thịnh vượng của dân tộc này có tương quan nhân quả với sự thịnh vượng của dân tộc khác***.

Tuy nhiên, chung sống hòa bình không phải là các dân tộc nghèo yếu cam phận làm tôi đòi cho các dân tộc giàu mạnh. Nền hòa bình bền vững và chính đáng chỉ hình thành

trên căn bản bình đẳng, tương lợi, bất tương xâm và bất can-thiệp vào nội-bộ của nhau.

Ý-hệ và tổ-chức xã-hội là những niềm tin, những quan-niệm của một dân tộc về các vấn đề của chính mình. Không được dùng áp lực hay vũ lực bắt buộc dân tộc này chấp nhận ý-hệ và mô-thức xã hội của dân tộc khác.

Liên Hiệp Quốc đến nay vẫn vô hiệu và bị sử dụng làm công-cụ cho các siêu cường.

Để trung thành với lý tưởng và đòi-hỏi của thế-giới, Liên Hiệp Quốc phải cải-tổ sâu rộng, bãi-bỏ những cơ-cấu và nguyên-tắc lỗi thời để mạnh dạn thực-thi sư- mạng của mình.

Xã-hội loài người mai sau đương-nhiên phải chối bỏ mọi hình-thức liên-minh quân sự. Trong hiện tại, liên-minh quân-sự có thể tạm thời tồn tại khi thực-sự có mối đe-dọa cụ-thể bằng vũ-lực, nhưng nó phải có lý-do chính-đáng qua việc quy-tụ các quốc-gia nhỏ bé chung biên-giới hay hải phận.

To- hợp vùng là đường lối cần thiết để phát-triển nhanh chóng và hữu-hiệu. Các kế hoạch của tổ-hợp vùng phải được thiết-lập sao cho các nước trong vùng hưởng lợi đồng đều, đóng góp đúng khả-năng, khai thác mọi tài-nguyên hữu dụng.

*

Bảng Tổng Lược Vũ-trụ quan, Nhân sinh quan và Xã-hội quan trong Nền Triết Học Lý đông-A.

Phần	Dẫn Chứng
Vũ **Trụ** **Quan**	*- Vũ-trụ vô thủy, vô chung (khôn cùng), "Sinh Sinh chi vị Dịch", "Sức biết con người đến đâu, vũ trụ có tên đến đó."* *- Trời linh-động, thay đổi khôngngửng: Lấy ý từ "bất định hình" của nước: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Ở hồ thì tĩnh, ở sông thì động..* *"Đồng đồng vãng lai"- Truyện Từ Thức lên tiên, các huyền thoại: "Đầm Dạ Trạch", "Sơn Tinh và Thủy Tinh", truyện Thánh Gióng", v.v...* *Nhân-cách hóa thiên-nhiên - Nhân-bản hóa vũ-trụ: Ông Tơ, bà Nguyệt, Chú Cuội chị Hằng, Ông Thiên Lôi, Thiên Đồng, Ngọc Nữ,...* *."Trông ra ngọn cỏ lá cây. Thấy hiu-hiu gió thì hay chị về..."- Truyện cổ "Con Cóc là cậu ông Trời."* *Âm - dương đối-lập thống nhất. "Âm - Dương hòa, vũ trạch giáng."* *"Hai đầu của kim nam châm, tuy khác nhau, nhưng cùng trên một trục"- Vũ trụ khách quan vô tình. Mưa là mưa, chứ không có chủ-đích.* *- Lấy người làm tối-cao căn-cứ.*

Phần	Dẫn Chứng
Nhân **Sinh** **Quan**	*- Vai trò của người sánh ngang Trời Đất. "Có trời mà cũng có ta."* *"Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều."* *Thơ "Vịnh Tam Tài",* *Vạn-vật đồng nhất thể. Nam - nữ bình-đẳng.* *Tình lý tương thông. Khôn chẳng qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời.* *Tinh-thần bao-dung, dung-nạp, dung-hóa, thích-nghi.* *Vô-chấp (tổng-hợp "Tam Giáo: Phật - Khổng- Lão" thời Lý - Trần.* *- Tự-nhiên, vô-vi (Nước không làm vì ai, mà không có cái gì không làm).* *- Cầu-tiến, thăng-hoa (Nước bốc hơi).* *- An-nhiên tự-tại.* *- Con người có nhiều trách-vụ để gánh vác: bản-thân, gia-đình, quốc-gia,xã hội,...Gánh-vác được đến đâu, có giá trị lưu-truyền đến đó.* *- Khắc-kỷ, hòa-nhân "Ba vuông sánh với bảy tròn".* *- Duy-thực. "No cơm tấm, ấm ổ rơm", Có thực mới vực được đạo = Nhân năng hoằng đạo, Đạo bất hoằng nhân.).* *- Tư-duy đối-ứng (tụ điểm hóa-giải đối-lập) như nói: nước non, vui buồn, sướng khổ, thành bại,* *- Hòa-hài. "Hòa cả làng"* *Chú Đáo xóm Đình lên với tớ,* *Ông Từ trong xóm lại cùng ta..."*

Phần	Dẫn Chứng
Xã	*Nam - nữ bình-đẳng.* *Trai làm chi, gái làm chi,* *Con nào có nghĩa có nghì thì hơn.".* *(Ca Dao)-* *Phân quyền. Phép vua thua lệ làng.* *- Vô kỷ, vô công, vô ngôn (truyện Thánh Gióng).* *- Dòng sống sử liên-tục (Sóng sau dồn sóng trước).* *- Thiên -nhiên - xã-hội - tư tưởng thống-nhất.* *- Cơ-năng và bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân.*
Hội	*- Phân công hợp-lý (cách sống nơi nông thôn.* *Mô-hình: Hạch tâm chứ không theo hình-thứ kim tự tháp,* *Không quá giàu, không quá nghèo. Ai cũng có tư-sản (công điền cấp cho mỗi dân đinh khi trưởng-thành).*
Quan	*- Tinh-thần bao-dung, dung-nạp, dung-hóa,thích-nghi* *- Trung quân đi đôi với ái quốc.* *- Làm chính quyền là noi gương, phục-vụ cho dân (thời Lý,Trần...)* *-Truyện dưa hấu, truyện Cóc kiện trời.* *- Truyền hiền.* *-Đa bản vị. Cơ năng và bản vị hỗ-tương.* *Dân luôn-luôn hướng về nhân để ổn định.* *-Chủ tư hữu hầu bảo-vệ nhân phẩm và bình đẳng.*

Một bọc trăm con

Bang Tương đồng giữa Đạo Đức kinh của Lão Tử với nếp sống noóng nghiệp trồng lúa nướcViệt và Triết Học Lý đông-A.

Lão Tử	*Nếp-sống Việt*	*Lý Đông-A.*
- Đạo, uyên nguyên của vũ-trụ,bất kha luận. Vô danh. -Luật tắc: Âm dương hỗ-tương Biện chứng Phản phục Động tĩnh hỗ tương tương nhất. -Vi nhi vô vi.(làm với cách tự nhiên. -Đạo sinh chi, Đức súc chi. (Đạo sinh ra, Đức nuôi dưỡng.	-Sức biết con người đến đâu, vủ-trụ tất có tên đến đó. -Nhân cách cách hóa thiên nhiên. (Ông Tơ,bà nguyệt, Chú Cuội, chị hằng. -Nhân chủ: Truyện xưa Cóc đi kiện trời. Vũ-trụ khách-quan vô tình diễn. - Có trời mà cũng có ta. - Triết lý tương thông.. .	-Một vòng khống đáy, vô cùng nguyên nhân. -Nhân bản, nhân chủ: Sách ước ba tờ trắng tinh. Đạo kỷ= Tự kỷ nguyên nhân. Nhân khám phá ba tầng chân lý: Vô nguyên =đương nhiên. nhất nguyên: tuyệt đối. Đa nguyên: tương đối. Bản vị và cơ năng hỗbtương. Cá nhân và tập thể thống nhất. Tĩnh động nhất quán. . . .

Hình và ý nghĩa

của lá cờ Đại Việt Duy Dân.

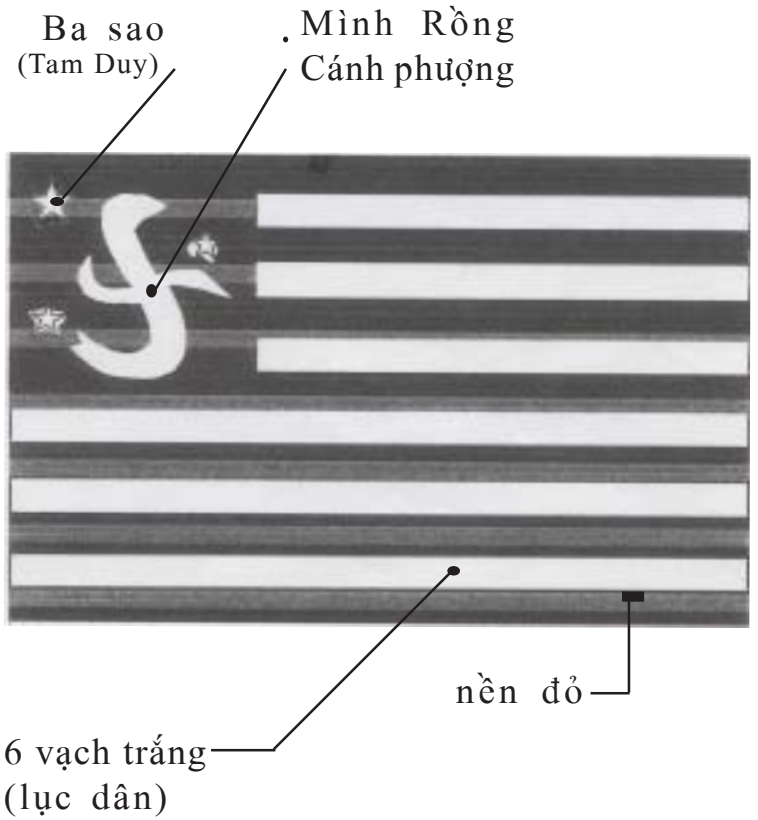

Y Nghĩa

a/ Màu Sắc:

* Màu đỏ là màu máu lửa, chỉ nắng lửa Viêm Phương (Lưỡng hỏa thành viêm. Viêm : hơi lửa, chỉ phương Nam. Ý nói lên Viêm Việt đã có một nền văn-minh sáng lạn khắp phương Nam. Màu đỏ còn tượng trưng cho sức mạnh đấu tranh của nòi Việ

* Màu trắng biểu-hiện ánh sáng văn-minh tỏa ra khắp nơi. Màu trắng thường làm nền cho các màu, nên tượng-trưng tính thanh-khiết, lòng tao-nhã, óc bao-dung của nòi Việt.

b/ Các hình:

* Hình Rồng cánh Phượng (hoặc cánh Tiên)
Rồng biểu tượng cho sức mạnh (lúc động, khi bay bổng, làm mưa làm gió trên không trung), sức nhẫn-nại ẩn-tàng đầy phong-độ của người ẩn-dật.

* Phượng biểu-tượng sự cao-sang, tinh-khiết, văn-vẻ.

Tiên biểu-tượng thanh-cao, nhân-ái, tươi-vui và trường-tồn.

Hình Rồng cánh Phương là biểu-tượng Tiên Rồng, vật tổ của nòi Việt.

Đầu Rồng nhìn ra biển Đông (Đại Nam Hải) hướng về các nước Phi-Luật Tân, Mã Lai, đuôi Rồng quay sang phía Tây, tỏa ánh-sáng ra các nước Lào, Thái, Miên; còn thân Rồng uốn cong hình chữ S tượng-trưng bờ biển nước Việt, trông vào biển Đông, bao lơn Thái Bình Dương, chiếm vị trí trung tâm vùng Đông Nam Á, tỏa ánh-sáng văn-minh ra khắp bốn phương, họp các nước cùng dòng-dõi thành một liên-bang chặt-chẽ (Liên Bang Đại Nam Hải).

và Mai (tuy 2 mà là 1), biểu tượng sự vận hành của trời đất, làm nổi bật ý nghĩa "Tự Kỷ Nguyên Nhân, là vô sai biệt phạm trù". Ba sao cũng biểu hiệu cho 3 nguyên tắc căn bản là NHÂN BẢN, NHÂN TÍNH VÀ NHÂN CHỦ.

* Sáu Vạch Trắng:

Sáu vạch nhắc-nhở 6 nguyên-tắc của Duy Dân Kiến Thiết: Dân-tộc,

(dân đạo, dân-sinh, dân-văn, dân-trí, dân-vực (Lục Dân).

* 7 Vạch đỏ: Tượng-trưng cho lửa Viêm chiếu sáng khắp Đại Nam Hải (kết hợp các nước trong vùng thành Liên Bang Đại Nam Hải).

* Ba Ngôi Sao:

Sao lớn nhất là sao Việt, đứng trên hai sao Hôm và Mai (tuy 2 mà là 1), biểu tượng sự vận hành của trời đất, làm nổi bật ý nghĩa "Tự Kỷ Nguyên Nhân, là vô sai biệt phạm trù". Ba sao cũng biểu hiệu cho 3 nguyên tắc căn bản là NHÂN BẢN, NHÂN TÍNH VÀ NHÂN CHỦ.

* Sáu Vạch Trắng:

Sáu vạch nhắc-nhở 6 nguyên-tắc của Duy Dân Kiến Thiết: Dân-tộc,

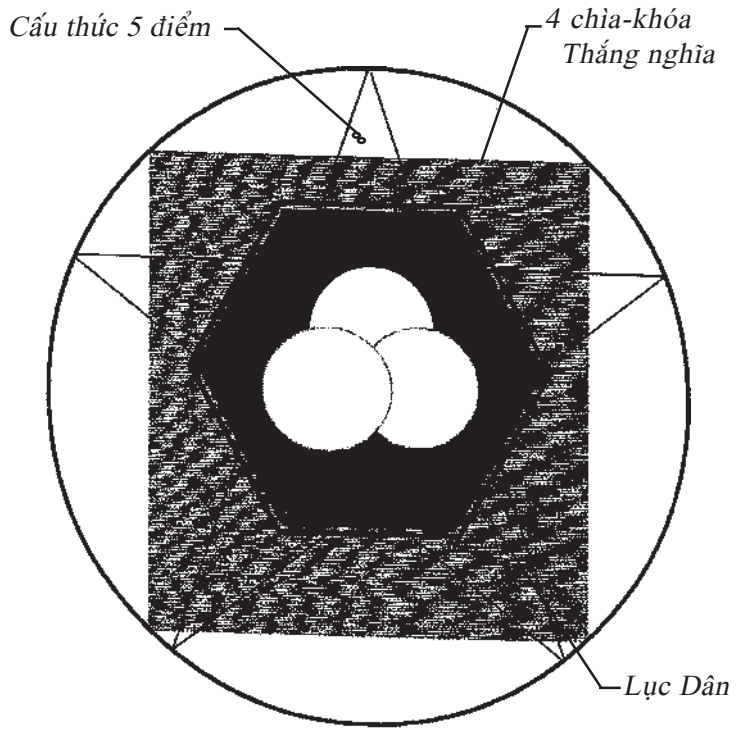

Ngôi Nhà Biện Chứng Duy Dân

Lý Đông A học-thuật:

1/ Tam Duy :

-Duy nhiên,
-Duy Nhân,
-Duy Dân.

2/ Tam Nhân:

-Nhân bản
-Nhân tính
-Nhân chủ.

3/ Chìa khóa của Thắng-nghĩa:

-Căn bản nghĩa. (Tự-nhiên- xã-hội - tư-tưởng thống nhất).

- Căn-bản học: Ba phạm-trù tự nhiên - xã hội - tư-ưởng thường hằng vận động thống nhất nên khoa-hôc-sử học-đạo học phải thống nhất)

- Căn-bản quan: Duy Tâm - Duy Vật - Duy sinh thống nhất.

4/ Lục Dân:

- Dân tộc độc-lập
- Dân văn sáng hóa
- Chỉnh sức dân trị
- Dân vực trọn vẹn.
- Dân đạo phát dương

-Quảng đại dân sinh.

5/ Hỗ-tương nguyên-nhân:

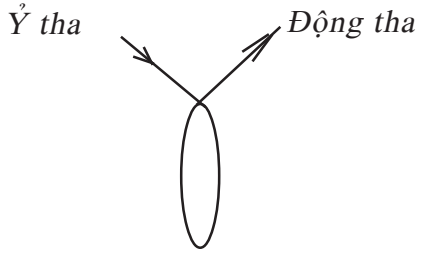

Tư kỷ = Tự thân, tự mình

6/ Tam Duy:

- Duy Nhiên.
- Duy Nhân'
- Duy Dân.

7/ Tam Nhân:

- Nhân bản
- Nhân tính
- Nhân chủ.

8/ Cấu thức 5 diểm:

* Biện chứng Duy nhiên:

- Đạo kỷ = Tự kỷ nguyẹn nhân.
- Tinh thần & vật chất hỗ tương nguyên nhân.
- Vận-động & kết hợp hỗ tương nguyên nhân
- Bản vĩ & Cơ năng hỗ tương nguyên nhân.
-Hỗ tương nguyên nhân = Đạo kỷ.

* Biện chứng Duy nhân:

- Nhân vận động và phát triển theo hình xoáyb trôn ốc có núrt tết.
- Cấu thức 5 điểm ở biện chứng duy nhiên chi phối và phát triển của nhân (Vạn vật tương quan).
- Nhân khám phá ra ba tầng chân lỳ: Vô nguyên đương nhiên, nhất nguyên : tuyệt đối - Đa nguyên : tương đối.

Biện chứng Duy Dân:

- Các quy luq65t của biện chứng duy nhân chi phối mọi vận động và phát triển của dân.
- Xã hội vớintữ nhiên đối lậpmthống nhất.
- Cá thể với tập thể đối lập hống nhất.
- Động bao giờ cũng tìm về tĩnh. Dân luôn luôn tìm cách trở về nhân..

Hiệu dụng của tư-tưởng Lý Đông-A:

1- Thiên nhiên không còn là lồng-chụp tinh thần con người *(Thiên mệnh, Thượng đế, qủy thần,....)*

Một khi ý thức rõ về thiên-nhiên (Vũ-trụ), ***vốn hiện-diện truớc khi có con người,, tức là chối bỏ ckhỏi lồng chụp cua thiên-nhiên đối con người,, chối bỏ thiên mệnh hay quyền uy thương đế,...***

2-Thực sự con người làm chủ sinh mệnh mình. *Vạch rõ thế nào là nhân bãn, nhân tính và nhân sinh thái hòa). Con người khác với mọi độngvật khác là có tư-tưởng. Khoa học tiến đến đâu, vũ trụ có tên đến đó, có con người mới có lịch sử. Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều. (Kiều).*

3- Thiê- Đia - nhân (Tam tài)

Con người là cái tâm của ỉitrời đất, sánh ngang với trời đất, con ng©i có thể *"Tán thiên địa chi hóa dục"* (tựa vào trời đất để tiến-hóa cho cuộc sống, biến hoang vu thành đồng tuộng).. Bởi vậy, nha cách-mạng Trần Cao Vân để lại bài thơ:

"Vịnh Tam Tài"

Trời, Đất *sinh* ***ta*** *có ý không?*
Chưa sinh ***trời, đất*** *có* ***ta*** *trong.*
Ta *cùng* ***trời, đất****, ba ngôi sánh*
Trời đất *cùng* ***ta*** *một chữ đồng*
Đất *nứt* ***ta*** *ra,* ***trời*** *chuyển-động,*
Ta *thay* ***trời*** *, mở* ***đất*** *mênh-mông.*
Trời *che,* ***đát*** *chở,* ***ta*** *thong-thả,*
Trời *,* ***đất****,* ***ta*** *đây đủ hóa công.*

Trời, trong trường-hợp được nhân-cách-hóa, tượng-trưng cho ***thiên lý đại đồng, bảo-vệ, nuôi-dưỡng vạn vật***. Đạo Trời không biệt-lập, mà đồng-nhất với bản tính tiên-thiên của chúng sinh. Ý-tưởng này đã ăn sâu vào tâm-hồn người dân Việt, *"Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính "*. Lý tự-nhiên gọi là *tính*. Y theo tính mà không trái với lẽ tự-nhiên gọi là *"đạo"*. Lấy sửa sang, vun trồng chấn-hưng cho đạo, tức là *"giáo"*. Chúng ta thường nghe nói: *Thổ thần, Đất thiêng, địa linh nhân kiệt,,....*

Trên thực-tế cho thấy đời sống con người có tương-quan chặt-chẽ với vũ-trụ *(tự nhiên)*, đồng-thời thường hằng tiếp-xúc với tha nhân trong xã-hội ở mọi sinh-hoạt, và luôn-luôn nhờ tư-tưởng dẫn dắt trong mọi hoạt-động. Vì thế cả ba phương-diện: **Vũ trụ - tư tưởng và xã-hội thống-nhất**.

Thời Lý, Trần đã hòa-hợp đạo lý cổ truyền (*đạo Nội*) với tam giáo (*Phật, Khổng, Lão*) làm một. Nhờ vậy đã đem lại gần 400 năm thịnh-đạt. Thời-kỳ này, ngoài căn-bản tư-tưởng của dân-tộc tiềm-ẩn trong sinh-hoạt đại-chúng, thầm lặng đai¯lọc, thâu-nhận, ba hệ tư-tưởng Nho - Phật - Lão, không một hệ tư-tưởng nào chiếm địa-vị độc tôn, mà chế hóa, bổ-túc cho nhau.

Cũng nhờ ảnh-hưởng của Lão học, cộng hàng-ngũ Nho sĩ thời Lý Trần chưa đủ bề-thế, nên vua chúa dưới thời Lý, Trần không lòa-quáng với danh-hiệu *"thiên tử "* như ở bên Tàu, tránh được nạn đồng-hóa *thần quyền với thế quyền*.

Trong thời-kỳ Lý Trần, những độc tố của thuyết *"thiên mệnh"* được hai giáo-lý Phật và Lão hóa giải. Lão học tuy công-nhận về chính-trị, nhưng thuyết này quá lý-tưởng, không sát thực-tế. Lão Tử chủ-trương không dùng uy-lực, luật-pháp để cưỡng-ép, không dùng lễ-nghi, âm-nhạc để vỗ-về, ... mà giáo-hóa bằng thái-

độ ung-dung, điềm-nhiên tự tại để mỗi người theo đó mà phát-huy cái lương-tri, ăn-ở hòa-hợp với nhau, trên dưới ai nấy tự biết nghĩa-vụ của mình. Chủ trương này gọi là "*vô vi*", có nghĩa là tránh mọi khuôn-khổ, công-thức gò-bó để lương-tri tự sáng tỏ và hướng-dẫn mọi sinh-hoạt riêng, chung. Thậm chí cả đến danh-từ, Lão Tử cũng ngại dùng đến, "*Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh..*" *(Đạo Đức Kinh)*

Người khác động vật là vì có nhân tính. Xã hội người chính là một tổ-chức có nhân tính. Nhờ nhân tính mà con người hình-thành xã-hội. Nhân tính nguyên khởi để cấu-tạo xã-hội là "***nhu-yếu tính, sắc tính, tự-vệ tính, và xã-hội tính.***" Đó là bốn đặc tính căn-bản của con người khi thành-lập xã-hội.

Nhu-yếu tính của con người phải lấy "*bình*" làm chuẩn. nghĩa là không có người nào bị chèn ép trong sự thỏa-mãn những nhu-yếu tinh-thần cũng như vật-chất. Sắc tính của người phải lấy "*trinh*" làm chuẩn, nghĩa là lòng trung thành song phương giữa nam và nữ.

Tự-vệ tính và xã-hội tính của người phải lấy "*hòa*" làm chuẩn. Liên-hệ giữa người và người là liên-hệ hòa-hài. Sống trong một xã-hội hòa-bình, đó là liên-hệ ***cơ-năng bản-vị hỗ-tương nguyên-nhân***.\

Chối bỏ quyền đặt định một chiều của hóa công là vận-dụng quy luật "***Vạn vật tương-quan và hỗ-tương ảnh-hưởng***". Do đó, đất, nước, gió, mưa,... vô-tình diễn, nhưng qua sức cải-tạo con người, mới có cảnh:

Cho lúa ngập vàng đồng, nong vàng kén,
Cho trăng trong, gió quạt, sáo diều vu
Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù..."
(Sinh Thành)

Cái biết phân-biệt hai đầu cực-đoan - *có không, tốt xấu, thiện ác*, v.v... là nguyên-nhân phát-sinh các tư-

tưởng "duy" (*duy tâm, duy vật, duy sinh, duy lý, duy thần,...*) đối-nghịch nhau, tranh-chấp một mất một còn, gây ra chiến-tranh triền-miên khắp nơi. Đó cũng là nguyên-nhân phát-sinh đối nghịch, hỗn-loạn, khủng-hoảng, bế-tắc trong xã-hội, làm khổ-lụy con người trong đời sống vật-chất và tinh-thần...

Bức tranh lý-tưởng của nông dân là bức tranh *"thái hòa", "an lạc"*:

Làng ta phong cảnh hữu tình
Dân cư an khúc như hình con long
Nhờ trời hạ kế sang đông
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi
Vụ năm cho đến vụ mười
Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề.
Trời ra gắng, trời lặn về
Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề
truân chuyên.
Dưới dân họ, trên quan viên,
Công bình giữ mực, cầm quyền cho hay.
(Ca Dao)

Nền-tảng của đạo sống Việt phát-xuất từ kinh-nghiệm sống hòa-hài qua nghề trồng lúa nước, qua cái nhìn liên-tưởng và tương-dung đối-ứng, nó hó- giải, điều-hợp các mâu-thuẫn giữa hai đầu cực-đoan của cái biết phân-biệt.

Để "hòa" cùng vũ-tru, để cải hóa vũ-trụ và nhân sinh- Dứt bỏ quan niệm sai lầm "*Ủoái lập tiêu diệt*".

Thư mục

Lý Đông-A

Bộ Tư-tưởng Lý Đông-A được gọi là "Đại Việt Duy Dân Chủ Nghĩa Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Pho, gồm 4 bộ chính:

I-**Bộ Huấn** gòm 11 "***Chu Tri Lục***". Bộ này chỉ đưa ra 10 Chu Tri Lục, vì Chu Tri Lục 10 với lý do đặc biệt chưa được đưa ra hiện nay.

II- **Bộ Nhã** gồm những bài văn xuôi dùng để hun-đúc và nuôi-dưỡng tinh-thần dân-tộc. Cuốn "***Huyết Hoa***" đã gom được nhiều bài liên-quan đến bộ sách này.

III- **Bộ Thông** gồm những bài thơ soạn ra để rèn luyện ý-chí và khí-phách Duy Dân. Đa-số các bài được một số cán-bộ Duy Dân đóng thành tập thơ "***Đạo Trường Ngâm***".

IV- **Bộ Mô** tức **Đại Việt Mô** viết về đấu-tranh thực-tiễn và kiến-thiết cách-mạng Duy Dân.

Ngoài bốn bộ chính trên, còn thêm hai bộ:

1 - Thái Dịch Ngoại Thư gồm các tập viết về lịch sử Việt Nam như tập "***Duy Dân Việt Sử Thông Luận***", các tập viết về triết học Duy Dân như "***Nền Triết Học Chính Thống Duy Dân***", và các **tạp luận về Dịch Lý**, ***Bình Giải Sấm Ký Dân Tộc***.

2- **"*Thái Dịch Binh Thư*"**, tập này không thấy xuất hiện, nhưng được một số cán bộ Duy Dân đồng thời với Thư Ký Trưởng Lý Đông A xác-nhận là có.

PHỤ LỤC

Sách Trích Dẫn & Tham Khảo

1- **Phan Bội Châu**, "*Việt Nam Vong Quốc Sử*", nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1957.

2- **X. Y. Thái Dịch Lý Đông A**:

- "*Đạo Trường Ngâm*" Duy Dân Học Xã in xong 1967.
- "*Huyết Hoa*" Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1967 tại Sàigòn.
- "*Chu Tri Lục*", Nhà Xuất Bản Gió Đáy", 1967 tại Sàigon.
- "*Nền Triết Học Chính Thống*", tài liệu chụp lại từ bản đánh máy..

3- **Thái Phương**, "*Tìm Hiểu Chủ Nghĩa Duy Dân*" Bản thảo năm 1990.

4- **Vô Ngã Phạm Khắc Hàm**, "*Triết Lý Lý Đông A*", *Diễn Đàn Địab Lý Nhân văn* Vỉt Nam xut bn, 1998.

5- **Huy Phong & Y‰n Anh**, Đọc lại "*Lão Tử, Đạo Đức kinh*", *Mekong tỵ nạn, xb. 2003*

6- **Nguyễn Đăng Thục**, *"Lịch sửTư tưởng triêt học Phương Dông", nhà xb.. T/P HCM xb. lần 3,1909..*

7- **Trần Ngọc Thêm***: "Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam" nhà xb. t/p HCM 2000 -).*

*

Tham Khảo
Sách Ngoại Quốc:

1-**Arthur Cotterell and David Margan**, *"China's Civilization",* Pracger Publishers, New York, 1975.

2-**Wolfram Eberhard**, "*A History of China*", University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.

3-**Herold J. Wiens,** "*Han Chinese Expansion on South China*", The Shoe String Press Inc. 1967.

4-**Henneth Scott Latourette**, "*The Chinese Their History and Culture*", New York, The Macmillan Co. 1954.

5-**R.L. Wing.** "*The Tao of Power", A Dolphin Book/ Double Day * Company. Inc. Gaeden City, New York, 1966.*

*

Copyright © 2017 by Duy Khang
All rights reserved

Thư-từ và ngân phiếu xin gửi về:
Ô. Đinh Khang Hoạt
900 S. Pueblo St.
Gilbert, AZ. 85233